BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VĂN HỌC 12

TẬP HAI

**PHẦN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
VÀ LÍ LUẬN VĂN HỌC**

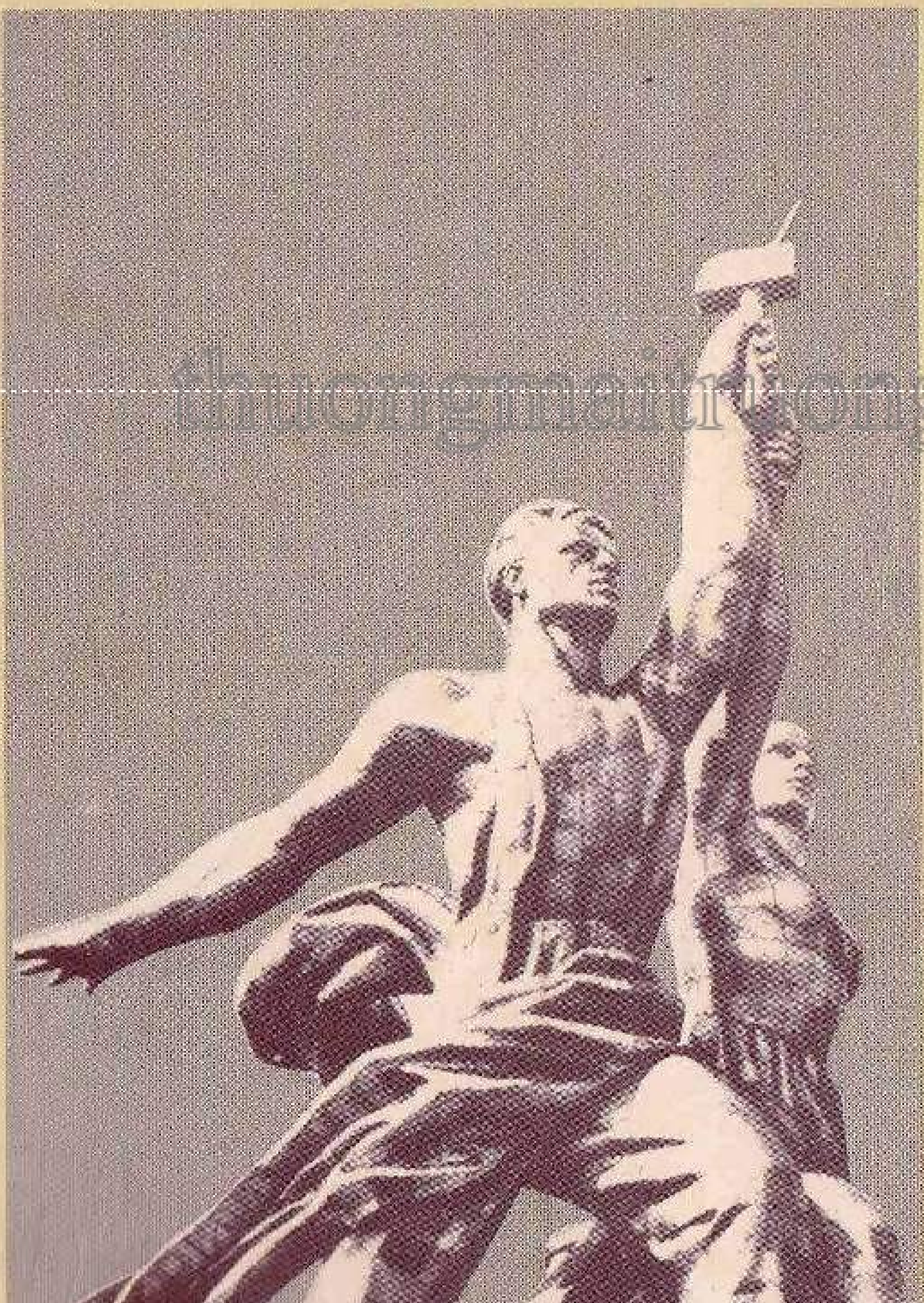

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN HẢI HÀ - LƯƠNG DUY TRUNG
(chủ biên)
ĐẶNG ANH ĐÀO - HOÀNG NGỌC HIẾN
LƯƠNG DUY THỨ - PHÙNG VĂN TỬU - LÊ NGỌC TRÀ
Phần đọc thêm về văn học Nhật Bản và Mĩ Latinh :
PHAN NHẬT CHIÊU - HUY SƠN

VĂN HỌC

12

TẬP HAI
PHẦN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
VÀ LÍ LUẬN VĂN HỌC

(Sách chỉnh lí hợp nhất năm 2000)

truongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

SÁCH CHỈNH LÍ HỢP NHẤT TRÊN CƠ SỞ CÁC SÁCH GIÁO KHOA SAU ĐÂY :

1. *Văn 12 - Phần VHNN và LLVH* do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chủ trì biên soạn. Tác giả :

   NGUYỄN HẢI HÀ (chủ biên), ĐẶNG ANH ĐÀO, TRẦN ĐÌNH SỬ, PHÙNG VĂN TỬU

   Phần đọc thêm về văn học Nhật Bản và Mĩ Latinh : LƯU ĐỨC TRUNG, HUY SƠN

2. *Văn học 12 - Tập hai* do Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn. Tác giả :

   LƯƠNG DUY TRUNG (chủ biên), HOÀNG NGỌC HIẾN, HOÀNG NHÂN, LÊ NGỌC TRÀ

thuongmaitr

8(N)(075) / GD - 00 831/233 - 99

Mã số : 3H202m0

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

BÀI 1

MĂCXIM GORKI

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Kế tục truyền thống vẻ vang của văn học Nga thế kỉ XIX, Măcxim Gorki (1868 - 1936) đặt nền móng cho văn học Xô viết và là một trong những nhà văn lớn của thế kỉ XX.

Phải kiếm sống từ năm lên mười, trước khi cầm bút viết văn, con người đó đã lao động vất vả, nếm trải đủ cảnh đời cay đắng gần mười lăm năm trời. Về sau, Gorki đã tả lại những năm tháng cay đắng này trong tác phẩm bộ ba tự thuật : *Thời thơ ấu* (1913), *Kiếm sống* (1916) và *Các trường đại học của tôi* (1923). Tất cả đều đã được dịch sang tiếng Việt.

Họ và tên thật của nhà văn là Alêchxây Măcximôvich Pêscôp. Sinh ra tại thành phố công nghiệp Nigiơni Nôpgôrôt nằm ven sông Vônga,

Alêchxây Pêscôp mồ côi cha từ năm lên ba và mồ côi mẹ từ năm lên mười. Alêchxây đã trải qua thời thơ ấu thiếu tuổi thơ. Nhà văn nhớ đến thời thơ ấu của mình như một ác mộng hãi hùng. Từ bé Alêchxây đã chứng kiến thói hằn thù độc ác của mấy người cậu trong gia đình ông ngoại. Bà ngoại Aculina Ivanôpna là người bạn duy nhất, nguồn yêu thương sưởi ấm tâm hồn thơ dại của Alêchxây. Chính bà đã khơi dậy trong chú bé lòng yêu thích văn học dân gian. Alêchxây mãi mãi cảm động về lòng nhân hậu và tâm hồn trong sáng của bà. Còn đầu óc an phận, nhẫn nhục của bà thì Alêchxây dứt khoát không tiếp nhận. Ông ngoại dữ đòn, keo kiệt, khô khan. Nhưng chính ông dạy Alêchxây biết đọc biết viết và qua ông, chú bé bắt đầu lờ mờ cảm nhận được cái gai góc của cuộc đời.

Ngồi trên ghế trường tiểu học chả được bao lâu, Alêchxây đã phải vào đời kiếm sống. Khi làm nghề rửa bát trên tàu thủy, Alêchxây gặp bác đầu bếp Xmurươi tốt bụng, mù chữ nhưng tích cóp được cả một hòm sách. Chú bé đọc bao nhiêu sách cho bác nghe. Cái thú đọc sách của Alêchxây bắt đầu từ đó. Có lần vì mụ chủ nhà keo kiệt, xấu tính, chú bé phải đánh bóng cái xanh đồng, hứng ánh trăng đọc sách.

thuongmaitr

Năm 1884, Alêchxây đi Kadan với hi vọng vào học đại học ở đây nhưng không được. Anh làm việc ở cảng sông, ở lò bánh mì và làm quen với giới sinh viên, tiếp tục tự học. Alêchxây theo những người cách mạng về làng quê vận động nông dân. Tiếp đó anh làm nghề chài lưới trên biển Kaxpi, gác đêm, coi hàng ở ga xe lửa.

Cuối năm 1891, Alêchxây lại một lần nữa đi chu du khắp nước Nga, vừa đi vừa kiếm sống. Anh đã từng làm thợ khuân vác ở Rôxtôp, làm tá điền ở Ukraina, đi làm ở mỏ muối, hái nho thuê ở Betxarabi, khuân vác ở cảng Ođetxa, quai búa lò rèn và làm kế toán trong xưởng sửa chữa tàu ở Tiphlix, đắp đường Xukhum - Nôvôrôtxixcơ. Hòa mình vào dòng người đói khát, lang thang, Alêchxây đã nhận biết tất cả thói đê mạt của cuộc đời trĩu nặng như chì.

Cuộc đời cũ định đẩy Alêchxây Pêscôp xuống bùn đen, nhưng anh đã tôi rèn mình qua trường đời khắc nghiệt, qua lao động vất vả, và với nghị lực phi thường, anh vươn tới ánh sáng văn hóa, trở thành nhà văn Măcxim Gorki.

Bước vào làng báo, làng văn chuyên nghiệp từ năm 1892, đầu năm 1898, Gorki đã có tuyển tập truyện ngắn và nổi tiếng khắp nước Nga. Từ đầu thế kỉ XX, châu Âu đã biết tiếng Gorki. Năm 1902, Viện hàn lâm khoa học Nga nhất trí bầu Gorki làm viện sĩ danh dự. Nga hoàng Nicôlai II đã bác bỏ quyết định của Viện hàn lâm. Các nhà văn A. Sêkhôp và G. Kôrôlencô đã tuyên bố từ bỏ danh hiệu viện sĩ danh dự của mình để phản đối hành động độc đoán đó của Nga hoàng.

Trong hơn bốn chục năm cầm bút, Gorki đã thể hiện tài năng trong nhiều thể loại. Ông là bậc thầy về truyện ngắn và chân dung văn học. Ông đã viết tới trên 20 vở kịch và nhiều tiểu thuyết như *Người mẹ*, bộ ba tự thuật, *Cuộc đời Klim Xamghin*. Tiểu thuyết *Người mẹ* (viết năm 1906) đã từng có ảnh hưởng tích cực ở Việt Nam, đặc biệt là trong thời kì trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Kinh nghiệm cầm bút nhiều năm cùng vốn văn hóa sâu rộng khiến cho nhiều lời phát biểu của Gorki về văn học chẳng những sinh động, sâu sắc, mà đôi khi còn khá hóm hỉnh.

Gorki tham gia hoạt động cách mạng sớm và bị cảnh sát Nga hoàng bắt giam nhiều lần (1898, 1901, 1905). Ông đã trở thành bạn chiến đấu của Lênin. Đánh giá cao tài năng Gorki, Lênin coi ông là "đại diện vĩ đại nhất của nghệ thuật *vô sản*".

Gorki luôn băn khoăn về những gì sai trái, quá mức, chệch hướng trong buổi đầu hỗn loạn thời Cách mạng tháng Mười. Trong loạt bài báo *Những ý nghĩ không hợp thời* (viết từ tháng 4 năm 1917 đến tháng 6 năm 1918), Gorki nghĩ nhiều về mặt yếu kém của nông dân và con đường cách mạng ở một nước mà nông dân chiếm đa số, về

vai trò của giới trí thức, về việc tôn trọng cá nhân con người cùng với quyền tự do của nó, về việc tổ chức lao động hoạt động khoa học để thoát khỏi đói nghèo, về việc giữ gìn di sản văn hóa, về phẩm chất của người cách mạng v.v... Ông nhìn thấy cả mâu thuẫn, cả mặt yếu kém của nhân dân, của cách mạng bởi vì, như ông nói : "Phải, tôi yêu nước Nga, yêu nhân dân Nga một cách day dứt, đầy lo lắng".

Gorki là người thợ cả có công đầu trong việc xây dựng nền văn hóa và văn học mới. Ông tận tình giúp các nhà văn trẻ. Hiếm có nhà văn Xô viết nào không ít hay nhiều, gián tiếp hay trực tiếp chịu ảnh hưởng của ông.

Nhằm mở mang văn hóa cho công chúng đông đảo, Gorki khởi xướng nhiều tạp chí lớn về văn học, xuất bản 100 tuyển tập các nhà văn Nga ưu tú, 200 tác phẩm của các nhà văn thế giới.

Năm 1934, tại Đại hội nhà văn Xô viết lần thứ nhất, ông trình bày bản báo cáo dài về "Văn học Xô viết", và được bầu làm Chủ tịch Hội nhà văn Liên Xô. Gorki là một trong những người đề xướng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, coi đó là phương pháp sáng tác của văn học nghệ thuật vô sản.

Nói đến Gorki là nói đến lòng tin yêu, thậm chí sùng bái con người : "Tất cả ở trong con người, tất cả vì con người! (...) Con người ! Tiếng ấy thật tuyệt diệu ! Tiếng ấy vang lên kiêu hãnh và hùng tráng xiết bao !" (kịch *Dưới đáy*).

Gorki biết say đắm trước cảnh đẹp thiên nhiên nhưng ông thích "thiên nhiên thứ hai" hơn, nghĩa là cái thiên nhiên do con người cải tạo, xây đắp. Gorki ca ngợi lao động, quý trọng khoa học và say mê văn học nghệ thuật vì cả ba đều góp phần tạo dựng cuộc sống văn hóa cho con người.

Gorki chủ trương một lối sống đẹp đẽ, cao thượng : "Thà chết thiêu trong lửa còn hơn là chết đuối trong đầm lầy" (truyện ngắn

thuongmaitr

Người bạn đường của tôi). Ông vạch rõ hướng lựa chọn : "Chỉ có hai hình thức sống : thối rữa và cháy bùng. Bọn hèn nhát và tham lam chọn lối sống thứ nhất, những người dũng cảm và rộng lượng chọn lối thứ hai" (bài thơ văn xuôi *Đồng hồ*). Gorki khuyên con người nên sống tốt hơn trước khi sống sướng hơn. Ông ước ao sự hòa hợp giữa Cái Tốt và Cái Đẹp. Vì thế ông coi mĩ học là đạo đức học của tương lai.

GIẢNG VĂN

MỘT CON NGƯỜI RA ĐỜI

Ấy là vào năm 1892, năm đói kém, ở cái vùng giữa Xukhum và Otsemtsiry, trên bờ sông Kôđor, cách biển không xa. Qua tiếng réo tươi vui của dòng nước sáng long lanh chảy qua vùng núi có thể nghe rõ tiếng sóng biển rì rầm.

uongxua.vn

Mùa thu. Trong đám bọt nước tung trắng xóa của dòng sông Kôđor quay cuồng những chiếc lá trúc đào đã vàng úa, khi ẩn khi hiện, trông như những con cá mương con nhanh nhẹn. Ngồi trên những tảng đá cheo leo trên dòng nước, tôi nghĩ chắc mấy con chim âu và chim cốc cũng trông nhầm lá trúc đào thành cá, cho nên mới mắc cỡ mà kêu lên những tiếng hờn dỗi như vậy ở miệt bên kia, sau rặng cây phía tay phải, nơi sóng vỗ ì ầm.

Trên đầu tôi, những cây dẻ đã nhuộm một màu vàng rực, và quanh chân tôi la liệt những chiếc lá giống như những bàn tay ai đã chặt lìa khỏi cánh. Ở bờ bên kia những cành trăn đã trụi hết lá, rũ rượi như một tấm lưới rách, và tựa hồ mắc vào tấm lưới đó, một con gõ kiến vùng núi nửa đỏ nửa vàng đang nhảy nhót rối rít, gõ cái mỏ đen vào vỏ thân cây lùa sâu bọ ra, trong khi mấy con sơn tước láu lỉnh và mấy con nhạn núi màu xám lam - những vị khách từ phương bắc xa xôi đến - tha hồ mổ ăn.

Phía tay trái tôi, trên các đỉnh núi, treo lơ lửng những đám mây nặng nề màu khói báo hiệu một cơn mưa, bóng mây trườn đi trên các sườn núi màu

lục mọc tua tủa những cây xam-sít cằn cỗi, và trong các hốc cây gỗ dẻ và bồ đề có thể tìm thấy thứ "mật say" thời xưa đã từng suýt gây tai họa cho cả một đoàn quân của Pômpê vĩ đại : chất ngọt ngây ngất của nó đã làm cho các chiến sĩ La Mã sắt thép ấy say mềm ra không còn đứng được nữa ; ong đã làm ra chất mật ấy bằng nhụy hoa nguyệt quế và nhụy hoa đỗ quyên, và những người "qua đường" moi mật từ trong hốc ấy ra, phết lên bánh tráng bột mì mà ăn.

Chính đó là việc tôi đang làm trong khi ngồi trên mấy tảng đá dưới bóng cây dẻ, mình còn nhức nhối vì vừa bị một con ong nổi giận đốt cho đau điếng : tôi lần lượt chấm từng miếng bánh mì vào một cái nồi đầy mật vừa ăn vừa ngắm những trò chơi lười biếng của ánh nắng thu mỏi mệt.

Về mùa thu, cảnh Kapkadơ giống như cảnh một thánh đường tráng lệ dựng lên do những bậc đại hiền - họ đồng thời bao giờ cũng lại là những kẻ trọng tội - họ đã dựng lên để che cái dĩ vãng của họ khỏi đôi mắt xoi mói của lương tâm, một ngôi đền mênh mông bằng vàng, bằng ngọc bích, ngọc thạch, họ đã treo lên các sườn núi những tấm thảm đẹp nhất của người Tuyêcmen dệt bằng lụa tại Xamarkand, tại Semakh, họ đi vơ vét báu vật của khắp thế giới đem về đấy, trải ra dưới mắt của Mặt trời, như thể muốn nói với vị thần này :

– Đây là của Người - do những kẻ nô lệ của Người đem dâng lên Người.

... Tôi thấy những người khổng lồ râu dài tóc bạc, có đôi mắt mở rõ to của những đứa trẻ vui tính, đang xuống núi để tô điểm cho đất đai, đến đâu cũng hào phóng tung ra những châu báu muôn màu, bịt lên các đỉnh núi những tấm bạc dày và phủ lên chân núi những tấm thảm sinh động gồm những loại cây muôn vẻ, và dưới bàn tay họ, mảnh đất diễm phúc này đẹp lên một cách lộng lẫy đến hoang đường.

Cao cả thay cái chức vị làm người trên trái đất - được thấy bao nhiêu điều kì diệu, trái tim được rung động một cách ngọt ngào mãnh liệt biết bao nhiêu trong khi nín lặng chiêm ngưỡng cái đẹp tuyệt vời !

Ừ, thì cũng có khi khổ thật, cả lồng ngực rót đầy một niềm căm ghét như đốt, như thiêu và nỗi lo buồn khao khát hút máu trong tim anh, nhưng cái đó có phải vĩnh viễn đâu, vả lại ngay như Mặt trời nhiều khi cũng rất

buồn khi nhìn xuống loài người : nó đã ra công bao nhiêu cho họ, mà họ vẫn chẳng ra gì...

Dĩ nhiên cũng không ít những người tốt, nhưng ngay họ cũng phải đem sửa lại, hay tốt hơn nữa là đem làm lại hẳn.

... Phía trên những bụi bờ, ở bên tay trái tôi, những cái đầu đen đủi đang lắc lư : trong tiếng sóng biển vỗ bờ và tiếng sông réo, những tiếng người nói chỉ nghe thoang thoảng - đó là những kẻ "đói ăn" trước đi đắp đường ở Xukhum bây giờ đang kéo nhau đến Otsemtsiry xin việc.

Tôi biết rõ họ : đó toàn là người tỉnh Oren, tôi đã từng cùng làm với họ và cũng bị giãn việc với họ từ hôm qua ; tôi bỏ ra đi sớm hơn họ, từ lúc còn tối đêm, để đón cảnh mặt trời mọc trên bờ biển.

Bốn gã mugic và một chị nông dân trẻ tuổi có đôi gò má cao, cái bụng chửa phưỡn tướng lên, hai con mắt màu xanh xám giương to có vẻ sợ sệt. Tôi trông thấy cái đầu trùm chiếc khăn vàng của chị nhô lên trên các bụi rậm, nó lắc lư như chiếc hoa quỳ đang nở to gặp cơn gió. Ở Xukhum chị vừa mất người chồng - ngốn nhiều trái cây quá lăn ra chết. Tôi đã từng ở chung một lần với bọn người này : theo cái thói quen tốt lành của dân Nga, họ kể lể những nỗi khổ cực của họ nhiều và to tiếng đến nỗi cách xa đến năm dặm dễ thường cũng còn nghe thấy.

Đó là những con người chán ngắt, bị nỗi khổ cực xéo nát đi rồi, nó đã dứt họ ra khỏi mảnh đất quê hương kiệt quệ không còn chút màu mỡ nào và tựa như gió cuốn đám lá héo mùa thu, nó đã dồn họ về đây, nơi mà cảnh xa hoa tráng lệ của một thiên nhiên xa lạ khiến họ phải ngạc nhiên, lóa mắt, và những điều kiện làm ăn nhọc nhằn đã làm cho họ ngã khuỵu hẳn xuống. Ở đây cái gì họ cũng ngơ ngác nhìn ngó, hấp háy đôi mắt bạc phếch, buồn rười rượi, mỉm với nhau những nụ cười thảm hại, khẽ lắp bắp :

– Ái chà chà !... Đất đai gì mà lạ...

– Thật phát ớn lên ấy.

– Ờ... ờ... thế nhưng mà - đá cả đấy.

– Xứ sở này khó sống lắm chứ không phải...

Và họ hồi tưởng cánh đồng cỏ Ngựa cái, bãi chắn Cạn, dải đất Ướt - những nơi thân thuộc mà mỗi nắm đất đều là một nắm tro của hài cốt ông

cha họ và mọi vật đều quen thuộc, thân yêu, đầy kỉ niệm, nơi mà mỗi tấc đất đều thấm sâu mồ hôi của họ.

Đi với họ còn có mụ đàn bà cao lêu đêu, người thẳng đuột và dẹt như tấm ván, hàm dài như hàm ngựa, đôi mắt lác đen như than có cái nhìn đùng đục.

Cứ tối tối mụ đi với cái chị trùm khăn vàng kia ra sau lán và ngồi trên đống gạch vụn, má tựa vào lòng bàn tay, đầu ngoẹo sang một bên, cất cái giọng cao và nghe như giận dữ lên hát :

Sau bãi tha ma,
Trong đám bụi rậm,
Em trải lên cát
Tấm khăn trắng ngần.
Liệu có về không,
Bạn tình yêu dấu ?
Có về với em,
Để em mừng đón.

Chị khăn vàng thì thường ngồi im, đầu cúi gục xuống nhìn bụng, nhưng đôi khi bỗng dưng cái giọng khàn khàn, ồm ồm như giọng đàn ông của chị lại uể oải họa thêm vào bài hát mấy tiếng nức nở :

thuongmaitr

Ôi bạn tình ơi !
Bạn tình yêu dấu,
Thôi chẳng còn mong
Gặp lại nữa rồi.

Trong bóng tối dày đặc, ngột ngạt của đêm miền nam, những giọng hát ai oán này nhắc nhở cảnh miền bắc, những cánh đồng hoang phủ tuyết, tiếng rít của gió bão và tiếng sói hú xa xa...

Ít lâu sau mụ lác lên cơn sốt phải lấy vải dầu làm cáng khiêng về tỉnh. Nằm trên cáng mụ cứ vật vã, mồm rên ư ử như thể đang hát tiếp bài hát về bãi tha ma và khoảng đất cát.

... Ngụp vào không khí, cái đầu trùm khăn vàng mất hút.

Tôi ăn nốt bữa điểm tâm, lấy lá đậy chỗ mật trong nồi, thắt lại khăn gói và thong thả bước theo lũ người đang đi xa dần, chiếc gậy gõ côm cốp lên mặt đường rắn cấc.

Thế là cả tôi nữa cũng đang bước trên dải đường mòn hẹp màu xám. Bên phải là biển cả một màu xanh thẳm đang chập chờn ; tựa hồ như thể có những người thợ mộc vô hình đang đưa hàng ngàn cái bào bào lên mặt biển - những dãy vỏ bào trắng muốt thi nhau rào rào chạy vào bờ trước làn gió ướt, ẩm và thơm như hơi thở của một người đàn bà khỏe mạnh. Một chiếc thuyền buồm Thổ Nhĩ Kì thân nghiêng nghiêng về bên trái, đang lướt về phía Xukhum, buồm căng phồng lên như đôi má béo phị của ông kĩ sư bệ vệ ở Xukhum mỗi khi ông làm ra vẻ quan trọng. Ông này là một người rất mực đứng đắn. Không hiểu tại sao đáng nói "im" thì ông ta lại nói "dim", đáng nói "mày" thì ông nói "mè".

– Dim ngay! Mè có láu cá bằng mười tao cũng lôi ra sở cảnh sát ngay.

Ông thích lôi người ta ra sở cảnh sát, và tôi thấy khoan khoái khi nghĩ rằng chắc hẳn từ lâu giòi bọ ở dưới mộ đã khoét thây ông đến tận tủy rồi.

... Đi thấy cứ nhẹ nhõm như bơi trong không khí. Những ý nghĩ thích thú, những kỉ niệm muôn màu sặc sỡ đang quây nhau im lặng nhảy vòng trong kí ức tôi ; điệu múa này trong tâm trí tôi cũng như những lớp bọt trắng xóa trên mặt biển, nó nổi lên trên, còn ở chiều sâu thì yên tĩnh lắm, ở đây đang ung dung bơi lượn những niềm hi vọng tươi sáng và mềm mại của tuổi trẻ như một đàn cá bạc đang lướt đi dưới đáy biển sâu thẳm.

uongxua.vn

Con đường dần dần mon men ra gần biển, nó uốn khúc trườn ra sát dải cát nơi sóng vỗ vào bờ, các bụi rậm cũng muốn nhìn tận mặt sóng, chúng nó nghiêng mình qua dải đường mòn như cúi chào bãi sa mạc nước xanh mênh mông.

Gió núi thổi về - thế nào rồi cũng mưa.

... Một tiếng rên khe khẽ trong đám bụi rậm - một tiếng rên của người, bao giờ cũng làm lòng ta xao động như trước một cái gì ruột rà thân thuộc.

Tôi vạch bụi rậm ra, thì trông thấy cái chị trùm khăn vàng ngồi tựa lưng vào thân một cây hồ đào, đầu ngả xuống một bên vai, miệng bè ra, méo xệch, mắt trợn ngược lên, như mắt người điên ; hai tay ôm lấy cái bụng chửa to tướng, chị thở dữ dội khác thường, đến nỗi

cả cái bụng chị rung lên bần bật ; chị lấy hai tay giữ lấy bụng, khẽ gầm gừ, miệng để lộ hàng răng vàng vàng như nanh chó sói.

– Sao thế, bị họ đánh à ? – tôi cúi xuống hỏi.

Chị đạp đạp hai bắp chân trần trên lớp bụi màu tro như con ruồi chùi chân, mái đầu nặng nề lắc lư, cất tiếng khàn khàn nói :

– Đi đi... không biết dơ à... xéo đi !

Tôi hiểu ngay sự tình - tôi đã có lần trông thấy rồi, - dĩ nhiên là tôi đâm hoảng, giật mình nhảy lùi lại, trong khi người đàn bà rống lên một tiếng kéo dài, và từ đôi mắt lồi lên như muốn nổ tung, những giọt nước mắt đục trào ra và từ từ chảy trên khuôn mặt đỏ bầm, căng bự lên.

Thấy thế tôi quay trở lại, vứt bỏ cái tay nải, cái ấm trà, cái nồi đựng mật xuống, ẩy chị nằm ngửa ra đất và cầm hai chân chị toan đặt cho chị gấp đầu gối lại, nhưng chị xô tôi ra, lấy hai tay đánh vào mặt, vào ngực tôi, quay người đi, và như con gấu cái, chị vừa gầm ghè vừa cất tiếng rên khò khè, bò bốn chân cố chui vào đám bụi rậm cho xa tôi ra.

– Đồ kẻ cướp... Đồ quỷ sứ !...

Khuỵu tay, chị ngã mặt úp sấp xuống đất và lại rống lên, hai chân đạp rướn ra, quằn quại.

Người nóng bừng như lên cơn sốt, hối hả cố nhớ cho ra tất cả những gì mình biết được về cái khoản này, tôi lật ngửa người chị ra, đẩy cho hai chân chị co lại - ở cửa mình đã thấy bọc ối nhú ra ngoài.

– Nằm yên, sắp ra rồi...

Tôi chạy ra biển, xắn ống tay áo lên, rửa sạch hai tay, quay trở lại và... trở thành người đỡ đẻ.

Người đàn bà quằn quại như miếng vỏ bạch dương hơ lửa, hai tay cứ đập đập xuống mặt đất ở hai bên mình, rồi nhổ một bụi cỏ úa, cố nhét nó vào mồm, làm đất cát vãi đầy lên khuôn mặt dễ sợ, trông

không còn ra mặt người nữa, với đôi mắt đã dại hẳn ra, chạy đầy những tia máu, trong khi cái ối đã vỡ và đầu cái thai đã nhú ra. Tôi phải giữ lấy đôi chân đang giãy giụa, đỡ lấy đứa bé và trông chừng cho chị đừng đút nắm cỏ vào cái mồm méo xệch đang gầm gừ.

Chúng tôi văng tục ra với nhau ít nhiều, chị thì chửi, qua kẽ răng, còn tôi thì cũng chửi không to lắm - chị thì chửi vì đau và chắc cũng vì xấu hổ, còn tôi thì vì ngượng nghịu luống cuống và vì thương chị quá chừng...

– Giời ôi là giời, – chị khò khè, đôi môi tím bầm mím chặt lại, bọt sùi hai bên mép, và từ đôi mắt trông như bỗng bạc màu đi dưới ánh nắng vẫn tuôn ra những giọt nước mắt của nỗi đau đớn vô cùng của người mẹ, và toàn thân chị như vỡ ra, chia hẳn ra làm đôi.

– Đi đi, đồ quỷ sứ...

Chị vẫn giơ đôi tay yếu ớt, vẹo vọ đẩy tôi ra. Tôi cố khuyên nhủ chị :

truongxua.vn

– Rõ ngốc, cố mà rặn đi, nhanh lên...

Tôi thấy thương chị quá chừng và tôi có cảm giác như nước mắt chị đã bắn lên ướt cả mắt tôi, lòng tôi đau thắt lại, muốn gào lên. Thế là tôi gào :

– Nào, nhanh lên !

Và trên tay tôi đã có một con người - đỏ hỏn. Tuy mắt nhòa lệ, tôi cũng thấy rõ là nó đỏ hỏn và chưa chi đã bất mãn với cuộc đời rồi, nó vùng vằng, giãy đạp và hét tướng lên, tuy cuống rốn vẫn còn dính vào mẹ. Mắt nó màu xanh nhạt, mũi nó tẹt một cách đến buồn cười trên cái mặt đỏ tía, nhàu nhò, đôi môi nó mấp máy và kéo rê :

– Ya... Ya...

Trơn thế này, không khéo tuột ra khỏi tay tôi mất. Tôi quỳ gối lên, nhìn nó mà cười lớn : Rất mừng được gặp chú bé ! Và tôi quên khuấy đi mất những việc còn phải làm.

– Cắt đi... – người mẹ khẽ thều thào. Mắt chị đã nhắm nghiền lại, mặt chị trũng xuống, nước da xám ngoét như người chết, hai môi xanh nhợt mấp máy :

– Lấy dao... mà cắt...

Dao tôi thì hôm ở lán nó đánh cắp mất rồi - tôi đành lấy răng cắn rốn. Thằng bé khóc rống lên bằng cái giọng ồ ồ vùng Oren ; còn mẹ nó thì mỉm cười : tôi thấy rõ đôi mắt sâu thẳm của chị tươi rói lên một cách kì lạ, cháy bừng lên một ngọn lửa xanh biếc. Bàn tay rám nắng của chị nắn nắn trong váy lần các túi, và đôi môi cắn chặt đến ứa máu ra phều phào :

– H-hết hơi... rồi... dây trong... túi... buộc rốn lại...

Tôi mò túi lấy dây, buộc rốn thằng bé. Nụ cười của chị mỗi lúc một thêm rạng rỡ ; nụ cười ấy đẹp đẽ, chói lọi đến nỗi tôi gần như lóa mắt.

– Chị sửa sang lại đi, tôi đi tắm cho nó...

thuongmaitr

Chị lo lắng lẩm bẩm :

– Coi khéo đấy nhé... cẩn thận...

Đấng người đỏ hỏn này tuyệt nhiên chẳng cần ai cẩn thận hết : nó siết chặt nắm tay và cứ thế mà gào mãi, như thể thách ai đánh nhau :

– Ya-a... Ya-a

– Ừ thì mày, mày[1].

Chú mày phải tự khẳng định cho khỏe vào mới được, chứ không thì kẻ đồng loại sẽ vặt cổ chú mày...

Nó gào to và trang trọng hơn cả là khi lần đầu tiên một đợt sóng biển phả bọt lên người nó, vui vẻ quất mạnh vào cả hai chúng tôi, rồi đến khi tôi bắt đầu vỗ vỗ vào ngực, vào lưng nó, nó nheo mắt lại, quẫy đạp và thét tướng lên nhức cả tai, trong khi hết đợt sóng này đến đợt sóng khác vẫn phả vào người nó.

– Cứ làm ầm lên đi, chú bé Oren ! Cứ gào toáng lên...

Khi tôi bế nó trở về với mẹ, chị ta đang nằm, mắt đã nhắm nghiền trở lại, môi cắn chặt, quằn quại trong cơn co bóp đang đẩy cái nhau ra, nhưng bất chấp cơn đau quặn, qua những tiếng rên và những tiếng thở dài, tôi nghe thấy tiếng thì thầm như hấp hối của chị :

– Đưa... đưa nó đây cho tôi...

– Thong thả đã.

– Đưa đây...

Và chị đưa hai tay run run quờ quạng cởi cúc trên ngực áo. Tôi giúp chị vạch ra cho thằng con đôi vú mà thiên nhiên đã chuẩn bị để nuôi đủ đến hai chục đứa bé, tôi đặt thằng bé Oren hung hăng nằm nép vào thân thể ấm áp của chị : nó hiểu ngay mọi sự và im bặt.

– Lạy Đức mẹ Chí thánh, Chí trinh(2) – người mẹ rùng mình, thở dài và trăn trở mái đầu tóc rối lăn qua lăn lại trên tay nải.

Rồi đột nhiên, chị khẽ kêu lên một tiếng, im bặt, rồi lại mở mắt ra, đôi mắt đẹp vô cùng, đôi mắt thần thánh của người sản phụ. Xanh biếc, đôi mắt ấy nhìn lên bầu trời xanh biếc, trong đôi mắt bừng lên và hòa tan một nụ cười hoan hỉ biết ơn ; nhấc cánh tay nặng trĩu, người mẹ chậm rãi làm dấu thánh cho mình và cho con...

– Đội ơn Người. Đức mẹ Chí trinh... ôi... xin tạ ơn Người.

Đôi mắt phụt tắt, trũng xuống, chị im lặng hồi lâu, hơi thở chỉ còn thoi thóp, rồi chị bỗng nói với cái giọng rắn rỏi của một người đang toàn tâm lo nghĩ đến công việc :

– Này anh bạn trẻ, anh cởi hộ cái tay nải tí...

Tay nải cởi xong, chị nhìn tôi chăm chắm, mỉm cười yếu ớt, và tôi mường tượng thấy đôi má hóp và vầng trán lấm tấm mồ hôi của chị thoáng ửng hồng.

– Anh tránh ra chỗ khác một chút...

– Chị không nên cử động nhiều...

– Thôi nào, anh tránh ra...

truongxua.vn

Tôi đi vào đám bụi rậm, cách đấy một quãng. Tim nghe như mệt mỏi, nhưng trong lồng ngực lại như có những con chim gì kì diệu đang khẽ hót lên, và âm thanh ấy hòa với tiếng sóng biển rì rầm không ngớt nghe du dương đến nỗi giá cứ nghe suốt năm cũng không biết chán...

Gần đâu đây có tiếng suối róc rách, nghe như tiếng một thiếu nữ thủ thỉ kể chuyện người yêu với bạn gái mình.

Bên trên đám bụi rậm thấy nhô lên cái đầu trùm khăn vàng - bây giờ khăn đã trùm ngay ngắn, nuột buộc gọn gàng.

– Ái chà, bà chị, xắng xở hơi sớm quá đấy !

Tay vịn vào một bụi cây, chị ngồi rũ rượi như thể đã dốc hết máu, mặt xám ngoét không còn chút khí sắc nào, mắt như hai hồ nước xanh mênh mông. Chị nói thì thầm, giọng xúc động :

– Anh trông nó ngủ này...

thuongmaitr

Nó ngủ ngon thật, nhưng theo ý tôi thì cũng chẳng có gì hơn các trẻ khác, hoặc nếu có khác chăng cũng chỉ là ở cái bối cảnh : Nó nằm trên một lớp lá thu vàng rực, dưới một bụi cây không hề thấy mọc ở tỉnh Oren bao giờ.

– Nằm xuống một chút thì hơn, bà mẹ ạ.

– Không-ông – chị vừa nói vừa lắc lắc mái đầu trên cái cổ oằn oại – tôi phải sửa soạn rồi đi đến cái chỗ... gì ấy nhỉ...

– Đi Otsemtsiry à ?

– Ấy đúng ! Dân hàng xứ nhà tôi dễ đã đi được mấy dặm rồi...

– Chị đi sao nổi ?

– Đã có Đức mẹ chứ ! Người sẽ phù hộ tôi...

Ấy đấy, chị ta đã cùng đi với Đức mẹ thì tôi chỉ còn cách ngậm tăm thôi !

Chị nhìn khuôn mặt bé tí, phụng phịu của thằng bé đang nằm ngủ dưới bụi cây, đôi mắt phát ra những luồng ánh sáng ấm áp, chan chứa tình thương, rồi chị liếm môi và chậm rãi đưa tay lên vuốt ngực.

Tôi góp cành khô lại, bê mấy hòn đá để đốt lửa đun ấm nước chè.

– Tôi thết chị cốc nước chè nhé...

– Hở ? Ừ anh cho uống với... trong ngực cứ như khô rang cả ra rồi.

– Sao dân hàng xứ nhà chị lại bỏ chị mà đi ?

– Bỏ đâu, ai lại thế ! Tôi cố tụt lại đấy chứ. Với lại họ đang say, thôi thế cũng hay, nếu không, trước mặt họ tôi làm thế nào mà...

Chị đưa mắt nhìn tôi, lấy khuỷu tay che mặt, rồi nhổ ra một ít máu, chị mỉm cười ngượng nghịu.

– Chị sinh cháu đầu lòng đấy à ?

– Đầu lòng đấy... Thế anh là ai ?

truongxua.vn

– Đâu tuồng như là người thì phải...

– Không là người thì còn là cái gì ? Có vợ chưa ?

– Đâu có phúc đến thế...

– Nói dối à ?

– Tôi nói dối làm gì ?

Chị cụp mắt xuống, nghĩ ngợi một lát :

– Thế sao anh lại thạo việc... của đàn bà ?

Bây giờ thì tôi nói dối. Tôi bịa :

– Tôi có học qua. Sinh viên mà... chị đã nghe nói sinh viên là thế nào chưa ?

– Ai lạ gì ! Ông pôp[3] làng tôi có thằng con trai cũng là sinh viên cao đẳng, học để ra làm pôp đấy...

– Ấy đấy, tôi cũng đám ấy. Thôi để tôi đi lấy nước nhé...

Người đàn bà ghé đầu xuống sát đứa con, lắng tai nghe thử nó có thở không, đoạn nhìn ra phía biển :

– Muốn tắm rửa một chút, nhưng đây nước lạ... nước gì mà lại thế ? Vừa mặn vừa chát...

– Ấy chị cứ rửa nước ấy đi, lành lắm đấy !

– Ủa ?

– Thật đấy mà. Lại ấm hơn nước suối ; nước suối ở đây như băng ấy.

– Những chuyện này thì phải nghe anh thôi.

Đầu gục xuống ngực, một anh chàng người Apkhadơ ngủ gà ngủ vịt trên lưng con ngựa đang đi bước một qua đường. Con ngựa nhỏ bé, toàn thân chỉ là một bó gân guốc, vểnh tai đưa con mắt đen tròn xoe liếc về phía chúng tôi. Nó thở đánh phì một cái, khiến chủ nó vụt ngẩng cái đầu đội mũ lông xù lên, cũng đưa mắt về phía chúng tôi, rồi lại gục đầu xuống.

– Người ở đây trông cục mịch mà lại dễ sợ nữa, – người đàn bà Oren nói khẽ.

thuongmaitr

Tôi đi ra suối. Dòng nước sáng và linh hoạt như thủy ngân nhảy nhót reo vui trên những tảng đá, cuốn những chiếc lá thu lộn vòng trông thật vui mắt - một cảnh tuyệt diệu ! Tôi rửa tay, rửa mặt, múc một ấm nước đầy, quay trở về thì trông thấy sau mấy bụi cây người đàn bà đang lo lắng nhìn quanh, lom khom bò trên mặt đất, qua mấy tảng đá.

– Chị tìm cái gì thế ?

Chị ta giật mình, tái xám mặt đi, tay thu thu cái gì dưới bụng. Tôi đoán ra ngay.

– Chị đưa đây tôi chôn cho...

– Ôi, anh ơi ! Làm thế nào bây giờ ? Đáng lẽ phải chôn dưới phòng ngoài nhà tắm, dưới sàn ấy...

– Liệu có dựng ngay được nhà tắm ở đây không ? Chị thử nghĩ mà xem !

– Anh cứ đùa, chứ tôi thì sợ lắm ! Nhỡ có con gì nó ăn mất... Thế mà nhau thì phải đem nộp lại cho đất...

Chị ngoảnh mặt đi, đưa cho tôi một cái gói ươn ướt, nặng trĩu và khẽ van nài, giọng ngượng ngập :

– Nhờ anh, kĩ kĩ cho chút, thật sâu vào, vì Chúa... anh thương lấy thằng con tôi mà làm cho cẩn thận tí...

Khi tôi quay trở lại thì thấy chị đang từ dưới biển loạng choạng bước lên, một tay chới với giơ ra phía trước, váy ướt đến tận thắt lưng, mặt hơi ửng hồng và trông như thể có ánh sáng ở bên trong hắt ra. Tôi dìu chị đến cạnh đống lửa, trong bụng lấy làm lạ nghĩ thầm : "Thật khỏe kinh khủng !".

Thế rồi chúng tôi ngồi uống nước trà với mật. Chị khe khẽ hỏi tôi :

– Bỏ học rồi à ?

– Bỏ rồi.

– Uống rượu hết tiền chắc ?

uongxua.vn

– Uống sạch, bà mẹ ạ !

– Thế cơ đấy ! Ấy, tôi vẫn nhớ anh đấy, hôm ở Xukhum tôi đã để ý, khi anh cãi nhau với lão chủ về chuyện tiền công, ngay lúc ấy tôi đã nghĩ bụng : rõ là tay rượu chè be bét, trông ngang tàng thế kia.

Đoạn chị đưa lưỡi liếm mật trên đôi môi mọng một cách ngon lành, chốc chốc lại liếc cặp mắt xanh biếc nhìn thằng dân Oren mới tinh đang ngủ dưới bụi cây.

– Chẳng biết đời nó rồi sẽ ra sao ? – Chị thở dài nhìn sang phía tôi nói – Anh đã giúp tôi, thật cảm ơn anh... còn điều đó có tốt lành cho nó hay không, tôi cũng chẳng biết nữa...

Chị uống nước chè, ăn ít mật, làm dấu thánh, rồi trong khi tôi thu vén đồ đạc của tôi, chị lắc lư cái đầu buồn ngủ, không biết là đang thiu thiu ngủ hay đang nghĩ ngợi điều gì mà đôi mắt nhìn xuống đất lại trông như bạc đi. Rồi chị thong thả đứng dậy.

– Chị đi thật à ?

– Đi thôi.

– Ôi, phải coi chừng đấy, bà mẹ ạ !

– Đã có Đức mẹ chứ !... Nào anh đưa nó đây cho tôi...

– Để tôi bế cho...

Hai bên giằng co một lúc, rồi chị nhượng bộ, thế là chúng tôi sánh vai nhau lên đường.

– Phòng nhỡ tôi có ngã – chị nói, miệng cười ngượng nghịu như người có lỗi, rồi đặt bàn tay lên vai tôi.

Người cư dân mới của đất Nga, con người mà số phận chưa ai lường trước được là sẽ ra sao, đang nằm trên tay tôi ngáy dõng dạc. Biển vỗ ì ầm và cuộn sóng lao xao, phủ toàn những lớp đăngten vỏ bào trắng muốt ; cái bụi cây thì thầm, mặt trời gần đứng bóng rọi nắng chói lọi.

Chúng tôi đi chầm chậm. Thỉnh thoảng người mẹ lại dừng bước thở một hơi rõ dài, hất mái đầu lên, ngoảnh nhìn xung quanh, nhìn biển, nhìn rừng, nhìn núi, rồi lại nhìn mặt đứa con trai. Nước mắt đau thương đã rửa sạch mắt chị, và giờ đây, đôi mắt ấy lại trong trẻo và sáng bừng lên với ngọn lửa biếc của tình thương không bao giờ cạn.

Có một lần dừng lại như thế, chị nói :

– Lạy Chúa tôi, Chúa ơi ! Sung sướng quá, thích quá đi mất ! Ước gì cứ thế này mà đi, đi mãi cho đến cùng trời cuối đất, và thằng con tôi cứ thế lớn lên, nép vào lòng mẹ mà lớn lên mãi trong cảnh tự do, con yêu của tôi...

... Biển vẫn rì rào, rì rào...

1912

CAO XUÂN HẠO dịch
(Tuyển tập truyện ngắn M. Gorki, Tập 2.
NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

Chú thích

(1) Trong tiếng Nga, "Ya" có nghĩa là "tôi", "tao". (2) Ngôn ngữ của Chính giáo có khác ngôn ngữ của Công giáo ; chúng tôi cố theo sát tinh thần cách cầu nguyện của tín đồ Nga. (3) *Ông pôp* : linh mục Chính giáo ở Nga.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nghệ thuật thể hiện "nỗi đau đớn vô cùng của người mẹ" khi sinh nở ?

2. Niềm vui làm mẹ được bộc lộ như thế nào ? Chi tiết nào được xem là đắt nhất và được lặp đi lặp lại nhiều lần ?

3. Người kể chuyện là người thế nào ? Yếu tố tự thuật của truyện. Tại sao không thể đồng nhất tác giả và người kể chuyện ?

4. Hãy nêu lên quan niệm nghệ thuật của Gorki về con người ; ý nghĩa của nhan đề truyện.

uongxua.vn

Bà mẹ và người kể chuyện nghĩ gì về tương lai của đứa bé ?

5. Tác giả mô tả cái hiện có hay cái ước mơ ? Đâu là nét bay bổng lãng mạn trong bức tranh hiện thực này ?

ĐỌC THÊM

TÔI ĐÃ HỌC TẬP NHƯ THẾ NÀO

(Trích)

Tôi đến trường với đôi giày của mẹ, với chiếc bành tô nhỏ may lại bằng chiếc áo ngoài của bà, với chiếc sơ mi màu vàng và chiếc quần "buông chùng". Tất cả những cái đó lập tức bị chế nhạo, vì chiếc sơ mi vàng mà tôi được tặng biệt hiệu "thằng tù khổ sai". Tôi dàn xếp với những thằng bé một cách nhanh chóng, nhưng thầy giáo và cha cố không ưa tôi.

Ông giáo mặt vàng ệch, đầu hói, thường xuyên chảy máu cam. Ông ta đến lớp, hai lỗ mũi nút bông, ngồi xuống bên bàn, cất giọng mũi lè nhè hỏi bài, và nửa chừng bỗng im bặt, rút bông trong mũi ra, nhìn kĩ miếng bông, lắc đầu. Mặt ông ta dẹt phẳng, màu đồng xỉn, ỉu xìu, giữa các nếp răn có một màu xanh rêu không rõ là cái gì. Khuôn mặt ấy đặc biệt xấu đi vì đôi mắt trắng dã hoàn toàn thừa cứ nhìn dính vào mặt tôi, làm tôi hết sức khó chịu, đến nỗi lúc nào cũng muốn đưa tay lên xoa má.

Tôi ngồi ở dãy đầu, bàn trên cùng, gần sát bàn thầy giáo, điều đó thực không thể chịu được, dường như ông ta không nhìn thấy ai ngoài tôi, ông ta luôn luôn nói giọng mũi lè nhè :

– Pêskô-ôp, thay áo sơ mi-i đi ! Pêskô-ôp, không được ngọ nguậy chân dưới bàn ! Pêskô-ôp, giày của trò lại chảy vũng nước ra rồi.

Tôi trả thù ông ta bằng một trò nghịch ngợm man rợ : có lần, tôi kiếm được nửa quả dưa hấu, khoét hết ruột và lấy dây buộc vào cái ròng rọc ở cửa căn phòng ngoài tranh tối tranh sáng. Khi cửa mở, miếng dưa hấu bị kéo lên cao, khi ông giáo khép cửa, miếng dưa hấu chụp thẳng xuống cái đầu hói của ông ta như cái mũ. Người gác trường đưa tôi về nhà, mang theo mẩu giấy của thầy giáo. Vì cái trò tinh nghịch ấy, tôi bị một trận đòn nên thân.

Lần khác, tôi rắc thuốc lá ngửi vào ngăn kéo bàn ông ta, ông ta hắt hơi đến nỗi phải bỏ lớp, cho con rể là một sĩ quan đến thay. Gã này bắt cả lớp hát bài "Lạy Chúa, xin Chúa che chở cho Sa hoàng" và "Ôi ý chí, ý chí của ta". Những đứa hát sai bị gã giọt thước kẻ vào đầu, giọt kêu đặc biệt và khá buồn cười. Nhưng không đau.

Thầy dạy giáo lí là một giáo sĩ trẻ đẹp, tóc dày, không ưa tôi vì tôi không có "Thánh sử Cựu ước và Tân ước", và vì tôi hay nhại lối nói của ông ta.

Khi đến lớp, việc đầu tiên là ông ta hỏi tôi :

– Pêskôp, có mang sách đến không ? Đúng. Sách ấy mà ?

Tôi đáp :

– Không. Con không mang. Đúng.

– Đúng cái gì ?

– Không đem đến ạ.

– Thế thì xéo về nhà ! Đúng. Về nhà. Bởi vì ta không có ý định dạy con. Đúng. Ta không có ý định.

Điều đó không làm tôi buồn phiền lắm, tôi ra và lang thang qua các phố ngoại ô bẩn thỉu, để ý xem xét đời sống ồn ào của nó.

Mặc dù tôi học khá, ít lâu sau người ta bảo rằng tôi bị đuổi khỏi trường vì hạnh kiểm xấu. Tôi chán nản, điều đó đe dọa đem đến cho tôi những chuyện rầy rà lớn.

Nhưng cứu tinh chợt xuất hiện : giám mục Crixanthơ đột nhiên tới trường.

Ông ta người nhỏ bé, mặc bộ áo đen rộng thùng thình, đến ngồi bên bàn, rút tay ra khỏi những ống tay áo và nói : "Nào, ta nói chuyện với nhau đi, các con !". Không khí trong lớp lập tức trở nên ấm áp, vui vẻ, mọi người đều cảm thấy dễ chịu khác thường.

Ông gọi tôi đến gần bàn, sau khi đã gọi nhiều đứa khác, và hỏi một cách nghiêm trang :

– Con lên mấy ? Có thế thôi à ? Sao dài người thế, chú bé ? Hay bêu mưa lắm, phải không ?

uongxua.vn

Ông đặt bàn tay khô gầy, với những móng tay to và nhọn lên bàn, nắm lấy chòm râu thưa, nhìn chằm chằm vào mặt tôi bằng đôi mắt hiền từ, và bảo tôi :

– Nào, kể cho ta nghe một đoạn trong thánh sử, con thích đoạn nào ?

Khi tôi nói rằng tôi không có sách và tôi không học thánh sử, ông sửa lại chiếc mũ giáo sĩ và hỏi :

– Sao lại thế ? Cái đó cần phải học chứ ! Nhưng có thể con cũng biết đôi chút chăng, có nghe nói đến không ? Có biết thánh thi không ? Thế thì tốt ! Cả những bài cầu nguyện nữa à ? Đấy, thấy chưa ! Lại còn sự tích các thánh nữa à ? Bằng thơ à ? Chú bé của ta biết nhiều đấy.

Giáo sĩ của chúng tôi tới, mặt đỏ, thở hổn hển. Giám mục ban phước cho ông ta, nhưng khi ông ta bắt đầu nói về tôi thì giám mục giơ tay nói :

– Xin cha một lát... Nào, kể về Alêchxây người của Chúa đi.

– Những vần thơ tuyệt diệu phải không, chú bé ? – Giám mục nói khi tôi dừng lại vì quên một câu thơ nào đó. – Còn gì nữa không ?... Về vua Đavit hả ? Ta chú ý nghe đây.

Tôi thấy rằng quả thực ông nghe và ông thích thơ. Ông hỏi tôi một lúc lâu, rồi bỗng ngăn tôi lại, hỏi nhanh :

– Con học theo thánh thi à ? Ai dạy ? Ông có hiền không ? Ác à ? Lẽ nào ? Nhưng con nghịch lắm phải không ?

Tôi ngập ngừng, nhưng rồi tôi đáp : Vâng. Thầy giáo và giáo sĩ nói rất nhiều để chứng tỏ rằng lời thú nhận của tôi là đúng. Giám mục nghe họ, nhìn xuống, rồi thở dài nói :

– Các thầy nói về con thế đấy, con nghe thấy chứ ? Nào lại gần đây !

Giám mục đặt tay lên đầu tôi - bàn tay thoang thoảng mùi gỗ bách và hỏi tôi :

– Tại sao con nghịch ngợm ?

– Con chán học lắm.

– Chán à ? Không hẳn thế đâu, chú bé ạ. Con mà chán học thì con sẽ học kém, nhưng các thầy đều bảo con học khá. Như vậy là ở đây có nguyên nhân gì khác.

Ông ta rút ở trước ngực ra một quyển vở con, viết :

– Pêskôp Alêchxây. Nhưng dù sao con cũng nên bớt nghịch đi nhé, đừng nghịch nhiều quá. Ít ít thôi thì được, còn nghịch quá thì mọi người bực mình ! Ta nói đúng không, các con ?

Có tiếng lao xao, vui vẻ trả lời :

– Đúng ạ.

– Chính các con cũng nghịch ít ít thôi phải không ?

Những thằng bé tủm tỉm cười, thốt lên :

– Không. Cũng nghịch nhiều ạ ! Nghịch nhiều ạ !

Giám mục ngả người lên lưng ghế, ôm chặt tôi vào lòng, nói với vẻ ngạc nhiên, làm cho cả lớp - ngay cả thầy giáo và cha đạo - cũng phải bật cười :

– Quả có thế, các con ạ, hồi bằng tuổi các con, ta cũng nghịch gớm lắm ! Vì sao thế, các con nhỉ ?

Những đứa trẻ cười, giám mục hỏi chúng, lôi cuốn cả lớp một cách khéo léo, khiến đứa nọ phản đối đứa kia, làm cho không khí mỗi lúc một vui thêm. Cuối cùng ông đứng lên và nói :

thuongmaitr

– Ở đây với các con thú lắm, các chú bé nghịch ngợm ạ, nhưng đến lúc ta phải đi rồi !

Ông giơ một tay lên, tay áo tụt tới vai, khoa rộng tay làm dấu và ban phước :

– Nhân danh Cha và Con và Thánh thần, ta ban cho các con mọi sự tấn tới ! Tạm biệt.

Tất cả đều thét lên :

– Tạm biệt đức ông ! Mong đức ông lại tới.

Giám mục gật gật cái mũ cao, nói :

– Ta sẽ đến, thế nào ta cũng đến ! Ta sẽ đem sách đến cho các con !

Và khi ra khỏi lớp, ông nói với thầy giáo :

– Cho các trò về đi !

Ông dắt tay tôi ra phòng ngoài và ở đấy, ông cúi xuống gần tôi, khẽ nói :

– Thế con bớt nghịch đi nhé, được không ? Ta thì ta hiểu tại sao con nghịch ngợm ! Thôi, tạm biệt chú bé.

uongxua.vn

Tôi rất xúc động, một tình cảm đặc biệt rộn rực trong ngực tôi, và ngay cả khi thầy giáo đã cho cả lớp về nhưng giữ tôi lại và nói rằng bây giờ tôi phải lặng hơn nước, thấp hơn cỏ thì tôi vui lòng, chăm chú nghe từ đầu đến cuối.

Giáo sĩ vừa mặc áo choàng vừa cất giọng ồm ồm, dịu dàng nói với tôi :

– Từ nay con phải đến học các giờ của ta ! Đúng. Phải đến học. Nhưng phải ngồi yên. Đúng. Ngồi yên...

Tôi biết đọc một cách có ý thức năm lên 14 tuổi. Trong những năm ấy, tôi đã không chỉ say mê tình tiết của sách - tức là sự phát triển ít nhiều lí thú của những biến cố được đưa ra - mà tôi bắt đầu hiểu được vẻ đẹp của những đoạn văn miêu tả, bắt đầu suy nghĩ về tính cách các nhân vật, lờ mờ đoán được mục đích của tác giả cuốn sách và lo ngại cảm thấy sự khác nhau giữa cái mà sách nói đến với cái mà cuộc sống khuyên bảo.

(...) Phải thương hại con người thật là đau lòng, bao giờ tôi cũng muốn gửi gắm tình yêu sung sướng vào một người nào đó nhưng chẳng có ai để mà yêu. Tôi càng yêu sách nồng nàn hơn.

Còn có nhiều cái bỉ ổi, tàn bạo, làm tôi chán ghét ghê gớm. Tôi sẽ không nói về điều đó, chính các bạn cũng biết cuộc sống địa ngục ấy, sự nhạo báng không ngớt ấy của người đối với người, niềm say mê bệnh tật ấy, niềm say mê làm khổ nhau, thứ khoái lạc của những kẻ nô lệ. Và chính trong hoàn cảnh đáng nguyền rủa như thế, lần đầu tiên tôi bắt đầu đọc những sách hay, nghiêm túc của văn học nước ngoài.

Có lẽ tôi sẽ không thể truyền đạt đủ rõ và đáng tin cậy để các bạn thấy sự ngạc nhiên của tôi lớn lao đến như thế nào khi tôi cảm thấy hầu như mỗi cuốn sách đều mở ra trước mắt tôi cánh cửa sổ nhìn vào một thế giới mới, chưa từng biết, đều kể với tôi về những con người, những tình cảm, ý nghĩ và những quan hệ mà tôi chưa từng biết, chưa từng thấy. Thậm chí tôi còn có cảm giác rằng cuộc đời xung quanh tôi, tất cả những gì khắc nghiệt, bẩn thỉu và tàn bạo hàng ngày diễn ra trước mắt tôi đều không phải là cái có thực, đều là thừa. Cái có thực và cần thiết chỉ ở trong sách, nơi mà mọi cái đều hợp lí hơn, đẹp hơn, nhân đạo hơn. Trong các cuốn sách cũng có nói về sự thô bạo, về sự ngu xuẩn của người đời, về những đau khổ của họ, cũng miêu tả những kẻ độc ác và đê tiện, nhưng bên cạnh họ có những người khác, những người mà tôi chưa từng thấy, thậm chí chưa từng nghe nói đến : những người chính trực, cương nghị, chân thật, bao giờ cũng sẵn sàng phục vụ thắng lợi của sự thật, lập nên chiến công đẹp đẽ, dù có phải hi sinh tính mạng.

Thời gian đầu say sưa vì cái mới và vì giá trị tinh thần lớn lao của cái thế giới mà sách đã mở ra trước mắt tôi, tôi bắt đầu coi sách tốt đẹp hơn, lí thú hơn, gần gũi hơn mọi người, và dường như hơi bị lóa, tôi nhìn cuộc đời thực qua sách. Nhưng cuộc sống khôn ngoan, khắc nghiệt đã quan tâm chữa cho tôi cái bệnh mù dễ chịu ấy.

(...) Tôi càng đọc nhiều thì sách càng làm cho tôi gắn bó với thế giới, cuộc đời càng trở nên rực rỡ, có ý nghĩa đối với tôi. Tôi thấy rằng có những người sống khổ cực hơn, khó khăn hơn tôi, điều đó an ủi tôi phần nào, tuy vẫn không làm tôi thỏa hiệp với cái hiện thực ô nhục. Tôi cũng thấy rằng có những người biết sống một cách vui thú và sung sướng mà không một người nào xung quanh tôi biết sống như thế. Và hầu như trong mỗi quyển sách đều có cái gì đáng lo ngại, như một tiếng chuông nhè nhẹ lôi cuốn tôi đi : đi tìm những cái chưa từng biết làm tôi xúc động tâm tình. Mọi người

đều đau khổ thế này hay thế khác, mọi người đều không bằng lòng với cuộc sống, đều tìm kiếm một cái gì tốt đẹp hơn, và họ trở nên gần gụi, dễ hiểu hơn. Sách làm cho khắp trái đất, khắp thế giới tràn ngập nỗi buồn nhớ cái tốt đẹp hơn, và mỗi cuốn sách dường như đều là tâm hồn được ghi lại trên giấy bằng những dấu hiệu và những từ, những dấu hiệu và những từ ấy lập tức trở nên sống động, hễ mắt tôi, trí tuệ tôi tiếp xúc với chúng.

Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách : sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gụi biết bao. Là một thằng bé bị công việc ngu độn làm cho kiệt lực, luôn luôn phải hứng lấy những lời chửi mắng đần độn, tôi trịnh trọng hứa với mình là lớn lên, tôi sẽ giúp đỡ mọi người, hết lòng phục vụ họ.

Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về việc cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lí hơn và ngày càng ít để ý đến vô số những chuyện bực bội trong cuộc sống.

uongxua.vn

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát cuộc sống ấy...

1918

PHẠM MẠNH HÙNG dịch
(*Tuyển tập truyện ngắn M. Gorki*, Tập 2.
NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hình ảnh ba ông thầy. Vì sao giám mục làm cho chú học trò nhỏ nghịch ngợm vô cùng xúc động ?

2. Vai trò của tác phẩm văn học, của sách đối với cuộc sống và sự hình thành nhân cách con người.

3. Quan hệ giữa cuộc đời và sách vở.

BÀI 2

LỖ TẤN

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Tên thật là Chu Thụ Nhân, tên chữ là Dự Tài, Lỗ Tấn (1881 - 1936) là bút danh, ghép từ họ mẹ (bà Lỗ Thụy) và chữ "Tấn hành" - một kỉ niệm ấu thơ. (Hồi nhỏ thường mải chơi, đến lớp muộn, bị thầy giáo quở mắng, ông khắc lên bàn hai chữ ấy, nghĩa là "đi nhanh lên"). Ông có người em ruột là Chu Tác Nhân, cũng là nhà văn nổi tiếng. Năm 13 tuổi, bố lâm bệnh, không thuốc mà chết, ông ôm ấp nguyện vọng học thuốc từ đấy.

Trước khi học thuốc, ông đã học hai nghề. Đó là nghề hàng hải, những mong đi đây đó để mở mang tầm mắt. Kế đó là nghề khai mỏ, với nguyện vọng tốt đẹp là làm giàu cho Tổ quốc. Nhưng đều thất vọng.

Nhờ học giỏi, ông được học bổng sang Nhật. Ông chọn nghề y, để chữa chạy cho những người nghèo, ốm mà không thuốc như bố ông. Đang học dở Đại học y khoa ở Tiên Đài thì ông đột ngột thay đổi chí hướng. Một lần xem phim(1), ông thấy những người Trung Quốc khỏe mạnh hăm hở đi xem người Nhật chém một người Trung

Quốc làm gián điệp cho quân Nga (chiến tranh Nga - Nhật). Ông bỗng giật mình mà nghĩ ra rằng : chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần cho quốc dân. Và thế là ông chuyển sang làm văn nghệ.

Làm văn nghệ, ông chủ trương dùng ngòi bút để phanh phui các căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương chạy chữa. Ông đã hát cho đồng bào mình nghe bài hát lạc điệu của chính bản thân họ, chỉ cho họ thấy những bước đi sai nhịp trên con đường hành quân tiến vào tương lai.

Chủ đề "phê phán quốc dân tính" trong sáng tác của ông càng trở nên sâu sắc, thấm thía vì nhà văn đã viết ra với thái độ tự phê phán. Và nếu cả một dân tộc thực sự nhận thức được mình như nhà văn thì họ sẽ trở nên vô địch. Sự vươn mình vĩ đại của dân tộc Trung Hoa trong thời hiện đại đã chứng minh điều đó.

Nhưng Lỗ Tấn vĩ đại còn ở chỗ ông kiên trì và không bao giờ lạc lối. Dù phải "múa kích một mình trên sa mạc" ông vẫn kiên nhẫn tiến lên. Hết *Gào thét*[2] ông có đôi chút *Bàng hoàng*[2] nhưng vẫn kiên tâm với *Chuyện cũ viết theo lối mới*[2]. Đắp xong *Nấm mồ*[3] chôn vùi cái cũ, ông hoang mang trong đám *Cỏ dại*[3] nhưng vẫn ngẩng cao đầu đón *Gió nóng*[3] và kiên quyết bày tỏ thái độ *Hai lòng*[3] đối với kẻ thù của cách mạng. Con đường giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lênin mà ông đã chọn, trước sau như một, cho đến khi chết, ông không có điều gì phải ân hận *(Di chúc)*.

Thích hợp với mục đích chiến đấu của mình, ngòi bút Lỗ Tấn rất lạnh lùng và tỉnh táo. Như con dao mổ trong tay nhà phẫu thuật, ông nén lòng trước con bệnh, điềm tĩnh phanh phui các loại ung nhọt, với một mong ước nóng bỏng là đem lại sức khỏe và sự cường tráng cho họ. Có nhà nghiên cứu mượn hình ảnh chiếc phích nước nóng - trong nóng ngoài lạnh, để hình dung phong cách nhà văn.

Người Việt Nam đầu tiên đọc và hâm mộ Lỗ Tấn chính là Bác Hồ. Ngay từ tuổi thanh niên, Người đã "thích đọc Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Quốc"(4) và trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng, không chỉ một lần Người nhắc đến Lỗ Tấn. Giáo sư Đặng Thai Mai là người dịch và nghiên cứu Lỗ Tấn đầu tiên ở Việt Nam. Từ những năm 40, ông đã lần lượt giới thiệu Lỗ Tấn như một nhà văn cách mạng kiểu mới. Tiếp bước ông, đã hình thành một đội ngũ đông đảo các nhà dịch thuật và nghiên cứu Lỗ Tấn của Việt Nam.

Năm 1981, toàn thế giới đã kỉ niệm 100 năm năm sinh Lỗ Tấn như một danh nhân văn hóa của nhân loại.

Chú thích

(1) Phim đèn chiếu, xem trong giờ ra chơi. (2) *Gào thét, Bàng hoàng, Chuyện cũ viết theo lối mới* (cũng có người dịch là *Chuyện cũ viết lại*) : tên ba tập truyện ngắn do nhà văn tự đặt - Lỗ Tấn chỉ viết truyện ngắn, tạp văn và thơ. (3) *Nấm mồ, Cỏ dại, Gió nóng, Hai lòng :* tên của 4 trong số 17 tập tạp văn do nhà văn tự đặt. (4) Xem : Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch.*

thuongmaitr

GIẢNG VĂN

THUỐC

I

Một đêm thu gần về sáng, trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc. Tầng không xanh thẳm. Ngoài những giống đi ăn đêm, còn thì ngủ say cả. Lão Hoa Thuyên bỗng ngồi dậy, đánh diêm, thắp cái đèn nhầy nhụa những dầu là dầu. Ánh đèn trắng xanh sáng khắp hai gian quán trà.

– Bố thằng Thuyên đi đấy à ?

Đó là tiếng một người đàn bà đã có tuổi. Ở buồng phía trong bỗng nổi lên một cơn ho.

– Ừ.

Lão vừa trả lời, vừa lắng tai nghe tiếng ho, vừa cài nút áo, rồi chìa tay ra, nói tiếp :

– Đưa đây tôi !

Bà Hoa sờ soạng một lúc lâu dưới gối, lấy ra một gói bạc đồng, đưa cho chồng. Lão cầm lấy, bỏ vào túi áo, tay run run, vuốt hai ba lần phía ngoài túi, rồi thắp cái đèn lồng, tắt ngọn đèn con, đi vào buồng phía trong. Buồng phía trong có tiếng động lạch cạch, tiếp theo là một cơn ho. Đợi cơn ho dứt, lão mới khẽ nói :

– Thuyên à ! Con cứ nằm đấy ! Công việc dọn hàng, để mẹ con lo cho.

Không nghe con nói gì, lão cho rằng nó đã yên tâm nằm ngủ lại rồi, bèn mở cửa đi ra. Bên ngoài, trời tối om, và hết sức vắng. Chỉ mặt đường xám xám là trông thấy rõ. Chiếc đèn lồng chiếu thẳng vào bàn chân lão bước đều đều. Thỉnh thoảng, gặp một vài con chó, nhưng chẳng con nào buồn sủa. Trời lạnh hơn trong nhà nhiều, nhưng lão cảm thấy sảng khoái, như bỗng dưng mình trẻ lại, và ai cho phép thần thông cải tử hoàn sinh. Lão bước những bước thật dài. Trời cũng sáng dần và đường cũng càng lâu càng rõ.

Đang chăm chú bước, bỗng lão giật mình nhìn thấy ngã ba đường đằng xa, trước mặt. Lão quay lại, đi mấy bước, tìm một cửa hiệu còn đóng kín mít, rẽ vào dưới mái hiên, tựa lưng vào cửa. Một lúc lâu, lão thấy hơi lành lạnh.

– Hừ ! Một ông già !

– Thích nhé !...

Lão lại giật mình, trố mắt nhìn. Có mấy người đi qua. Một người còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng thấy ánh mắt cú vọ ngời lên, như người đói lâu ngày thấy cơm. Lão nhìn chiếc

uongxua.vn

đèn lồng. Đèn tắt rồi. Lão đặt tay lên túi áo. Gói bạc vẫn cồm cộm ở đấy. Ngước đầu nhìn xung quanh, lão thấy bao nhiêu người kì dị hết sức, cứ hai ba người một, đi đi lại lại như những bóng ma. Nhưng nhìn kĩ thì lại chẳng lấy gì làm quái lạ nữa. Một lát, lại thấy mấy người lính đi đi lại lại. Đằng xa cũng thấy rõ miếng vải tròn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau ; khi họ đi qua trước mắt thì thấy cả đường viền màu đỏ thẫm trên chiếc áo dấu[1]. Tiếng chân bước ào ào. Trong nháy mắt bao nhiêu người đi qua. Những người tụm năm tụm ba lúc này cũng dồn lại một chỗ, rồi xô nhào tới như nước triều, gần đến ngã ba đường thì bỗng đứng dừng lại, quây thành một nửa vòng tròn.

Lão Thuyên cũng nhìn về phía đó, nhưng chỉ thấy lưng người mà thôi. Người nào, người nấy dướn cổ ra như cổ vịt bị một bàn tay vô hình nắm lấy xách lên. Im lặng một lát. Bỗng hình như có tiếng động. Rồi cả đám xô đẩy nhau ào ào, lùi về phía sau đến chỗ lão đứng, chen lão suýt nữa ngã.

– Này ! Tiền trao cháo múc, đưa đây !

thuongmaitr

Một người áo quần đen ngòm đứng trước mặt lão, mắt sắc như hai lưỡi dao chọc thẳng vào lão làm lão co rúm lại. Hắn xòe về phía lão một bàn tay to tướng, tay kia cầm một chiếc bánh bao nhuốm máu, đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt, từng giọt[2]. Lão vội vàng móc gói bạc trong túi ra, run run đưa cho hắn, nhưng lại ngại không dám cầm chiếc bánh. Hắn sốt ruột, nói to :

– Sợ cái gì ? Sao không cầm lấy ?

Lão còn trù trừ, người mặc đồ đen giật lấy chiếc đèn lồng, xé toạc tờ giấy dán bên ngoài, bọc chiếc bánh lại, nhét vào tay lão, tay kia thì giật lấy gói bạc, nắn nắn, rồi quay đi, miệng càu nhàu :

– Cái lão này !

– Chữa cho ai đấy ?

Lão Thuyên nghe hình như có người nào hỏi, nhưng lão không trả lời. Lúc này, lão còn để hết tinh thần vào cái gói bánh như nhà mười

đời độc đinh nâng niu con, không chú ý đến gì nữa. Lão sẽ mang cái gói này về nhà, đem sinh mệnh lại cho con lão, và lão sung sướng biết bao ! Mặt trời đã mọc, chiếu sáng con đường lớn đi về nhà lão, và cũng chiếu sáng cái bảng mục nát trên cái nhà bia ở ngã ba đường sau lưng lão, có đề bốn chữ thếp vàng đã nhạt màu : Cổ... Đình Khẩu[3].

II

Lão Thuyên về đến nhà thì quán hàng đã bày biện sạch sẽ, các dãy bàn trơn bóng sắp đặt ngăn nắp. Nhưng không có khách, chỉ có thằng Thuyên đang ngồi ăn cơm ở cái bàn dãy phía trong, mồ hôi trán nhỏ từng giọt to tướng, chiếc áo kép dính vào xương sống, hai xương vai gồ lên thành chữ "bát" in nổi. Thấy vậy, lão không khỏi chau mày. Bà Hoa từ trong bếp vội vã chạy ra, giương to mắt nói, đôi môi run run :

truongxua.vn

– Có được không ?

– Được rồi !

Hai người cùng trở vào bếp, bàn bạc một hồi. Bà Hoa lại đi ra, một lát cầm về một cánh lá sen già, trải lên mặt bàn. Lão cũng mở cái chao đèn, cầm chiếc bánh đẫm máu, lấy lá sen bọc lại. Thằng Thuyên đã ăn xong. Bà Hoa vội nói :

– Thuyên, con cứ ngồi đấy, đừng vào trong này !

Lão Thuyên vừa thổi lửa trong bếp, vừa cầm cái gói lá xanh và cái chao đèn rách nát loang lổ máu, dúi vào bếp. Ngọn lửa đỏ sẫm bốc lên. Một mùi thơm quái lạ tràn ngập cả quán trà.

– Thơm ghê nhỉ ! Hai bác ăn quà sáng gì đấy ?

Cậu Năm Gù đi vào. Cậu ta ngày nào cũng lê la ở cái quán này, thường đến sớm nhất mà cũng về muộn hơn ai hết. Vừa đi vào, cậu

ta liền ngồi vào cái bàn ở góc tường phía gần đường cái, hỏi ngay. Nhưng không ai trả lời.

– Rang cơm đấy à ?

Vẫn không ai trả lời. Lão Thuyên vội vàng chạy ra, pha trà cho cậu.

– Thuyên ơi ! Vào đây con !

Bà Hoa gọi con vào nhà trong, giữa nhà đặt sẵn một chiếc ghế đẩu. Thuyên ngồi xuống, bà ta bưng một cái đĩa lại, trên đĩa có vật gì tròn tròn, đen thui, nói rất khẽ :

– Ăn đi con ! Sẽ khỏi ngay thôi !...

Thuyên cầm lấy vật đen thui, nhìn một lúc, có cảm giác rất lạ không biết thế nào mà nói, như đang cầm tính mệnh của chính mình trong tay. Y bẻ đôi ra, rất cẩn thận. Một làn hơi trắng bốc ra từ lần vỏ cháy sém. Làn hơi tan dần, mới thấy đó là hai nửa miếng bánh bao bằng bột mì trắng. Không bao lâu, chiếc bánh đã nằm gọn trong bụng, mùi vị như thế nào cũng đã quen rồi. Trước mặt chỉ còn trơ lại chiếc đĩa không. Lão Thuyên đứng một bên, bà Hoa đứng một bên, trố mắt nhìn con như muốn rót vào người con một cái gì, đồng thời cũng muốn lấy ra một cái gì. Thuyên nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực. Lại một cơn ho.

– Thôi con đi ngủ một giấc, sẽ khỏi ngay !

Thuyên nghe lời mẹ, vừa ho vừa nằm xuống. Đợi nghe tiếng thở dìu dịu, bà Hoa mới nhẹ nhàng lấy chiếc mền kép vá chằng chịt đắp cho con.

III

Quán trà đã đông khách. Lão Thuyên cũng bận, tay xách chiếc ấm đồng lớn, đi đi lại lại, pha trà. Hai mắt lão thâm quầng. Một người râu hoa râm nói :

– Ông Thuyên à ! Mệt phải không ? Hay là ốm đấy ?

– Có làm sao đâu !

thuongmaitr

Người râu hoa râm chữa lời :

– Không sao à ? Ừ, nghe tiếng cười thì không ra người ốm.

– Chỉ vì ông ta lận đận quá ! Giá thằng con...

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một người mặt thịt ngang phè từ ngoài đâm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền không gài khuy, dải thắt lưng cũng màu huyền quấn ở ngoài, xộc xệch. Vừa vào, đã nói oang oang :

– Đã ăn chưa ? Đỡ rồi chứ ? Ông Thuyên này ! May phúc cho nhà ông đấy nhé ! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Thuyên một tay xách ấm trà, một tay buông xuống, vẻ cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng tai nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười, mang đến trước mặt hắn một cái chén, bỏ một nhúm trà và thêm vào một quả trám. Lão Thuyên liền đem nước sôi lại pha.

tuongxua.vn

Người mặt thịt ngang phè vẫn nói oang oang :

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hôi hổi, và ăn cũng còn nóng hôi hổi.

Bà Hoa cám ơn hắn hết lời :

– Thật đấy ! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hòng...

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hôi hổi thế kia mà ! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gì ăn mà chẳng khỏi !

Bà Hoa nghe nói "lao", sắc mặt hơi đổi khác, ý không được vui, có điều cũng gượng cười, bỏ đi, ngượng nghịu. Nhưng bác Cả Khang không để ý đến, cứ giương cổ nói oang oang đến nỗi thằng Thuyên nằm ngủ trong nhà cũng phải ho lên như phụ họa theo.

– Ừ, thằng Thuyên nhà ông may phúc thật ! Nhất định khỏi thôi mà ! Chẳng trách ông cứ cười cả ngày !

Người râu hoa râm vừa nói vừa đi lại trước mặt bác Cả Khang, hạ thấp giọng nói :

– Bác Cả này ! Nghe nói tên phạm chém hôm nay là người họ Hạ. Con nhà ai đấy nhỉ ? Tội gì thế hở bác ?

– Con nhà ai nữa ? Con nhà bác Tứ chứ con nhà ai ? Thằng quỷ sứ !

Bác Cả Khang thấy mọi người vểnh tai nghe, lấy làm thú lắm, những thớ thịt trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to :

– Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này, tớ chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra, cũng lão Nghĩa, cái lão đề lao, mắt đỏ như mắt cá chép ấy, lấy mất. May nhất có thể nói là ông Thuyên nhà này, thứ đến là cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lạng bạc trắng xóa, một mình bỏ túi tất chẳng mất cho ai một đồng kẽm !

Thằng Thuyên từ nhà trong đi ra, bước chậm chạp, hai tay ôm ngực, ho lấy ho để. Y vào bếp, xúc một bát cơm nguội, chan ít nước nóng, ngồi ăn. Bà Hoa bước theo con, khẽ hỏi :

thuongmaitr

– Thuyên ! Con có đỡ tí nào không, con ? Con vẫn cứ hay đói bụng thế à ?

– Cam đoan khỏi mà !

Bác Cả Khang liếc nhìn thằng Thuyên một cái, rồi quay lại, tiếp tục câu chuyện với mọi người :

– Cụ Ba đến là khôn ! Giá cụ ta không đem thằng cháu ra thú thì cả nhà mất đầu hết. Nay thì được bao nhiêu là bạc ! Còn cái thằng nhãi con ấy thì chẳng ra cái thá gì hết. Nằm trong tù rồi mà còn dám rủ lão đề lao làm giặc !

Một anh chàng trạc hơn hai mươi tuổi ngồi dãy bàn sau, nghe nói tức máu :

– Ái chà chà ! Ghê nhỉ ?

– Anh có biết không, lão Nghĩa mắt cá chép đến lân la hỏi dò hắn thì hắn bắt chuyện ngay. Hắn nói : Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta[4]. Thử nghĩ xem, nói thế mà nói được à ? Lão Nghĩa mắt cá chép cũng biết nhà hắn chỉ có mụ mẹ già, nhưng không ngờ hắn lại nghèo gặm không ra đến như thế, đã tức anh ách rồi, thế mà hắn lại vuốt râu cọp, nên lão ta liền đánh cho hai bạt tai.

Cậu Năm Gù ngồi ở góc tường, nghe nói, thú quá :

– Lão Nghĩa là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hắn ta xài đấy nhỉ !

– Cái thằng khốn nạn ! Đánh, có sợ đâu ! Lại còn nói : Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại !

Người râu hoa râm nói :

– Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì ?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt :

– Ông chưa nghe ra, xem bộ hắn lúc đó, thì hắn muốn nói : đáng thương hại, là lão Nghĩa đáng thương hại kia !

uongxua.vn

Mặt ai nấy bỗng ngơ ngác. Không ai nói gì cả.

Thằng Thuyên đã ăn cơm xong, mồ hôi ướt đầm, trên đầu hơi bốc phừng phừng.

Người râu hoa râm bỗng vỡ nhẽ, nói :

– Lão Nghĩa mà đáng thương hại à ? Điên ! Hắn điên thật rồi !

Anh chàng hai mươi tuổi cũng vỡ nhẽ :

– Điên thật rồi !

Khách trong quán lại nhao nhao, nói nói cười cười.

Thằng Thuyên cũng thừa dịp ho cố mạng. Bác Cả Khang chạy lại, vỗ vai, nói :

– Thuyên à ! Cam đoan thế nào mày cũng khỏi. Mày đừng ho như thế. Cam đoan thế nào cũng khỏi.

Cậu Năm Gù nói :

– Điên thật rồi !

IV

Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa Tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường mòn nhỏ hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng lại là cái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc chết tù, ở về phía tay trái, và nghĩa địa những người chết nghèo ở về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ.

Tiết Thanh minh năm ấy, trời lạnh lắm. Những cây dương liễu mới đâm ra được những mầm non bằng nửa hạt gạo. Trời vừa rạng đã thấy bà Hoa bày ra trước nấm mộ mới đắp, bên phải đường mòn, một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, rồi khóc một hồi. Đốt xong thếp vàng giấy, bà ta ngồi bệt xuống đất, ngẩn ngơ như đang chờ đợi cái gì. Chính bà ta cũng chẳng biết bà ta chờ đợi cái gì nữa. Gió hiu hiu thổi vào mớ tóc cắt ngắn của bà ta, so với năm ngoái chắc là bạc nhiều lắm rồi.

Lại một người đàn bà khác đang đi dọc đường mòn, tóc cũng bạc già nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ tròn sơn đỏ, cũ nát, phía ngoài giắt thếp vàng giấy, cứ đi ba bước, lại đứng dừng lại. Chợt thấy bà Hoa ngồi bệt giữa đất đang nhìn mình thì bà kia ngập ngừng không dám bước tới nữa, sắc mặt xanh xao bỗng hơi đỏ lên vì xấu hổ, nhưng rồi cũng đánh liều đi tới trước nấm mộ bên trái đường mòn, đặt chiếc giỏ xuống.

Nấm mộ này với nấm mộ thằng Thuyên nằm cùng một hàng, chỉ cách con đường mòn ở giữa. Thấy bà kia cũng bày ra một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, đứng khóc một hồi, rồi đốt vàng, thì bà Hoa trong bụng nghĩ thầm : "Chắc cũng là con chết". Bà kia nhìn vơ vẩn xung quanh một lát, bỗng tay chân hơi run lên, rồi loạng choạng lùi lại mấy bước, mắt trợn trừng ngơ ngác.

Thấy thế, bà Hoa sợ bà kia thương con quá phát điên chăng, cầm lòng không đậu, bèn đứng dậy, bước sang bên kia đường mòn, khẽ nói :

– Bà ơi ! Thôi mà, thương xót làm chi nữa ! Ta đi về thôi !

thuongmaitr

Bà kia hơi gật đầu, nhưng mắt vẫn trừng trừng rồi ấp úng nói khe khẽ :

– Kìa... bà trông kia kìa, cái gì thế này ?

Bà Hoa nhìn theo ngón tay chỉ, thấy nấm mộ trước mặt cỏ chưa xanh khắp, còn loang lổ từng mẩu đất vàng khè, rất khó coi ; lại nhìn kĩ phía trên, bất giác giật mình. Rõ ràng có một vòng hoa, hoa trắng hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nấm mộ khum khum.

Cả hai bà, mắt lòa từ lâu rồi, nhưng nhìn những cánh hoa trắng hoa hồng kia thì còn thấy rõ. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn tròn, không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng chỉnh tề[5]. Bà Hoa vội nhìn về phía mộ con mình và những nấm mộ khác xung quanh, chỉ thấy lác đác vài nụ hoa bé tí, trăng trắng, xanh xanh, tuy trời giá lạnh nhưng cũng chưa tàn. Bà ta bỗng thấy lòng trống trải, không thỏa, nhưng rồi cũng không muốn suy nghĩ thêm. Bà kia bước lại gần mộ con, nhìn kĩ một lượt, rồi nói một mình : "Hoa không có gốc, không phải từ dưới đất mọc lên ! Ai đã đến đây ! Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất định là không ai đến rồi !... Thế này là thế nào ?". Nghĩ rồi lại nghĩ, bỗng nước mắt trào ra, bà ta khóc to :

– Du ơi ! Oan con lắm, Du ơi ! Chắc con không quên được, và con đau lòng lắm, phải không con ? Con hiển hiện lên cho mẹ biết, con ơi !

Bà ta nhìn xung quanh, chỉ thấy một con quạ đen đậu trên cành khô trụi lá. Rồi lại khóc :

– Mẹ biết rồi ! Du ơi ! Trời còn có mắt, chúng nó giết con thì rồi trời báo hại chúng nó thôi ! Du ơi ! Con nhắm mắt thế cũng yên phận con. Hồn con còn ở đâu đây thì hãy nghe lời mẹ nói. Con ứng vào con quạ kia, đến đậu vào nấm mộ con cho mẹ xem, con ơi !

Gió đã tắt. Những ngọn cỏ khô đứng thẳng tắp như những sợi dây đồng. Một tiếng rên rỉ run run đưa lên giữa không trung, nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Xung quanh vắng lặng như tờ. Hai bà già đứng giữa đám

tuongxua.vn

cỏ khô, ngước mắt nhìn con quạ. Con quạ vẫn đậu trên cành khô trụi lá, rụt cổ lại, im lìm như đúc bằng sắt.

Một lúc lâu, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà già kia :

– Ta về đi thôi !

Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chần chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lẩm bẩm nói một mình :

– Thế này là thế nào nhỉ ?

Hai bà đi, chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Coa... ạ" rất to. Hai bà giật mình ngoảnh lại, thì thấy con quạ xòe đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.

Tháng 4 năm 1919

thuongmaitr

TRƯƠNG CHÍNH dịch
(*AQ chính truyện. Truyện, tạp văn chọn lọc.*
NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

Chú thích

(1) *Áo dấu :* áo lính ngày xưa. (2) Ở Trung Quốc, trước kia, có tục mê tín, cho rằng máu người có thể trị được bệnh lao. Mỗi khi có tù bị chém, thường có người đến mua những chiếc bánh bao mà tên đao phủ đã thấm máu, đem về cho người bệnh ăn. (3) *Cổ ... Đình Khẩu :* tức "Cổ Hiên Đình Khẩu" ở cái nhà bia đường Hiên Đình Khẩu chỗ Thu Cận bị hành hình. Tác giả cố ý để trống chữ "Hiên" không viết. Thu Cận là nhà nữ cách mạng cuối đời Thanh, cùng quê Lỗ Tấn. Nhân vật Hạ Du trong truyện gợi đến Thu Cận (Hạ đối với Thu, Du và Cận đều là tên các loại ngọc). (4) Những nhà cách mạng Trung Quốc năm 1907 hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh, thường đưa ra khẩu hiệu : "Thiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta",

nghĩa là nước Trung Quốc là của người Trung Quốc. (5) Chính là vòng hoa mà trong bài *Tựa viết lấy*, Lỗ Tấn nói đã thêm vào mộ anh Du. Vòng hoa này nói lên niềm tin của tác giả đối với cách mạng, mặc dù lúc bấy giờ những người cách mạng bị khủng bố ráo riết và chính tác giả đang có một tâm trạng hết sức bi đát.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

*Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Trung Quốc bị các đế quốc Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật xâu xé, xã hội Trung Hoa biến thành nửa phong kiến nửa thuộc địa, nhưng nhân dân lại an phận chịu nhục. "Người Trung Quốc ngủ mê trong một cái nhà hộp bằng sắt, không có cửa sổ" (Lỗ Tấn). Đó là căn bệnh đớn hèn, tự thỏa mãn, cản trở nghiêm trọng con đường giải phóng dân tộc. Chính nhà cách mạng lỗi lạc thời này là Tôn Trung Sơn cũng nói : "Trung Quốc là một con bệnh trầm trọng". Con bệnh đó đòi hỏi một phương thuốc. Tất nhiên không thể là những phương thuốc cổ quái kiểu lấy bánh bao chấm máu người để trị bệnh lao. Trung Quốc lúc này đang tìm đường. Lỗ Tấn cũng đang tìm đường. Cách mạng tư sản Tân Hợi (1911) kết cục chỉ là thay thang không đổi thuốc. Trung Quốc vẫn là một con bệnh. Chứng cớ là người dân vẫn mê muội, lấy máu của người cách mạng - những người đang đổ máu để chữa chạy cho dân tộc - mà chấm bánh bao ! Thực trạng đau xót ấy còn do đường lối cách mạng tư sản Tân Hợi. Họ chỉ làm "cách mạng bên trên", không hề chú ý giác ngộ quần chúng lao khổ chiếm số đông, đến nỗi những người dân nghèo khổ mua máu của họ như mua máu súc vật mà không hề băn khoăn suy nghĩ, thậm chí cũng có nhận thức như anh chàng AQ (**AQ chính truyện**) : "Làm cách mạng là làm giặc". Nhà văn bày tỏ lòng kính trọng đối với các nhà cách mạng, ông đặt một vòng hoa trên mộ Hạ Du, nhưng ông cũng đặt vấn đề phải có một cuộc cách mạng kiểu khác, một cuộc cách mạng của quần chúng và vì quần chúng. Ông có đầy đủ niềm tin. Câu hỏi : "Thế này là thế nào ?" của bà mẹ nhà cách mạng đã ẩn chứa một câu trả lời. Nhà văn Nguyễn Tuân (Việt Nam) trong bài viết về truyện ngắn* ***Thuốc*** *đã*

*nhắc đến bài thơ **Mồ anh hoa nở** của Thanh Hải, coi đó là câu trả lời.*

*1. **Thuốc** là một tiêu đề nhiều nghĩa. Anh (chị) hãy tìm xem có những nghĩa gì ? Phải chăng đây chỉ là truyện chống mê tín dị đoan ?*

2. Nghĩa địa người chết chém bên trái, nghĩa địa người chết nghèo bên phải, chia cắt bởi một con đường mòn. Ý nghĩa của những chi tiết ấy.

3. Hình tượng người cách mạng Hạ Du hiện lên như thế nào ? Thái độ của tác giả.

4. Chuyện diễn ra trong ba buổi sớm vào hai mùa khác nhau. Ý nghĩa của nó.

5. Câu hỏi của bà mẹ người tử tù "Thế này là thế nào ?" có ý nghĩa gì ?

ĐỌC THÊM

thuongmaitr

AQ CHÍNH TRUYỆN

(Tóm tắt theo chương và trích đoạn)

CHƯƠNG I

Tựa

(Tóm tắt)

Tác giả giải thích tên tác phẩm và phàn nàn về thân thế không rõ ràng của AQ. Mượn danh nghĩa viết lời tựa, tác giả giễu cợt các nhà văn hàn lâm, hễ đặt bút là nghĩ đến chuyện "lập ngôn" để truyền cho hậu thế, để lưu danh muôn thuở. Tác giả tuyên bố văn chương của ông hướng về những người cùng khổ và bất hạnh. Hình ảnh AQ đã ám ảnh tác giả mấy năm trời rồi, nhưng đặt bút viết lại thấy khó vì AQ không tên họ, không quê quán, không họ hàng. Trong bản án tử hình của AQ cũng chẳng ghi tên họ gì cả. Tóm lại AQ là một kẻ cố cùng không được xã hội thừa nhận.

CHƯƠNG II (trích)

Lược thuật những chuyện đắc thắng của AQ

AQ không những tên, họ, quê quán đều mập mờ, cho đến "hành tung" trước kia ra sao cũng không rõ ràng nốt. Số là người làng Mùi đối với AQ xưa nay chỉ cần y làm công cho, hoặc chỉ đem y ra làm trò cười mà thôi, chứ không bao giờ có ai chú ý đến "hành tung" của y cả. Mà chính y tự mình cũng chưa hề bao giờ nói tới chuyện đó. Chỉ có những lúc cãi lộn với ai thì họa hoằn y mới trừng ngược mắt lên mà tuyên bố :

– Nhà tao xưa kia có bề thế bằng mấy mày kia ! Thứ mày thấm vào đâu !

AQ không hề có nhà cửa. Y trọ ngay trong đền Thổ Cốc làng Mùi. Y cũng không có nghề nghiệp nhất định, chỉ đi làm thuê làm mướn cho người ta, ai thuê gặt lúa thì gặt lúa, ai thuê giã gạo thì giã gạo, ai thuê chống thuyền thì chống thuyền. Gặp những lúc công việc kéo dài thì y ở lại trong nhà chủ tạm thời hôm đó, xong công việc lại đi. Cho nên, người ta có công việc bận bịu lắm thì còn nhớ đến AQ, nhưng nhớ là nhớ công ăn việc làm, chứ nào phải nhớ gì đến "hành trạng" ! Rồi đến lúc công việc rồi rãi thì luôn cả AQ, người ta cũng chả nhớ nữa, còn nói gì đến "hành trạng" !

ruongxua.vn

Ấy thế mà có một lần, một ông lão nào đã tâng bốc y một câu như sau : "AQ được việc thật !". Lúc đó, AQ đang đánh trần đứng trước lão, người gày gò và bộ uể oải, người ngoài nghe chả ai hiểu lão kia nói thật hay chế giễu, nhưng AQ rất lấy làm đắc ý.

AQ lại có tính tự cao. Cả bấy nhiêu mặt dân trong làng Mùi, y tuyệt nhiên không đếm xỉa đến ai cả. Cho đến hai cậu đồ trong làng cũng vậy, y vẫn xem thường hết sức. Phù cậu đồ giả, ngày sau có thể thành thầy tú giả dã[1]. Cụ cố nhà họ Triệu và cụ cố nhà họ Tiền là hai người mà trong làng ai cũng kính trọng, bởi vì hai cụ gia tư đã giàu có, lại hai cậu con là hai cậu đồ ; thế mà chỉ một mình AQ là không ra vẻ sùng bái lắm. Y nghĩ bụng : "Con tớ ngày sau lại không làm nên, bằng năm bằng mười lũ ấy à ?". Hơn nữa, AQ lại có thể lên mặt với cả làng Mùi ở chỗ y đã lên huyện[2] mấy bận, mặc dù y có trọng gì lũ phố phường ! Thì chẳng hạn, như cái ghế dài ba thước, rộng ba tấc, ở làng Mùi gọi là

cái "ghế dài", AQ cũng gọi là "ghế dài", thế mà trên huyện gọi là "tràng kỉ" ! Y nghĩ bụng : "Gọi thế là sai ! Là đáng cười !". Ở làng Mùi, rán cá, người ta bao giờ cũng cho thêm một vài lá hành dài bằng ba đốt tay, thế mà trên huyện, họ lại cho nhánh hành thái nhỏ vào. AQ nghĩ bụng : "Thế là sai, là đáng cười !". Nhưng người làng Mùi là những người nhà quê, chưa hề đi đâu cả, lại chẳng đáng cười hơn ai hết hay sao ? Một đời chúng nó chưa hề biết trên huyện người ta rán cá như thế nào kia mà !

AQ là người "trước kia có bề có thế", kiến thức rộng, lại "được việc", kể ra cũng đã có thể gọi là người "hoàn toàn" lắm rồi. Chỉ đáng tiếc là trong người y còn có một tí khuyết điểm. Bực bội nhất là ngay trên đầu có một đám sẹo to tướng chẳng biết từ bao giờ. Mặc dù đám sẹo đó cũng là vật sở hữu của y, nhưng xem trong ý tứ y thì hình như cũng chẳng cho là quý báu gì, bởi vì y kiêng tuyệt không dùng đến tiếng "sẹo" và tất cả những tiếng âm gần giống âm "sẹo". Về sau cứ mở rộng phạm vi dần, tiếng "sáng", tiếng "rạng" cũng kiêng, rồi tiếng "đèn", tiếng "đuốc" cũng kiêng tuốt. Chẳng cứ người nào, bất kì vô tình hay hữu ý mà phạm phải húy là AQ nổi giận, cái đám sẹo đỏ ửng lên, y nhìn để đánh giá đối thủ, rồi kẻ ít mồm ít miệng là y chửi, kẻ sức yếu là y đánh. Nhưng chẳng biết thế quái nào, AQ thường vẫn thua nhiều hơn là được. Do đó y thay đổi dần dần chính sách, về sau chỉ lườm kẻ thù bằng một cặp mắt giận dữ mà thôi.

thuongmaitr

Nào ngờ, sau lúc AQ thi hành cái chính sách "lườm nguýt" đó thì bọn vô công rồi nghề ở làng Mùi lại càng thích chọc ghẹo y hơn. Hễ thấy mặt AQ đâu là y như chúng nó giả vờ làm bộ ngạc nhiên nói :

– Ơ kìa ! Sáng quang lên rồi kia kìa !

AQ lại nổi giận, lại lườm bằng một cặp mắt rất dữ tợn. Nhưng chúng nó vẫn không sợ, cứ nói :

– À, té ra có ngọn đèn bảo hiểm[3] kia kìa !

Không có cách gì để đối phó, AQ đành nghĩ ra một câu để trả thù :

– Thứ chúng mày không xứng...

Lúc đó, y lại có cảm tưởng rằng cái sẹo trên đầu y không phải là một cái sẹo tầm thường mà là một cái sẹo vinh dự, danh giá nữa kia. Nhưng như trên kia đã nói, AQ là người kiến thức rộng, y biết ngay rằng

nếu y nói nữa nhất định sẽ phạm húy, nên y không nói hết câu. Thế mà lắm đứa vẫn chưa chịu thôi, cứ ghẹo y, thành ra cuối cùng lại đánh nhau. Thực tế thì AQ thua, người ta nắm lấy cái đuôi sam vàng hoe của y và dúi đầu vào tường thình thình bốn năm cái liền rồi mới hả dạ bỏ đi. Còn AQ thì đứng ngẩn người ra một lúc, nghĩ bụng :

– Nó đánh mình thì khác gì nó đánh bố nó. Thật thời buổi này hết chỗ nói !

Rồi cũng hớn hở ra về, vẻ đắc thắng.

Cái điều AQ vừa nghĩ trong bụng, về sau y nói toạc ra. Vì vậy, những kẻ vẫn hay chọc ghẹo y đều biết rõ cái thủ đoạn đắc thắng tưởng tượng của y. Cho nên, từ đó hễ đứa nào tóm lấy cái đuôi sam vàng hoe của y, nó cũng bảo :

– AQ này ! Đây không phải là con đánh bố đâu nhé ! Đây là người đánh con vật, nghe chưa ? Hãy nói đi nào, người đánh con vật !

AQ hai tay cố giữ lấy cái đuôi sam, nghếch đầu lên nói :

– Đánh con sâu ! Được chưa ! Tớ là sâu ! Chưa thả ra à !

uongxua.vn

Tuy AQ đã nhận là sâu rồi mà nó vẫn chưa chịu thả. Nó còn tóm lấy đầu y dúi luôn năm sáu cái thình thình nữa vào chỗ nào gần đó rồi mới hớn hở bỏ đi, yên chí rằng sau trận này, y có thể xấu hổ mà chết đi được ! Nhưng chưa đầy mươi giây đồng hồ sau, AQ đã lại hớn hở ra về có vẻ đắc thắng. Y nhận thấy y là người giỏi nhịn nhục bậc nhất, và ngoài việc "nhịn nhục" ra, thì về mọi phương diện, y vẫn là người "bậc nhất". Trạng nguyên cũng chỉ là người "bậc nhất" mà thôi ! "Thứ mày kể vào đâu" !

Sau lúc đã dùng bấy nhiêu phương pháp thần diệu ra đối phó với kẻ thù, AQ liền khoan khoái đi tới quán rượu, nốc luôn mấy chén, đùa cợt với anh này, cãi lộn với anh kia, lại "đắc thắng" rồi mới hớn hở về đền Thổ Cốc, ngả ra làm một giấc đến sáng.

Giá phỏng trong túi sẵn tiền thì AQ đi đánh bạc. Giữa một đám người xúm nhau ngồi xổm, AQ mặt đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi, chen ngay vào, tiếng nói giòn hơn ai hết :

– Này, cửa thanh long, bốn quan đây !

– Mở lớ !

Bác nhà cái vừa mở vừa xướng, mặt cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi.

– Thiên môn lớ... Bao nhiêu cửa giác cho về lớ ! Cửa nhân và xuyên đường để lại lớ ! Tiền của AQ đâu ? Đưa đây !

– Cửa xuyên đường một quan này ! Quan năm này !

Giữa bấy nhiêu tiếng xướng ngân nga đó, tiền của AQ cứ thế dần dần luồn vào túi một bọn người khác, mặt cũng như mặt y, cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi. Cuối cùng, AQ đánh tháo ra vòng ngoài, đứng sau lưng bọn con bạc mà nhìn vào và hồi hộp thay cho kẻ khác, cho đến lúc tan sòng mới ngậm ngùi trở về đền Thổ Cốc, để hôm sau sẽ lại vác cặp mắt sưng húp đi làm thuê.

Kể ra "mất ngựa biết đâu không phải là một điều may cho ông già cửa ải"[4]. Đã có lần AQ bất hạnh được luôn một canh bạc, nhưng lần ấy cơ hồ lại như là thất bại.

Đêm hôm ấy, làng Mùi rước thần. Theo lệ thường, làng có tổ chức một đám hát. Bên rạp hát, cũng theo lệ thường, có mấy sòng bạc. Đối với AQ, tiếng trống, tiếng phèng la bên rạp như phảng phất đâu ngoài mười dặm đường xa dội lại. Chỉ có tiếng xướng của nhà cái là y nghe rành mạch. Y được luôn mấy hội. Tiền đồng thành bạc hào, bạc hào thành bạc đồng, bạc đồng chất dần thành một đống ; AQ đắc ý, mặt mày nở hẳn lên.

– Này ! Thiên môn hai đồng này !

AQ không biết rõ ai đánh nhau với ai và vì cớ gì, chỉ thấy tiếng mắng chửi, tiếng đấm đá cứ ào ào loạn xạ cả lên, choáng cả đầu óc một hồi khá lâu. Lúc y ngồi dậy được thì lũ con bạc đã biến đâu mất, cả bọn người xung quanh hồi nãy cũng không thấy một ai nữa. AQ cảm thấy có mấy chỗ đau ran lên như vừa bị mấy quả đấm, mấy cú đá vào người. Trước mặt y, một bọn đứng nhìn ra vẻ ngạc nhiên. AQ bàng hoàng chạy về đền Thổ Cốc, rồi đến lúc định được thần hồn thì mới sực nhớ ra rằng đống tiền của mình cũng bay đâu mất rồi. Trong mấy ngày hội, bọn phường bạc đều là người tứ chiếng, biết dò đâu cho ra manh mối ?

thuongmaitr

Rõ ràng một đống bạc đồng trắng xóa lên đó, mà lại là của mình, thế mà bây giờ biến đâu mất ! Cứ cho là "con nó cướp của bố đi" và tự mắng mình là đồ "con sâu" cũng vẫn không khuây được. Lần ấy, AQ mới hơi cảm thấy nỗi đau khổ của một cuộc bại trận thật tình.

Nhưng chẳng mấy chốc là AQ đã chuyển bại thành thắng. Y sẽ dang cánh tay phải lên, ráng hết sức đánh vào mặt y luôn hai bạt tai, đau ran. Đánh xong, y hình như đã hả dạ, tựa hồ người đánh là mình mà người bị đánh lại là một "mình" nào khác... Rồi một lát, y có cảm tưởng rằng y vừa mới đánh một đứa nào đấy, mặc dù còn đau nhức cả mặt mũi. Y hả lòng hả dạ ngả lưng xuống giường.

Thế là ngủ thẳng.

CHƯƠNG III

Lược thuật thêm những chuyện đắc thắng của AQ

(Tóm tắt)

uongxua.vn

Sáng ra, y vẫn đắc ý, hát bài "gái góa thăm mồ", đi đến quán rượu. Y gặp Vương râu xồm đang ngồi bắt rận. Y không chịu thua, cũng cởi áo ra, nhưng lần mò mãi vẫn không bằng Vương xồm. Thế là xông vào đấm đá. Nhưng y thua, bị Vương xồm nắm tóc dúi đầu vào tường. Rồi thằng "Tây giả" đi tới, y vốn ghét cái thằng cắt tóc ngắn ấy. Y chửi thầm một câu thật ác cho hả dạ. Nào ngờ "Tây giả" nghe được, vung ba toong nện vào đầu. AQ cảm thấy thất bại nhục nhã. Nhưng cô tiểu chùa làng lại đi tới, AQ quyết ra tay để bù lại chỗ thua. Thế là y xông vào sờ đầu véo má cô tiểu. Y đắc ý quên hết mọi điều nhục nhã vừa xảy ra.

CHƯƠNG IV

Bi kịch tình yêu

(Tóm tắt)

Sau khi sờ má cô tiểu chùa Tĩnh Tu, AQ bất giác nghĩ đến đàn bà. Trước nay, AQ vẫn có tư tưởng nam nữ phải xa cách, không được chung đụng. Thấy con gái đi với con trai là ném đá hoặc nói một câu "thọc gan" cho chết thẹn đi. Nhưng lần này chính y lại mơ tưởng. Buổi tối,

giã gạo xong, trong nhà bếp chỉ còn y với vú Ngò - người ở gái. Y bỗng quỳ xuống xin xỏ : "Chúng ta cùng nhau...". Thế là cả nhà náo loạn lên, y bị đánh tới tấp, bị đuổi khỏi nhà, bị bắt kí cam đoan chịu hết trách nhiệm nếu vú Ngò tự tử thật, còn phải biện lễ trừ tà v.v...

CHƯƠNG V

Vấn đề sinh kế

(Tóm tắt)

Sau sự biến "tình yêu" dân làng tránh xa y, nhất là đàn bà con gái, lão chủ quán rượu không cho y uống chịu, ông từ đền Thổ Cốc xua đuổi y. Khổ nhất là không ai chịu thuê y làm công nữa. Y dò la và nghĩ ra rằng, thằng cu Don đã hớt mất bát cơm của y. Thế là, lao vào đấm đá. Nhưng cũng không ăn thua gì, người ta vẫn không gọi y đi làm. Bụng đói, AQ trèo tường vào vườn nhà chùa ăn trộm củ cải. Bị sư bà bắt quả tang, AQ còn cãi bây. Bị chó đuổi, AQ bỏ chạy rồi hạ quyết tâm lên huyện kiếm ăn.

CHƯƠNG VI

thuongmaitr

Lên voi xuống chó

(Tóm tắt)

AQ lên huyện theo một bọn trộm, kiếm được ít nhiều rồi trở về làng và được kính trọng hẳn lên. Ai cũng muốn mua rẻ các thứ AQ ăn trộm được. Khi hết hàng, địa vị AQ trở lại như xưa.

CHƯƠNG VII

Cách mạng

(Tóm tắt)

Cách mạng Tân Hợi nổ ra trên huyện. Cụ Cử sợ hãi đưa của cải về gửi ở làng Mùi. AQ thấy địa chủ sợ hãi thì nghĩ rằng "cách mạng cũng hay !" và quyết định "đầu hàng cách mạng". Nhưng theo y, cách mạng tức là "làm giặc" và y công khai tuyên bố với dân làng y đi làm giặc. Nhà cụ Triệu sợ AQ một phép. AQ nằm mơ một ngày nọ đi tịch thu tài

sản địa chủ, rồi báo ân báo oán, rồi cưới vợ. Y nghĩ đến vú Ngò. Tỉnh dậy, y ra đường thì đâu vẫn vào đấy. Y đến chùa báo tin cách mạng nhưng sư bà cho biết cậu Tú và thằng Tây giả đã đến "làm cách mạng" trước y mất rồi.

CHƯƠNG VIII

Không cho làm cách mạng

(Tóm tắt)

Sau cách mạng, trên huyện lại như cũ, chỉ thay tên gọi các quan. Ở làng Mùi cũng vậy. Người ta cũng chỉ quấn cao đuôi sam lên mà không cắt đi. AQ cũng bắt chước quấn đuôi sam lên. Còn cậu Tú thì mua được huy hiệu đảng Tự do đeo lên ngực. AQ không vừa lòng, "Đã cách cái mạng đi rồi mà chỉ có thế này thôi ư ?". Y lân la làm quen với "nhà cách mạng" Tây giả. Nhưng vừa gặp thì bị đánh phủ đầu và bị đuổi đi.

Một buổi tối nhà cụ Triệu bị cướp. AQ chạy ra xem và định tham gia nhưng chúng nó không gọi. AQ oán thằng Tây giả "không cho làm cách mạng" và định bụng sẽ tố giác hắn.

uongxua.vn

CHƯƠNG IX

Đại đoàn viên

(Tóm tắt)

Bốn hôm sau, giữa đêm khuya, lúc AQ còn ngáy trong đền Thổ Cốc thì cảnh sát mang cả súng liên thanh vây kín. Y bị bắt mà không hiểu đầu đuôi. Bị tống giam rồi đưa đi hỏi cung, y thành thực thú nhận là có ý định đi "đầu hàng cách mạng". Thế là kết án. Người ta yêu cầu y kí vào bản án. Y không biết chữ nên chỉ vẽ một vòng tròn. Y lấy làm hổ thẹn vì vẽ không tròn và tự an ủi "Con cháu tớ sau này nhất định sẽ vẽ tròn hơn". Thế rồi người ta đưa y đi dong phố thị chúng. Y hơi hoảng, nhưng lại trấn tĩnh ngay vì bất giác y nghĩ : Người ta sinh ra trong trời đất, trước sau cũng có thể có một lần bị chặt đầu. Y thoáng thấy vú Ngò trong đám người đi xem. Y muốn hát lên một câu cho có khí phách mà nghĩ mãi không ra. Bỗng y hét lên : "Hai chục năm sau sẽ có...", người xem reo hò theo. Khi y nhận ra sự hiểm nghèo thì chỉ còn kịp thốt lên :

"Cứu tôi với ! Ối giời ôi !". Y chết đi, làng Mùi đâu lại hoàn đấy. Dư luận trong làng cho AQ là kẻ bất lương, vì không bất lương thì không bị xử bắn. Còn trên huyện thì lại thích xem chém hơn xem bắn.

Chú thích

(1) Lỗ Tấn có ý đặt câu văn theo lối văn của thầy đồ đi thi ngày xưa. *Phù, giả, dã*... là những hư từ để đệm nhịp câu. (2) Ở Trung Quốc, huyện rất lớn, cho nên người nông thôn ít có dịp lên huyện. (3) *Đèn bảo hiểm :* thứ đèn thợ mỏ vẫn dùng ở dưới hầm để trông cho rõ mà làm việc. (4) Dịch câu "Tái ông thất mã, an tri họa phúc" trong sách *Hoài Nam tử*. Lỗ Tấn hay dùng điển tích để đùa bỡn với lối văn cổ. *Hoài Nam tử* chép chuyện *Tái ông* như sau : "Ông cụ già ở cửa ải mất ngựa. Người ta đến hỏi thăm, ông nói : "Biết đâu mất ngựa không phải là điều may !". Mấy tháng sau, con ngựa vừa mất lại dẫn một con ngựa khác rất tốt về. Người ta đến mừng, ông lại nói : "Biết đâu được ngựa không phải là điều rủi". Quả nhiên, vài hôm sau, người con ông cưỡi ngựa, ngã gãy mất một chân. Người ta lại đến thăm, ông nói : "Biết đâu không phải là một điều may !". Thì năm sau, vùng ấy bị giặc đến cướp, người làng ra đánh bị chết gần hết, duy hai bố con ông, bố già, con què mà sống sót". Câu chuyện *Tái ông* người ta vẫn dùng làm điển tích để nói rằng : Trong *mất có được*, trong *được có mất* ; sự đời chẳng biết đâu mà lần, may hơn khôn.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

***AQ chính truyện** là tác phẩm tiêu biểu của Lỗ Tấn bởi vì nó đề cập đến chủ đề nổi bật nhất trong sáng tác của nhà văn là phơi bày bệnh trạng tinh thần quốc dân để kêu gọi tìm phương chạy chữa, hơn nữa nó còn xây dựng được một nhân vật điển hình bất hủ và thể hiện xuất sắc ngòi bút hài hước, châm biếm của nhà văn.*

Tác phẩm này có nhiều nội dung : 1) Phê phán "phép thắng lợi tinh thần" - một thứ tư tưởng thất bại ẩn giấu dưới cái áo khoác thắng lợi, một cản trở nghiêm trọng trên con đường giải phóng nhân dân. 2) Phê phán cách mạng tư sản nửa vời, trốn tránh việc phát động quần chúng nông dân đông đảo. 3) Phê phán tình trạng đình đốn trì trệ đến hủ lậu của xã hội Trung Quốc, đặc biệt là nông thôn mà làng Mùi là tiêu biểu. Tác phẩm đã đặt ra vấn đề phải làm cách mạng để thay đổi nông thôn,

giải phóng nông dân. Cuộc cách mạng ấy như thế nào tác giả chưa rõ, nhưng phải khác cách mạng Tân Hợi.

Đọc phần tóm tắt và các đoạn trích, trả lời mấy câu hỏi sau đây :

*1. Qua **AQ chính truyện** Lỗ Tấn muốn châm biếm "phép thắng lợi tinh thần". Anh (chị) hãy nêu những biểu hiện của nó qua đoạn trích.*

*2. Tác phẩm còn phê phán cuộc cách mạng tư sản Tân Hợi. Anh (chị) hãy liên hệ với truyện **Thuốc** đã học để chỉ ra những nhược điểm của cuộc cách mạng ấy.*

3. Tác phẩm có 9 chương, 6 chương đầu nói về các biểu hiện của "phép thắng lợi tinh thần", 2 chương tiếp nói về việc AQ làm cách mạng, nhưng chương cuối lại là "Đại đoàn viên". Đại đoàn viên có nghĩa là sum họp (lớn), cũng có nghĩa là lại như cũ (đoàn là quấn quanh, viên là tròn), dân làng Mùi đi xem xử bắn để rồi lại đi con đường mà AQ đã đi. Ý nghĩa của chương cuối.

*4. Giọng văn trong **AQ chính truyện** là châm biếm giễu cợt, có khác gì giọng văn trong **Thuốc** ?*

5. Trong văn học Việt Nam có nhân vật Chí Phèo. Theo anh (chị), AQ và Chí Phèo có gì giống nhau, khác nhau ?

uongxua.vn

BÀI 3

ÊXÊNIN

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Xecgây Êxênin (1895 - 1925) sinh trong một gia đình nông dân ở vùng làng quê tỉnh Riadan. Từ tấm bé ông sống với ông bà ngoại là những người giàu có. "Lên tám tuổi - Êxênin viết trong tự truyện - bà ngoại tôi mang tôi đi theo đến các tu viện, vì bà mà ở nhà tôi thường có những người hành hương trú ngụ. Những bài thơ tôn giáo đủ loại được hát suốt. Ông ngoại tôi thì trái lại, chẳng bỏ lỡ dịp để

chè chén, về phía mình, ông tôi thường xuyên tổ chức các đám cưới không bao giờ chịu đến nhà thờ". Tình cảm tôn giáo trong thơ Êxênin trước Cách mạng tháng Mười là do chịu ảnh hưởng của bà ngoại. Ảnh hưởng của ông ngoại để lại dấu ấn trong lối sống phóng túng, ham vui chơi của nhà thơ. Êxênin học tiểu học ở trường làng, sau đó học ở một trường sư phạm của nhà thờ. Bắt đầu làm thơ rất sớm, khoảng chín tuổi. Từ năm 1912, sống và hoạt động văn học ở Matxcơva. Theo học Đại học nhân dân một vài năm rồi bỏ học. Những năm sau Cách mạng, Êxênin "hoàn toàn đứng về phía tháng Mười" (tức là những người lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Mười). Tuy nhiên có những khía cạnh của cuộc cách mạng vô sản Êxênin không hiểu được, vả chăng chính những người hoạt động cách mạng không phải lúc nào cũng hiểu được nhà thơ. Trong hoạt động văn học của Êxênin sau Cách mạng, tuy có những nhận thức còn mơ hồ, bao giờ ông cũng là một nhà thơ chân thành, đắm đuối yêu quê hương, băn khoăn lo lắng về số phận của quê hương, tin tưởng tuyệt đối ở tương lai của đất nước.

thuongmaitr

Êxênin đã sáng tạo những hình ảnh tuyệt diệu về thiên nhiên Nga và cuộc sống làng quê Nga. Thiên nhiên, nông thôn và đất nước trong thơ ông đã hòa lẫn làm một trong những rung cảm đẹp. Tình yêu đất nước là một trong những nguồn cảm hứng của toàn bộ sáng tác của ông. Êxênin đã đưa vào văn học hình ảnh thân thương của những cánh đồng Nga, ngôn ngữ và lời ca tiếng hát của nhân dân Nga :

Nước Nga vàng, hãy vang ngân réo rắt !
Ngọn gió cuồng hãy lay động xốn xang !
Hạnh phúc kẻ đem niềm vui dào dạt
Hát nỗi sầu đồng ruộng nước Nga vàng
Nước Nga vàng, hãy vang ngân réo rắt !

(Thúy Toàn *dịch*)

Chỉ Êxênin mới yêu thiên nhiên Nga đến đắm đuối như vậy :

Ôi nước Nga, cánh đồng màu thắm đỏ
Và màu xanh ngả xuống giữa lòng sông
Tôi yêu đến sướng vui và đau khổ
Nỗi sầu thương hồ nước trải mênh mông

(Thúy Toàn *dịch*)

Hồi tưởng về Êxênin, Gorki viết : "... Nghe những câu thơ này, bất giác ta nghĩ rằng Xecgây Êxênin là một con người - đúng hơn, một chiếc đại phong cầm - tạo hóa sinh ra hoàn toàn cho thơ ca, sinh ra để diễn đạt "nỗi buồn" vô tận của "đồng ruộng", để thể hiện tình yêu với tất cả những gì có sự sống ở trên đời và khẳng định tình thương là điều xứng với con người hơn tất cả mọi điều".

ruongxua.vn

Cảm hứng thơ của Êxênin :

Con sẽ hát ngợi ca mẹ và khách,
Xó bếp nhà ta, chú gà trống, túp nhà...
Và dòng sữa con bò vàng của mẹ
Sẽ chảy vào những khúc hát con ca.

(Thúy Toàn *dịch*)

Thơ của Êxênin là niềm thương cảm với chó mẹ bị người ta bắt mất bầy con (*Bài ca về con chó mẹ*), là lòng thông cảm với số phận bò mẹ, bò con lần lượt "bị đưa đến lò sát sinh" (*Con bò*)... Ngay trước cảnh một con cáo bị trúng đạn tử thương Êxênin cũng xúc động, viết những câu thơ cảm động (*Con cáo cái*).

Thơ tình của Êxênin bao giờ cũng hồn nhiên, trinh bạch :

Chẳng phải ai cũng có một người thân
Nhưng với tôi cô gái ấy là cả một bài ca tuổi trẻ,
Những bức thư tôi buộc nơi cổ chó
Cô ta chưa một lần cầm.

Cô ta chưa hề đọc một lần
Nét chữ tôi cô hoàn toàn xa lạ.
Nàng cứ đứng trầm tư lặng lẽ
Bên lùm cây ven mặt nước thu vàng.

Tôi khổ đau... Tôi mong đợi hồi âm...
Không chờ được... Tôi ra đi... và thế
Tháng năm qua... tôi trở thành thi sĩ
Lại về đây, bên khung cửa quen thân.

(Anh Ngọc *dịch*)

thuongmaitr

Cuộc đời của Êxênin có những thăng trầm. Và có những ngày, những tháng - đặc biệt vào những năm cuối đời - ông sống với tâm trạng u uất, đau buồn đến tuyệt vọng. Ông mất năm ba mươi tuổi. Đời thơ của ông quá ngắn ngủi. Nhưng ông đã để lại cho đời một di sản vô giá, "những bài thơ tươi tấn, trinh bạch, thanh thoát, ngôn ngữ nhiều tầng, nhiều lớp" (A. Blôk).

GIẢNG VĂN

THƯ GỬI MẸ

Mẹ có còn đó chăng, thưa mẹ
Con vẫn còn đây. Xin chào mẹ của con !
Ánh sáng diệu kì vào lúc hoàng hôn
Xin cứ tỏa trên mái nhà của mẹ.

Người ta viết cho con, rằng mẹ
Phiền muộn lo âu quá đỗi về con
Rằng mẹ luôn dạo bước ra đường
Khoác tấm áo choàng xưa cũ nát.

Trong bóng tối chiều hôm xanh ngắt
Mẹ mãi hình dung chỉ một cảnh hãi hùng -
Có kẻ nào vừa đâm trúng tim con
Giữa quán rượu ồn ào loạn đả.

Mẹ thân yêu, xin mẹ cứ yên lòng
Đó chỉ là cơn nặng nề mộng mị
Con có đâu be bét rượu chè
Đến nỗi chết mà không nhìn thấy mẹ.

Con vẫn như xưa đằm thắm dịu dàng
Vẫn như xưa chỉ một niềm mong ước
Sớm thoát khỏi nỗi buồn đau trĩu nặng
Để trở về với mái nhà xưa.

ruongxua.vn

Con sẽ về khi vào độ xuân sang
Mảnh vườn ta trắng cây cành nảy lộc
Chỉ có điều, mẹ nhé, mỗi ban mai
Đừng gọi con như tám năm về trước[1].

Đừng thức dậy những ước mơ đã mất
Đừng gợi chi những mộng đẹp không thành -
Đời con nay đã thấm nỗi nhọc nhằn
Đã sớm chịu bao điều mất mát.

Cũng đừng dạy con nguyện cầu. Vô ích !
Với cái cũ xưa, không quay lại làm chi
Chỉ mẹ là niềm vui, ánh sáng diệu kì
Chỉ mình mẹ giúp đời con vững bước.

Hãy quên đi những lo âu, mẹ nhé
Đừng buồn phiền quá đỗi về con
Mẹ chớ luôn dạo bước ra đường
Khoác tấm áo choàng xưa cũ nát.

1924

Dựa theo bản dịch của ANH NGỌC
(*Thơ Êxênin*. NXB Văn học, Hà Nội, 1995)

Dịch nghĩa

THƯ GỬI MẸ

Mẹ có còn đó chăng, mẹ già của con ?
Con vẫn còn đây. Con chào mẹ, xin chào mẹ !
Ánh sáng chiều hôm khôn tả xiết
Xin cứ phun tỏa thành tia luồng xuống ngôi nhà
cũ xưa của mẹ.

Người ta viết cho con rằng giữ kín trong lòng nỗi lo,
Mẹ phiền muộn quá đỗi về con,
Rằng mẹ hay ra đường đứng ngóng
Khoác tấm áo choàng cũ xưa tàn tạ.

Và trong bóng tối chiều hôm xanh ngắt
Mẹ luôn luôn chỉ thấy một cảnh tượng :
Có kẻ nào trong cuộc loạn đả ở quán rượu
Xỉa dao găm đâm trúng tim con.

Chẳng có gì đâu, mẹ thân thương ! Xin mẹ yên lòng
Đó chỉ là những chuyện nhảm nhí não lòng
Con đâu có phải kẻ rượu chè be bét
Đến nỗi chết, không nhìn thấy mẹ.

thuongmaitr

Con vẫn dịu dàng như xưa
Chỉ có một niềm mong ước
Sớm thoát khỏi nỗi chán chường bực tức
Để trở về ngôi nhà thấp bé của mẹ con ta.

Con sẽ về khi mảnh vườn trắng của chúng ta
Vào xuân đâm cành nảy lộc
Chỉ có điều khi rạng sáng
Mẹ đừng đánh thức con như tám năm về trước.

Đừng đánh thức dậy những gì tan biến với ước mơ
Đừng làm xao xuyến, khơi gợi những gì không thành
Đời con đã phải từng trải quá sớm
Những sự mất mát và những nỗi nhọc nhằn.

Cũng đừng dạy con cầu nguyện. Chẳng cần !
Quay về thời xưa cũ chẳng được nữa đâu.
Chỉ mình mẹ là sự cứu giúp và niềm vui cho con.
Chỉ mình mẹ đối với con là ánh sáng khôn tả xiết.

uongxua.vn

Mẹ hãy quên đi những nỗi lo âu,
Đừng buồn phiền quá thế về con
Mẹ đừng có ra đường đứng ngóng nhiều đến thế
Khoác tấm áo choàng cũ xưa tàn tạ.

Chú thích

(1) *Đừng gọi con như tám năm về trước :* Bài *Thư gửi mẹ* được viết năm 1924. Trước đó 8 năm tác giả có làm một bài thơ gửi mẹ, khổ mở đầu như sau :

Sáng mai mẹ đánh thức con dậy sớm,
Người mẹ hiền nhẫn nại của con ơi !
Con sẽ qua lối đồi chào đón bạn
Người bạn xa quý mến ghé lại chơi.

(Thúy Toàn *dịch*)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. "Thơ là hội họa bằng ngôn từ". Định nghĩa này về thơ nhấn mạnh yêu cầu nhà thơ tạo dựng những "hình ảnh", những "cảnh" mà độc giả có thể "nhìn thấy" được. Trong bài thơ này cảnh "mái nhà" xưa (khổ 1), cảnh "mảnh vườn" xưa (khổ 6), cảnh bà mẹ bồn chồn lo lắng về con (khổ 2, khổ 9) đã được miêu tả như thế nào ?

2. Khổ 9 hầu như lặp lại khổ 2 ; tuy vậy cũng có sự khác biệt. Khác biệt ở chỗ nào ? Sự lặp lại nhằm đạt hiệu quả gì ?

3. Cuộc sống hiện tại, tâm trạng hiện tại của nhà thơ là những cảnh "hãi hùng", những cơn "nặng nề", "mộng mị", những nỗi nhọc nhằn, mất mát. Nhưng hồi tưởng lại quá khứ thời trẻ, thời còn ở với mẹ, nhà thơ nhớ đến những điều thơ mộng. Anh (chị) có nhận xét gì về những điều thơ mộng này ?

4. Khổ 1 và khổ 8 đều có nói đến "ánh sáng diệu kì". Sự thay đổi về nghĩa của từ "ánh sáng diệu kì" trong hai lần sử dụng.

5. Ở khổ 8 nói đến nguyện cầu là nói đến Chúa. Phải chăng ở đây tác giả đặt bà mẹ ngang với Chúa ?

thuongmaitr

ĐỌC THÊM

Tặng L.I. Kasina

Mái tóc xanh(1),
Lồng ngực tròn thiếu nữ,
Ôi bạch dương, bạch dương mảnh dẻ,
Cớ chi ngươi nhìn mãi xuống đầm ?

Gió nói gì bên tai ngươi thì thầm ?
Và cát nữa, cát nói điều gì vậy ?
Hay ngươi muốn vầng trăng làm lược chải
Ấm êm trên mái - tóc - cây - cành ?

Hãy kể ta nghe những bí mật đời mình,
Những ý nghĩ giấu trong từng thớ gỗ,

Ta yêu tiếng xạc xào buồn bã
Của ngươi vào mỗi độ thu sang.

Và tôi nghe tiếng của bạch dương :
"Anh bạn tò mò ơi,
Đêm nay dưới trời sao vằng vặc
Có một chàng chăn cừu
Đã đến đây và khóc.

Trăng tỏa bóng mênh mông,
Một màu xanh huyền ảo.
Quỳ xuống đất chân trần
Chàng ôm lấy thân tôi.

Và nặng nề cất tiếng thở dài,
Chàng khẽ nói trong rì rào cây lá :
– Tạm biệt nhé, con chim câu bé nhỏ,
Hẹn chờ nhau, mùa sếu sang năm[(2)]".

uongxua.vn

1918

ANH NGỌC dịch
(*Thơ Êxênin*. NXB Văn học, Hà Nội, 1995)

Chú thích

(1) Bài thơ này vốn không có nhan đề, các bản dịch thường lấy câu thơ đầu ; "Mái tóc xanh" thay cho tên bài để xếp vào mục lục. (2) *Mùa sếu sang năm* : xứ lạnh loài sếu không sống cố định ở một vùng, chim sếu bay đến và bay đi theo mùa.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Lối tỏ tình xa xôi bóng bẩy trong bài thơ này là một biểu hiện văn phong rất mực tao nhã của thơ tình Êxênin. Nhà thơ mượn hình ảnh cây bạch dương để nói về người phụ nữ mình có cảm tình, mượn lời cây bạch dương để kể câu chuyện chàng chăn cừu si tình, lại mượn lời chàng chăn cừu để thổ lộ tình cảm của mình với người phụ nữ.

BÀI 4

ARAGÔNG

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Lui Aragông (Louis Aragon, 1897 - 1982) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết Pháp nổi tiếng thế giới, một trong những cánh chim đại bàng văn học của thế kỉ này. Cuộc đời tám mươi lăm tuổi của ông là cả một quá trình dài trăn trở với lí tưởng cuộc sống và tìm tòi sáng tạo, đổi mới nghệ thuật không ngừng.

CUỐN TIỂU THUYẾT CUỘC ĐỜI

Chính Aragông cũng ví cuộc đời ông như một cuốn tiểu thuyết. Khi sắp bước vào tuổi sáu mươi, ông cho ra mắt bạn đọc tập thơ giàu tính chất tự truyện nhan đề *Cuốn tiểu thuyết chưa hoàn thành* (1956).

Đâu là lẽ sống

Cuộc đời đối với Aragông là cả một câu hỏi lớn. Bắt đầu, ngay từ khi ông còn thơ ấu, là nỗi băn khoăn về bản thân mình, vì ông gần như đứa con hoang ở Pari, sống với mẹ nhưng lại dưới danh nghĩa cậu em nuôi, với bà ngoại nhưng ông lại cứ tưởng đấy là mẹ nuôi. Ông có nghe dư luận lờ mờ nhưng không rõ sự thật. Mãi đến năm 1942, trước khi qua đời, mẹ ông mới cho ông biết cha ông là ai, và người cha ấy đã trốn trách nhiệm không thừa nhận vợ con.

Lớn lên, Aragông đang học Y khoa thì Đại chiến I (1914 – 1918) ập đến, ông bị gọi nhập ngũ (1917). Chiến tranh kết thúc, ông giải ngũ (1919) với tâm trạng chán chường, mệt mỏi, tham gia các trào lưu văn học : chủ nghĩa đa đa[1], chủ nghĩa siêu thực[2]. Ông còn phải khoác áo lính một lần nữa (1939) ngay từ những ngày đầu của Đại chiến II (1939 – 1945). Bao nhiêu day dứt khiến thơ ông đã phải thốt lên : *Tôi sẽ không viết lại đời tôi Nó bày ra đấy / Như trái tim bị giằng ra thảm hại phập phồng.*

Tái sinh từ tình yêu Enxa

Aragông ghi tên vào đảng Cộng sản Pháp năm 1927. Nhưng sự kiện quan trọng hơn đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời và tư tưởng của ông là cuộc gặp gỡ Enxa Tơriôlê năm 1928 ở Pari, một phụ nữ Nga gốc Do Thái sang sống ở Pháp. Enxa Tơriôlê (1896 – 1970) là nhà tiểu thuyết Pháp, trở thành người bạn đời của Aragông, kéo ông ra khỏi tư tưởng bi quan, đưa ông thâm nhập ngày càng sâu vào lí tưởng của Cách mạng tháng Mười. Ông từ bỏ chủ nghĩa đa đa, chủ nghĩa siêu thực để chuyển sang chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Ông hoạt động xã hội sôi nổi và tham gia kháng chiến chống quân xâm lược khi Đức chiếm đóng Pháp thời kì Đại chiến II. Ý "tái sinh từ tình yêu Enxa" xuất hiện nhiều trong thơ ông : *Anh quả thật đã sinh từ môi ấy / Cuộc đời anh khởi sự tự em đây.*

ruongxua.vn

Một trái tim chân thành

Từ năm 1950, tình hình trong nước Pháp và trên thế giới diễn biến phức tạp. Nhiều lúc vô cùng đau xót, trái tim như rỏ máu, nhưng cho đến khi "cuốn tiểu thuyết cuộc đời" khép lại, Aragông luôn bộc lộ một trái tim chân thành, tin vào lí tưởng đã chọn, nhưng cách nhìn có uyển chuyển hơn, cố gắng đi xa hơn chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, không chịu dừng chân tại chỗ mà luôn tìm tòi những cách thể hiện mới mẻ. Aragông được trao giải thưởng hòa bình quốc tế Lênin khi ông tròn sáu mươi tuổi.

Enxa có vai trò thật đặc biệt trên con đường vươn tới lí tưởng của Aragông, dẫn đến một nét độc đáo, lớn lao trong sáng tác của ông là tình yêu và lí tưởng hòa quyện vào nhau thật khó tách bạch.

Vài nét về tiểu thuyết

Aragông đến với tiểu thuyết sớm hơn thơ. Ông "sáng tác" hơn sáu mươi "tiểu thuyết" nho nhỏ từ khi chưa đến mười tuổi, mỗi "cuốn" chỉ mươi, mười lăm trang, nhưng cũng chia thành các chương. Nay chỉ còn cuốn *Tâm hồn tuyệt vời biết bao !* (cuối 1903) tặng mẹ nhân ngày sinh nhật sắp đến (tháng Hai 1904). Về sau, ông viết nhiều bộ tiểu thuyết lớn nổi tiếng như *Những khu phố đẹp* (1936), *Những hành khách trên xe* (1943), *Ôrêliêng* (1944), *Những người cộng sản* (1949 – 1951), *Tuần lễ thánh* (1958)... Mỗi tiểu thuyết ra đời lại đánh dấu một bước đổi mới về nghệ thuật khiến giới phê bình phải ngạc nhiên trước kì tài của nghệ sĩ.

thuongmaitr

Vườn thơ Enxa

Enxa để dấu ấn trong tiểu thuyết của ông đã nhiều, được ông đưa vào thơ càng nhiều hơn. Có thể kể một số tập thơ chính : *Nát lòng* (1941), *Đôi mắt Enxa* (1942), *Cuốn tiểu thuyết chưa hoàn thành* (1956), *Enxa* (1959), *Anh chàng say đắm Enxa* (1963). *Cuốn tiểu thuyết chưa hoàn thành* được đánh giá là "một tác phẩm loại hay nhất của thơ ca châu Âu thế kỉ XX" (M. Alighe). Còn *Anh chàng say đắm Enxa* thuộc vào số những tác phẩm dài nhất của thơ ca Pháp và là "một khối kiến trúc hùng vĩ, phức tạp, làm cho người ta sửng sốt" (G. Raya). Thơ ông là cả một vườn thơ Enxa, tuy đề tài rất đa dạng, âm điệu rất phong phú, có những bài tha thiết khi viết về Tổ quốc và nhân dân, có những câu thơ sôi sục căm hờn khi nói đến quân thù xâm lược, có các vần thơ sôi nổi truyền cho ta niềm tin vào lí tưởng, hoặc da diết những trăn trở suy tư. Một tập thơ thuộc mảng thơ kháng chiến chống phát xít Đức lại được mang tên là ... *Đôi mắt Enxa !*

Hình tượng Enxa

Thơ tình của Aragông tất nhiên là ca ngợi Enxa, trước hết là nhan sắc Enxa. Thế nhưng rải rác đây đó không nhiều những chi tiết cụ thể về Enxa như một mùi hương, một giọng nói, một hơi thở, đôi môi, vài đường nét của cơ thể... Trái lại, hai bàn tay và nhất là đôi mắt được nhà thơ nhắc đi nhắc lại nhiều lần và hiện lên như những biểu tượng : đôi bàn tay Enxa đã cứu vớt ông và ông biết nhìn đời nhờ đôi mắt Enxa. Với cảm hứng thiên về biểu tượng khi ca ngợi Enxa, tác giả đã tạo nên trong thơ ông hình tượng nghệ thuật về Enxa, chứ không đơn giản chỉ là bóng dáng Enxa của cuộc đời thực.

Nghệ thuật thơ

Thơ Aragông không có các loại dấu chấm câu. Ông phân biệt câu thơ với câu theo ngữ pháp. Theo ông, dấu chấm câu hướng ta đọc theo câu ngữ pháp, chứ không phải là theo cách ngắt của câu thơ, do đó câu thơ có gieo vần sẽ bị hủy hoại nếu khi đọc không dừng lại ở cuối dòng thơ. Mà cách ngắt dòng thơ của ông lại hết sức tự do, không theo khuôn phép nào cả, nhiều khi rất đột ngột.

Aragông có xu hướng phát triển câu thơ dài ra chưa từng thấy, có khi dài tới mươi dòng, dài tới nửa trang... dài nữa dài mãi thành hàng trang "văn xuôi". Ông muốn xóa nhòa ranh giới giữa thơ và văn xuôi. Không phải ngẫu nhiên một tập thơ của ông có nhan đề *Cuốn tiểu thuyết chưa hoàn thành*, trong đó có một bài thơ rất dài tên là *Áng văn xuôi về hạnh phúc và Enxa*.

Ta thường gặp trong thơ Aragông biện pháp tu từ lặp đi lặp lại để nhấn mạnh một tình cảm hay cảm xúc nào đấy, vui buồn, hồ hởi, căm giận... Thể thức lặp đi lặp lại rất đa dạng và linh hoạt : lặp một từ sát bên nhau, lặp một từ hoặc vài từ ở những vị trí giống nhau trong các câu thơ, lặp một câu nhiều lần trong bài thành điệp khúc với khoảng cách bố trí luôn luôn thay đổi... Nghệ thuật này phù hợp với phong cách hùng hồn hoặc trữ tình thắm thiết của thơ ông. Cũng vì thế, thơ Aragông gần với những bài ca, rất dễ phổ nhạc và được phổ nhạc rất nhiều.

Chú thích

(1) *Chủ nghĩa đa đa :* trào lưu văn học ở châu Âu xuất hiện năm 1916 do T. Dara đứng đầu và là sự nổi loạn vô chính phủ đối với thơ và ngôn ngữ thơ, đối với trật tự đương thời và chiến tranh đế quốc. (2) *Chủ nghĩa siêu thực :* trào lưu văn học xuất hiện ở châu Âu đầu những năm 20 thế kỉ này, do A. Brơtông đứng đầu và chủ trương thơ ca phải đi vào cái siêu thực đối lập với cái hiện thực.

GIẢNG VĂN

ENXA NGỒI TRƯỚC GƯƠNG[1]

Ngay giữa hồi bi kịch của ta đây
Một ngày dài ngồi bên tấm gương soi
Nàng chải miết mái tóc vàng rực rỡ
Bàn tay nàng như kiên trì giạp lửa
Ngay giữa hồi bi kịch của ta đây

Một ngày dài ngồi bên tấm gương soi
Nàng chải miết mái tóc vàng rực rỡ
Như lơ đãng dạo khúc đàn êm ả
Ngay giữa hồi bi kịch của ta đây
Suốt ngày dài ngồi bên tấm gương soi

Nàng chải miết mái tóc vàng rực rỡ
Như cố tình nàng giày vò trí nhớ
Suốt ngày dài ngồi bên tấm gương soi
Khơi bùng lên hoa lửa mãi không thôi
Chẳng nói như ai khi soi gương rực rỡ

Như cố tình nàng giày vò trí nhớ
Ngay giữa hồi bi kịch của ta đây
Cuộc đời oái oăm như tấm gương soi

thuongmaitr

Chiếc lược phân chia ánh lửa vàng óng ả
Làm lóe sáng trong tôi bao trí nhớ

Ngay giữa hồi bi kịch của ta đây
Như thứ năm cứ hàng tuần ngồi đó

Một ngày dài ngồi soi vào trí nhớ
Nàng thấy nhòa đi trong tấm gương soi

Các diễn viên bi kịch của ta đây
Và đấy là các diễn viên ưu tú

Và chẳng nêu tên mọi người đều rõ
Và rõ ý sâu xa đám lửa đêm dài

Và mái tóc vàng khi nàng đến ngồi soi
Và lẳng lặng chải ánh vàng rực lửa

uongxua.vn

P.V.T. (dịch)[2]

Dịch nghĩa

ENXA TRƯỚC GƯƠNG

Đó là vào chính giữa lúc bi kịch của chúng ta
Vào trong một ngày dài ngồi bên chiếc gương của nàng
Nàng chải mái tóc vàng tôi tưởng như thấy
Đôi bàn tay kiên trì của nàng làm dịu một đám cháy
Đó là vào chính giữa lúc bi kịch của chúng ta

Và trong một ngày dài ngồi bên chiếc gương của nàng
Nàng chải mái tóc vàng và tôi cứ ngỡ
Đó là vào chính giữa lúc bi kịch của chúng ta
Nàng chơi một bài đàn hạc (harpe) mà không nghĩ là chơi
Trong suốt ngày dài ấy ngồi bên chiếc gương của nàng

Nàng chải mái tóc vàng và tôi cứ ngỡ
Nàng cố tình giày vò trí nhớ của nàng
Trong suốt ngày dài ấy ngồi bên chiếc gương của nàng
Khơi bùng lên mãi không thôi những hoa đám cháy
Chẳng nói điều người phụ nữ khác ở địa vị nàng chắc đã nói

Nàng cố tình giày vò trí nhớ của nàng
Đó là vào giữa lúc bi kịch của chúng ta
Thế giới giống như chiếc gương đáng nguyền rủa ấy
Chiếc lược phân chia ánh lửa óng ả đó
Và những ánh lửa ấy rọi sáng các ngóc ngách trí nhớ của tôi

Đó là vào chính giữa lúc bi kịch của chúng ta
Như ngày thứ năm ngồi trong tuần lễ

thuongmaitr

Và trong một ngày dài ngồi bên trí nhớ của nàng
Nàng nhìn thấy xa xa chết đi trong chiếc gương của nàng
Lần lượt từng người các diễn viên của bi kịch chúng ta
Và họ là các diễn viên ưu tú của thế giới đáng nguyền rủa này

Và các bạn biết tên của họ dù tôi không nói ra
Và các đám cháy những tối dài kia có nghĩa là gì

Và mái tóc vàng có nghĩa gì khi nàng đến ngồi
Và chải một ánh lửa đám cháy chẳng nói năng gì

Chú thích

(1) Bài thơ này in trong tập *Tiếng kèn trận Pháp* (1946). (2) Có tham khảo bản dịch của Đào Xuân Quý.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Căn cứ vào cách tổ chức khác nhau các khổ thơ (loại 5 câu và loại 2 câu) và căn cứ vào mạch cảm xúc của nhà thơ (hình ảnh, tâm tư của Enxa ngồi trước gương qua cảm nhận của Aragông và xúc cảm của chính nhà thơ trước cảnh đó), hãy tìm bố cục bài thơ. Câu thơ nào làm cầu nối giữa hai phần ? Tại sao có thể nói : thật ra không có sự phân biệt rạch ròi giữa hai phần trong bài thơ trữ tình này ?

2. Phân tích hình ảnh Enxa ngồi soi gương chải tóc với thủ pháp so sánh vừa chính xác, vừa táo bạo (câu 4, 8, 12, 14...). Xem xét kĩ những câu có các từ "bi kịch", "gương soi", "trí nhớ" để chứng minh rằng tuy ngồi soi gương chải tóc, nhưng tâm tư của Enxa hướng về những con người dũng cảm đã ngã xuống trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.

3. So sánh biểu hiện tâm tư của Enxa (câu 8, 15, 30 và số câu thơ được lặp đi lặp lại nhiều lần) và tâm tư của Aragông (các chữ "Và" lặp đi lặp lại ở những câu thơ cuối cùng) trong bài thơ.

tuongxua.vn

<u>ĐỌC THÊM</u>

BÀI CA CỦA NGƯỜI HÁT TRONG NGỤC TÙ TRA TẤN[1]

Nếu phải đi trở lại
Tôi đi lại đường này
Một tiếng từ ngục tối
Nói đến những ngày mai

Nghe nói trong nhà giam
Có hai người đêm ấy
Bảo thầm anh Đầu hàng
Mày chán đời sao vậy

Mày có thể có thể
Có thể sống như tao
Nói đi một tiếng nhé
Mày được sống cúi đầu

Nếu phải đi trở lại
Tôi đi lại đường này
Một tiếng từ ngục tối
Nói cho những ngày mai

Chỉ một tiếng cửa mở
Một tiếng một tiếng thôi
Tên giết người hối hả
Cửa mở Hết khổ rồi

Chỉ một tiếng giả dối
Thay đổi cả đời này
Hãy nghĩ tới nghĩ tới
Ấm dịu những ban mai

thuongmaitr

Nếu phải đi trở lại
Tôi đi lại đường này
Một tiếng từ ngục tối
Nói với người ngày mai

Tôi nói điều phải nói
Như xưa vua Hăngri
Tổ quốc cần con ngựa
Cầu kinh vì Pari[2]

Chẳng được gì Chúng cút
Anh nhận chết phần anh
Ấy con đường duy nhất
Người vô tội bỏ mình

Nếu phải đi trở lại
Tôi đi lại đường này

Tiếng nói từ ngục tối
Tôi sẽ đi ngày mai

Tôi chết còn nước Pháp
Tình tôi hành động tôi
Bạn ơi nếu tôi chết
Bạn biết vì sao rồi

Chúng đến để bắt anh
Hai thằng nói tiếng Đức
Một thằng dịch Đầu hàng
Anh bình tĩnh liền đáp

Nếu phải đi trở lại
Tôi đi lại đường này
Dưới gông cùm lửa sắt
Ca hát những ngày mai

Anh hát dưới làn đạn
Cờ đỏ dựng lên rồi[3]
truongxua.vn
Chúng bắn một loạt nữa
Anh từ giã cuộc đời

Một bài ca nước Pháp
Bay ra từ đôi môi
Tiếp theo bài ca trước
Cho tất cả loài người

TẾ HANH dịch
(*Thơ Aragông*. NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

Chú thích

(1) Bài này rút trong tập *Tiếng kèn trận Pháp* (1946). Gabrien Pêri là ủy viên trung ương đảng Cộng sản Pháp bị phát xít Đức bắt và giết trong Đại chiến II. Bài thơ dựa trên câu nói nổi tiếng của Pêri : "Nếu phải đi trở lại, tôi đi lại đường này".
(2) Vua Hăngri IV (1553 – 1610) của Pháp đang đánh giặc thì con ngựa chết, ông

liền gọi đem cho con ngựa khác để cứu Tổ quốc. Khi về Pari, người ta bắt cầu kinh theo đạo Thiên Chúa, mặc dầu ông theo đạo Tin Lành ; ông nói nếu vì Pari đọc kinh thì ông đọc. (3) Một câu trong bài *La Macxâyedơ*, quốc ca Pháp.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Biện pháp tu từ lặp đi lặp lại thành điệp khúc lời của Gabrien Pêri trong bài thơ có tác dụng nghệ thuật gì ?

2. Khảo sát, phân tích diễn biến chuỗi những câu thứ tư trong các khổ thơ có điệp khúc trên.

3. Tìm trong bài những chi tiết nói lên mối quan hệ khăng khít giữa tình yêu lí tưởng và tình yêu Tổ quốc của Gabrien Pêri và của nhà thơ.

BÀI 5

HÊMINGUÊ

thuongmaitr

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

"VIẾT MỘT ÁNG VĂN XUÔI ĐƠN GIẢN VÀ TRUNG THỰC VỀ CON NGƯỜI"

Sinh trưởng trong gia đình khá giả tại một thành phố nhỏ ngoại vi Chicagô, vào những ngày hè, Ơnixt Hêminguê (Ernest Hemingway, 1899 - 1961) thường được theo cha - một người thầy thuốc đi về vùng rừng núi miền nam, nơi còn tồn tại những làng người da đỏ và sống gần thiên nhiên giống như nhân vật Hâc Phin của Mac Tuên, nhà văn mà ông từng xác nhận ảnh hưởng to lớn. Mười tám tuổi, Hêminguê đã bước vào nghề phóng viên. Đại chiến I bắt gặp ông trên đất Ý, nơi nhà văn tình nguyện nhập ngũ. Bị thương nặng, chàng trai trẻ trở về nước Mĩ và được đón tiếp như một anh hùng. Nhưng vết chấn thương về tinh thần khiến Hêminguê cảm thấy không tài nào hòa nhập

vào cuộc sống thời bình của một cường quốc đang hết sức thỏa mãn vì sự giàu có của mình. Hêminguê cùng với số trí thức nghệ sĩ trẻ tự xưng là "Thế hệ vứt đi" (cũng có thể dịch là "Thế hệ mất mát"). Cảm giác lạc loài và sự phủ nhận văn minh công nghiệp chính là dấu ấn đậm nét của những người này và đã được thể hiện qua nhân vật trung tâm của tác phẩm Hêminguê. Kiểu nhân vật này đã liên kết những truyện ngắn đầu tiên của ông thành một thiên duy nhất (*Trong thời đại chúng ta*, 1925). Cho tới nay, một số truyện ngắn này vẫn được dịch ra nhiều thứ tiếng và có người cho là còn hay hơn cả tiểu thuyết của ông. Song, vào đầu thế kỉ, cuốn tiểu thuyết đầu tiên làm Hêminguê nổi tiếng chính là *Giã từ vũ khí*. Nó không chỉ là một cuốn "Sách bán chạy", mà còn từng bị kiểm duyệt ở Bôxtơn và bị chính quyền Mutxôlini cấm khi xuất bản ở Ý. Bởi lẽ cuốn tiểu thuyết đầy thi vị về mối tình của một lứa đôi hiện đại ấy đã để lại dư vị chua xót và mỉa mai về sự lừa dối của chiến tranh, của vinh quang. Những cuốn khác như *Mặt trời vẫn mọc* (in trước cuốn *Giã từ vũ khí* 3 năm) hoặc *Chết vào lúc xế trưa* (1932), *Những ngọn đồi xanh châu Phi* (1933)... nói đến một thế giới khác hẳn, đầy hấp dẫn đối với Hêminguê : những trận đấu bò, thiên nhiên hoang dại, những cuộc săn bắn thú (chính tác giả là một tay thợ săn nổi tiếng). Tuy không trực tiếp đề cập đến chiến tranh, nhưng âm hưởng của nó vẫn là cái nền tâm trạng của một số nhà văn - trong đó có Hêminguê - những người của "Thế hệ vứt đi", "mất mát". Những từ này, theo cách diễn

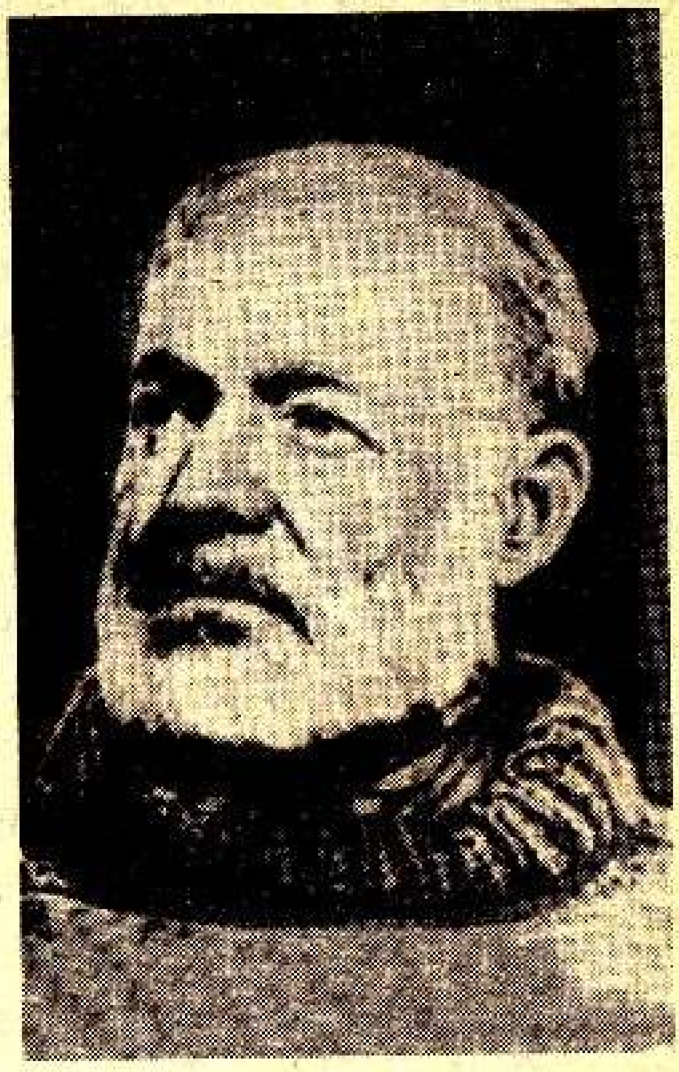

đạt của họ, nhằm chỉ một số thanh niên và trí thức, nghệ sĩ sau Đại chiến I, cảm thấy bị lạc lõng trong thời bình. Song ý nghĩa của nó không bao hàm sự tiêu cực chán nản. Ngược lại, trong tác phẩm, ta thấy những nét sau đây của "Thế hệ vứt đi" : con người buộc phải đương đầu với thất bại hoặc cái chết, con người đi tìm đất dung thân ở thiên nhiên xa lạ, phóng khoáng, ngoài nước Mĩ. Cho tới nay, *Giã từ vũ khí* vẫn là cuốn sách được tái bản, dựng kịch, dựng phim nhiều nhất của Hêminguê.

Làn sóng phát xít khiến tác phẩm của nhà văn viết về chiến tranh ấy có một âm hưởng khác. Cũng như trong cuộc Đại chiến I, lần này, ông cũng thể nghiệm bằng cả mạng sống của mình trước khi viết. Ông tham gia đội quân quốc tế chống phát xít ở Tây Ban Nha ngay từ đầu năm 1937, lại làm phóng viên mặt trận, dựng phim, viết kịch. Cuốn tiểu thuyết về cuộc chiến đấu ấy ra mắt chậm hơn : *Chuông nguyện hồn ai* (1940). Tuy đã già, khi Đại chiến II nổ ra ông vẫn rong ruổi chiếc du thuyền "Pilar" đi săn tàu ngầm phát xít, tham gia cuộc đổ bộ ở Noocmăngđi và vào Pari trước cả tướng Lơclec. Hồi tưởng lại chiến tranh, ông viết cuốn tiểu thuyết *Bên kia sông và dưới vòm cây lá* (1950). Sau tác phẩm *Ông già và biển cả* (1952), nhà văn được giải thưởng Pulitde (1953) và giải Nôben (1954). Ông vẫn sống hầu hết thời gian ở ngoài nước Mĩ, chủ yếu ở Cuba.

Một sáng chủ nhật tháng bảy năm 1961, nhà văn đã tự sát, có thể vì cảm thấy không còn đủ sức tiếp tục công việc mà ông theo đuổi suốt đời : "Viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người". Về sau, người ta được biết ông còn kí gửi 22 kg bản thảo ở thư viện Giôn Kennơđi.

NHÀ VĂN ĐỀ XƯỚNG NGUYÊN LÍ "TẢNG BĂNG TRÔI"

Hêminguê đã đưa ra một hình ảnh thể hiện yêu cầu của ông đối với tác phẩm văn chương : nó phải là một "tảng băng trôi", bảy phần chìm, chỉ một phần nổi. Hêminguê đã xuất phát từ một phản ứng đối

với thứ văn chương hoa mĩ đang thịnh hành vào đầu thế kỉ XX ở nước Mĩ. Quả là sau khi Hêminguê xuất hiện, có cả một thế hệ các nhà văn trẻ đã đổi mới lối viết, theo một phong cách giản dị, tước bỏ những trang sức. Tuy nhiên, nguyên lí "Tảng băng trôi" không chỉ là một vấn đề thời sự, mà còn thể hiện một tiêu chí giá trị đặc biệt của lối viết ở thế kỉ XX. Nó có cơ sở trong lí luận văn học Đông cũng như Tây : xưa đã nói đến "ý tại ngôn ngoại", nay người ta cũng nói đến "mạch ngầm văn bản", tính đa nghĩa hoặc rộng hơn nữa, tính đa âm của văn bản. Nó thể hiện một bước dân chủ hóa của nghệ thuật : nhà văn không trực tiếp công khai làm cái loa phát ngôn cho ý tưởng của mình, mà nói lên bằng hình tượng có nhiều sức gợi, để người đọc tự rút ra phần ẩn ý.

Hêminguê khi đã trưởng thành trong văn chương có nhấn mạnh rằng : càng ngày ông càng thiên về hướng để cho nhân vật hành động. Đó cũng là một cách để nhà văn ít xuất đầu lộ diện. Nếu có lời dẫn truyện, thì nhiều khi nó cũng bí ẩn, mập mờ (ví dụ : đoạn cuối *Hạnh phúc ngắn ngủi của Phranxix Macômbơ* hoặc *Bọn giết người*). Có truyện hoàn toàn là đối thoại (như *Thiên đường đã mất*) - đó cũng là một cách hành động của nhân vật, hoặc độc thoại nội tâm lấn át (*Tuyết trên đỉnh Kilimangiarô, Ông già và biển cả*). Nguyên lí "Tảng băng trôi" đã khiến nhà văn thiên về những kĩ thuật có khả năng hàm ẩn ý nghĩa, song như vậy không có nghĩa là nhà văn không có chủ kiến trong thái độ của mình trước hiện thực. Trong tác phẩm, thái độ ấy bộc lộ bằng những giọng nói trái ngược, khó xác định, có khi vừa trữ tình vừa mỉa mai như trong *Giã từ vũ khí*, hoặc vừa tả thực vừa biểu tượng trong *Ông già và biển cả*. Chính điều này đã khiến *Ông già và biển cả* mở rộng hàm nghĩa của nó : hành trình săn đuổi con cá lớn mà ông hằng mơ ước được đọc như một ẩn dụ về hình tượng con người đuổi theo một khát vọng lớn lao.

Vào cuối thế kỉ này, một số nhà văn đương đại, đặc biệt của châu Mĩ như Gabrien Garxia Macket, Raymơn Cavơ... vẫn xác nhận ảnh hưởng của Hêminguê, nhất là trong truyện ngắn.

tuongxua.vn

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ

TÓM TẮT TÁC PHẨM

Có một ông già thường đánh cá ở vùng Nhiệt lưu tên là Xanchiagô đã tám mươi tư ngày liền không kiếm được một con cá nào. Chú bé Manôlin, người bạn nhỏ của lão cũng không còn được bố mẹ cho đi theo thuyền của "lão già xúi quẩy" ấy nữa. Đêm ngủ, lão vẫn mơ về châu Phi thời trai trẻ, tiếng sóng gào, hương vị biển, những con tàu, đàn sư tử... Lần này được chú bé phụ giúp chuẩn bị, Xanchiagô xuống thuyền "biết rằng mình sẽ đi rất xa". Nước biển lấp lánh lân tinh, thuyền đã qua vùng mà dân chài gọi là "Giếng lớn". Lão thả mồi vào lúc trời chưa sáng hẳn, theo dòng thủy lưu, rồi theo hướng tìm mồi của một con hải bằng, lão cứ thế rong ruổi trên biển, theo đuổi những con cá chuồn, cá cháy, ngắm những đàn sứa đỏ, ngũ sắc, thương xót cho những con rùa. "Trái tim bị mổ dốc cạn tim mà vẫn đập tiếp hàng giờ". Thói quen nói to một mình có từ khi không còn thằng bé cùng đi với lão nữa. Đúng lúc định chợp mắt vì quá mệt mỏi, thì lão thấy "có chuyện"... Dần dà, con thuyền bị kéo phăng phăng ra khơi. Lão già cố gập mình níu kéo dây câu để giữ con cá lớn đã mắc mồi cho đến lúc không còn nhìn thấy đất liền. Đêm xuống, lão phải nhìn hướng sao để định hướng, và ái ngại cho con cá mà lão chưa nhìn thấy mặt, thấy như "chưa bao giờ có được con cá khỏe đến thế và xử sự kì cục như vậy". Lão nhớ lại đôi cá mạch "đẹp đẽ, thủy chung" mà lão cùng thằng bé đã theo đuổi ngày nào và "ước sao có được thằng bé ở đây với mình"... Tới rạng sáng ngày thứ hai, trong khi tìm cách cắt bớt dây câu nối vào một con cá khác vừa bị mắc mồi để bảo toàn con cá lớn kia, lão bị nó quẫy mạnh khiến ngã vập cả mặt, máu chảy đầy má. Càng ngày, sợi dây kéo càng căng thẳng đến độ muốn đứt... Một con chim gáy mỏi cánh, kiệt sức đậu xuống sợi dây câu, và lắng nghe lão chuyện trò...

Hơi đêm lại lạnh lẽo tỏa xuống, hai bàn tay lão tê bại. Con cá dần bơi chậm lại. Đột nhiên, trong khoảnh khắc, con cá nhô lên mãi, gần như bất tận : "Và, lần đầu tiên lão nhìn thấy nó dài hơn chiếc thuyền có tới sáu bảy tấc". Đó là một con cá kiếm, con cá lớn mà lão hằng mơ tưởng. Sau những cơn vật lộn mệt nhọc, lão lại mơ về đất liền, đấu bóng, chọi gà. Hai bàn tay bị dây câu cứa nát ứa máu. Vào lúc mặt trời mọc lần thứ ba ngoài khơi, lại phải đối phó với một trò chơi mới của con cá :

nó bắt đầu lượn vòng, rồi lồng lên. Cuối cùng lão phải dùng xỉa cắm phập vào con cá. "Mang cái chết trong lòng, nó tung mình lên cao trên mặt nước phô bày hết tầm vóc khổng lồ và sức mạnh và vẻ đẹp của nó". Nhưng rồi trên đường về, hết đàn cá mập này lại đến đàn khác tới rỉa hết thịt con cá chết. Và ông lão, trong những cuộc chiến đấu với cá mập đến kiệt sức vẫn nghĩ rằng "Không một ai cô đơn nơi biển cả". Vào hồi khuya đêm ấy, khi ánh đèn khách sạn ven biển đã tắt, ông "vác cột buồm trên vai..." với hai bàn tay ứa máu, vượt dốc, có lúc ngã sụp xuống, trở về lều, nằm vật ra, "hai tay dang thẳng, lòng bàn tay ngửa lên". Bên chiếc thuyền, "cái xương sống kẻ thành một đường trắng trơ trụi". Sáng hôm ấy, thằng bé chạy sang "trông thấy hai bàn tay lão và ứa nước mắt"... Nó chạy đi gọi bạn chài và chăm sóc ông lão. Trong lều, ông lão lại ngủ tiếp và "mơ về những con sư tử".

ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐÀN CÁ DỮ[1]

Lúc này lão đã tê cứng, nhức nhối và cái giá lạnh ban đêm càng làm những vết thương và tất cả những chỗ xây xát trên khắp cơ thể lão đau buốt. Mình hi vọng là sẽ không còn chạm trán với chúng, lão nghĩ. Mình rất hi vọng mình không phải chạm trán lại với bọn chúng.

uongxua.vn

Nhưng vào lúc nửa đêm lão phải chiến đấu và lần này lão biết cuộc chiến là vô vọng. Chúng kéo đến cả đàn, lão chỉ nhìn thấy những đường nước do vây chúng xẻ bơi và những vệt lân tinh khi chúng quăng mình vào con cá. Lão nện chày xuống mấy cái đầu, nghe tiếng răng bập và cảm thấy con thuyền chao đảo khi chúng luồn xuống dưới. Lão vung chày tuyệt vọng vào bất cứ chỗ nào lão có thể phỏng đoán hoặc nghe thấy, rồi lão cảm thấy có cái gì đó tóm lấy cái chày, lôi tuột đi.

Lão giật cái tay lái ra khỏi ổ lái, cứ thế mà quật mà băm, cầm cả hai tay bổ xuống liên hồi kì trận. Nhưng bây giờ thì bọn chúng lại dồn hết đến đằng mũi thuyền, lần lượt thay phiên nhau, hay cả bọn cùng xông vào xâu xé con cá, chỗ thịt chúng rứt được lấp lánh dưới nước khi chúng trở mình để lại lao vào.

Cuối cùng một con xáp tới đớp vào cái đầu cá, lão biết thế là hết. Lão vung tay lái quật ngang đầu con cá mập chỗ bộ hàm bị kẹt trong xương đầu con cá kiếm mà không thể rút ra được. Lão quật lần nữa, thêm lần nữa, rồi thêm nữa. Lão nghe tiếng cái tay lái gãy và dùng phần gãy lởm chởm lão đâm vào con cá mập. Cảm thấy đoạn tay lái cắm phập vào và biết nó sắc lão thọc sâu xuống. Con cá mập buông ra và lăn đi. Đấy là con cuối cùng của đàn cá mập đã kéo đến. Chẳng còn gì để chúng chén nữa.

Lúc này lão nặng nề thở và cảm thấy có vị là lạ trong miệng. Cái vị ngòn ngọt và có mùi tanh đồng và lão thoáng lo sợ. Nhưng mùi vị ấy không nhiều.

Lão khạc nhổ xuống đại dương rồi nói : "Đớp đi, lũ *galano*[2] kia. Và hãy tưởng tượng rằng bọn mày đã giết chết được một con người".

Lão biết mình giờ đây đã bại trận hoàn toàn, không thể nào cứu vãn nổi, lão quay lại đằng lái và tìm đoạn tay lái gãy lởm chởm còn đủ dài để lắp vào ổ lái và đưa thuyền vào bờ[3]. Lão khoác cái bao qua vai rồi lái thuyền theo hướng cũ. Bây giờ, tay lái lão nhẹ bẫng và lão chẳng còn nghĩ hay thoáng chút vương vấn gì nữa. Lúc này lão quên hết mọi chuyện và chỉ tập trung đưa con thuyền vào bến khéo léo và an toàn. Trong đêm, đàn cá mập kéo đến gặm bộ xương như kiểu ai đó nhặt những mẩu bánh vụn trên bàn. Ông lão chẳng còn buồn bận tâm đến chúng và cũng không để ý đến bất cứ chuyện gì ngoài việc lái thuyền. Lão chỉ còn nhận thấy giờ đây thuyền lái mới nhẹ và ngon làm sao khi không còn đeo gánh nặng bên mình.

Con thuyền vẫn còn tốt, lão nghĩ. Nó cũng chắc và chẳng hư hại gì ngoài cái tay lái. Cái đó thì dễ thay.

Lão có thể cảm thấy giờ thì lão đã vào giữa dòng chảy và lão trông thấy ánh đèn trên những bãi biển dọc bờ. Lão biết bây giờ lão đang ở đâu và lối về thì chẳng còn là vấn đề gì nữa.

Ngẫm cho cùng thì gió là bạn của ta, lão nghĩ. Rồi lão nghĩ tiếp, chỉ đôi khi. Và cả đại dương bao la với những người bạn lẫn kẻ thù của ta. Và cái giường nữa, lão nghĩ. Giường là bạn của ta. Chỉ có

thuongmaitr

giường thôi, lão nghĩ. Cái giường hẳn là vật trọng đại. Đơn giản làm sao khi mày bị đánh bại, lão nghĩ. Ta chưa hề hình dung chuyện ấy lại đơn giản đến thế. Cái gì làm mày thất bại, lão nghĩ.

"Chẳng gì cả", lão nói lớn. "Ta đã đi quá xa".

LÊ HUY BẮC dịch

(*Tác phẩm Ernest Hemingway*.

NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)

Chú thích

(1) Đoạn trích này được sửa chữa sau khi dịch giả đã in sách. Đầu đề do người biên soạn đặt. Đoạn trích này nằm ở phần cuối tác phẩm *Ông già và biển cả*, mô tả trận đánh nhau cuối cùng với cá mập trước khi ông lão lên bờ. (2) *Galano* : tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản. Trong ngữ cảnh của người Cuba, tiếng này dùng để chỉ con vật loang lổ. (3) Lưu ý đến lối hay lặp từ, lối thiên về dùng liên từ *và* để nối các mệnh đề của Hêminguê.

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Chứng minh nghệ thuật tương phản (nhân vật - đàn cá). Nó có tác dụng như thế nào ?

2. Tìm những chi tiết chứng tỏ rằng "cuộc chiến vô vọng" này hoàn toàn được cảm nhận từ phía nhân vật :

a) Chứng minh rằng nó được cảm nhận bằng tất cả các giác quan của nhân vật.

Chi tiết nào về thị giác, thính giác và xúc giác chứng tỏ sự khó khăn của cuộc chiến đấu ?

b) Cách miêu tả ấy cho ta thấy hình ảnh của ông lão trong cuộc chiến ra sao ? Qua đây, anh (chị) hiểu về nguyên lí "Tảng băng trôi" của nhà văn như thế nào ? (Lưu ý : Ở đây có xuất hiện những lời bình luận của nhà văn trực tiếp nói về nhân vật hay không ?)

3. Ở đoạn cuối, trong ý nghĩ, ông lão nhắc lại nhiều lần chữ "đơn giản". (Chữ này cũng có thể dịch là "thoải mái", "dễ ợt"). Trong khi đó, có người gọi đây là một "thiên anh hùng ca về con người". Lối thể hiện giản dị, thoải mái có hợp với "anh hùng ca" không ?

Tập trung vào đoạn cuối để chứng minh rằng lời độc thoại giản dị có thể nâng cao tầm vóc người anh hùng.

– Từ ngữ ở đoạn cuối có nét gì chứng tỏ sự thất bại đã ám ảnh ý nghĩ của ông lão như bất kì một con người bình thường nào ?

– Một người thấy rằng mình "thất bại" vì "đã đi quá xa" (theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) có phải là một người tầm thường không ?

ĐỌC THÊM

ÔNG LÃO VÀ CHÚ BÉ[1]

Thằng bé mang lon cà phê nóng lên lều ông lão và ngồi xuống bên cạnh cho đến khi lão thức giấc. Có lúc, trông ông lão như thể sắp tỉnh dậy. Nhưng lão lại chìm vào giấc ngủ vùi còn thằng bé thì đi qua đường hỏi mượn ít củi về hâm nóng cà phê.

Rốt cuộc thì lão cũng thức giấc.

"Ông khoan ngồi dậy", thằng bé nói. "Uống cái này đi". Nó rót một ít cà phê ra li.

Ông lão cầm lấy rồi uống.

"Chúng đánh bại ông, Manôlin à", lão nói. "Chúng thật sự đã đánh bại ông".

"*Gã đó* không đánh bại được ông. Kể cả con cá".

"Đúng. Thật thế. Nhưng sau đó".

"Anh Pêđricô đang trông thuyền và dụng cụ. Ông định làm gì với cái đầu cá kia ?"

"Để Pêđricô chẻ ra bẫy cá".

"Thế còn lưỡi kiếm ?"[2]

"Nếu cháu thích thì giữ lấy".

"Cháu thích lưỡi kiếm", thằng bé nói. "Bây giờ ông cháu ta phải lên kế hoạch về những việc khác".

"Họ có tìm ông không ?"

"Dĩ nhiên. Cả thuyền tuần tra bờ biển lẫn máy bay".

"Đại dương vô cùng vô tận thuyền câu thì quá nhỏ và khó nhìn thấy", ông lão nói. Lão nhận thấy được nói chuyện với ai đó thì dễ chịu hơn phải tự nói với chính bản thân mình hay với biển cả. "Ông nhớ cháu", lão nói. "Cháu bắt được mấy con ?"

"Hôm đầu được một con. Hôm thứ hai được một và hôm thứ ba được hai".

"Giỏi lắm".

"Bây giờ ông cháu ta lại cùng đi câu".

"Đừng. Ông không gặp may mắn. Ông chẳng còn may chút nào".

"Vứt quách cái chuyện may rủi ấy đi", thằng bé nói. "Cháu sẽ mang vận may của cháu theo".

uongxua.vn

"Gia đình cháu sẽ nói gì ?"

"Cháu không quan tâm. Hôm qua cháu bắt được hai con. Nhưng bây giờ ông cháu ta sẽ đi câu cùng nhau bởi cháu còn phải học hỏi nhiều điều".

"Ta phải làm một ngọn lao đâm cá thật tốt và luôn mang theo trên thuyền. Cháu nên cắt một lưỡi dao từ lá thép giảm sóc của chiếc xe Phord cũ. Chúng ta có thể mài nó ở Guanabacoa. Phải sắc chứ đừng mang nung lửa kẻo nó gãy. Dao của ông đã gãy".

"Cháu sẽ làm con dao khác và mang đi mài. Chẳng biết đợt *brisa*[3] lớn này sẽ kéo dài mất mấy ngày ?"

"Có lẽ ba hôm. Có lẽ lâu hơn đấy".

"Cháu sẽ chuẩn bị sẵn sàng đủ mọi thứ", thằng bé nói. "Ông nhớ chăm sóc hai bàn tay cho lành".

"Ông biết cách chữa trị. Hồi đêm ông khạc ra cái gì đó thật lạ và cảm thấy cái gì đó trong ngực bị vỡ".

"Cũng để cái đó bình phục luôn", thằng bé nói. "Ông hãy nằm nghỉ đi, ông ạ ; cháu sẽ mang chiếc sơ mi sạch của ông đến cho ông. Thêm cái gì đó để ăn".

"Nhớ mang bất cứ tờ báo nào trong khoảng thời gian ông đi vắng đến nhé", ông lão dặn.

"Ông phải khỏe lại thật nhanh vì còn nhiều thứ cháu cần phải học và ông có thể dạy cháu mọi điều. Chắc ông đã chịu đựng quá nhiều ?"

"Nhiều lắm", ông lão đáp.

"Cháu sẽ mang thức ăn và báo đến", thằng bé nói. "Ông cứ nghỉ cho lại sức. Cháu sẽ mua thuốc chữa tay từ hiệu thuốc nữa".

"Đừng quên bảo Pêđricô cái đầu cá ông cho anh ấy đấy".

"Vâng. Cháu nhớ".

Khi thằng bé ra khỏi cửa, đi xuống con đường rải đá san hô vụn, nó lại khóc.

Chiều hôm ấy có đoàn du khách ở Terrace và khi nhìn xuống khoảng nước ngổn ngang lon bia rỗng và xác cá nhồng, một người phụ nữ trông thấy bộ xương sống dài trắng phau cực lớn với chiếc đuôi đồ sộ dính đằng cuối dâng lên và đung đưa theo thủy triều, trong lúc gió đông đang thổi vào vùng biển động dữ dội không ngừng phía ngoài cảng.

"Cái gì kia ?" bà ta hỏi anh bồi và đưa tay chỉ chiếc xương sống dài của con cá khổng lồ bây giờ chỉ là đồ rác thải đang đợi thủy triều cuốn đi.

"*Tiburon*"[4], anh bồi đáp "Eshark"[5]. Anh ta hàm ý giải thích chuyện gì đã xảy ra.

"Tôi không ngờ cá mập lại đẹp như thế, dáng đuôi thật duyên dáng".

"Anh cũng thế", bạn trai của bà ta nói.

Phía trên đường, trong căn lều, ông lão lại ngủ. Lão vẫn nằm úp mặt ngủ ; thằng bé ngồi bên cạnh nhìn lão. Ông lão đang mơ về những con sư tử.

LÊ HUY BẮC dịch

(*Tác phẩm Ernest Hemingway*.

NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)

Chú thích

(1) Đầu đề là do người biên soạn đặt. (2) Khi vào bờ, con cá bị rỉa hết thịt được miêu tả qua cái nhìn của ông lão : "Lão dừng lại nghỉ một lát, ngoái nhìn và thấy ánh đèn đường phản chiếu lên cái đuôi to kềnh của con cá đang dựng thẳng đứng đằng sau đuôi thuyền. Lão thấy cái vạch màu trắng trần trụi của cái xương sống và cái khối đầu đen ngòm với lưỡi kiếm nhô lên giữa các thứ đó là cả một khoảng trống". Chính vì lưỡi kiếm ở mõm mà con cá này được gọi là "cá kiếm". (3) *Brisa* : tên một loại gió. (4) *Tiburon* là từ tiếng Tây Ban Nha, tên một thứ cá mập ; trong nguyên bản không dùng tiếng Anh mà dùng tiếng Tây Ban Nha. Khi dịch, người ta vẫn giữ nguyên tiếng Tây Ban Nha để thể hiện một nét trong phong cách viết của Hêminguê, tuy có nhà nghiên cứu cho rằng tiếng Tây Ban Nha của Hêminguê không phải lúc nào cũng chính xác. (5) *Eshark* (có thể phát âm : *e - sác*) : người hầu bàn phát âm sai chữ *shark* tiếng Anh (có nghĩa là cá mập).

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Trong tác phẩm Hêminguê, tác giả thường thể hiện con người ở giây phút thất bại, tuy nhiên phần chìm của văn bản lại gợi lên một âm hưởng ngược lại. Trong đoạn trích này, âm hưởng ấy được gợi lên nhờ những chi tiết nào ?

2. Người ta cho rằng, trong khi miêu tả rất thực lần đánh cá cuối cùng của một ông lão ngư dân, Hêminguê đã viết lên những biểu tượng và bởi vậy, ***Ông già và biển cả*** *giống như một ẩn dụ về con người hoặc như một di chúc của nhà văn Hêminguê - người suốt đời lao động sáng tạo, đuổi theo cái Đẹp.*

- Phân tích ý nghĩa biểu tượng mà ta có thể tìm thấy qua : ông lão, đàn cá mập, chú bé, hình ảnh con cá kiếm khi đã được mang lên bờ, những con người ở khách sạn Terrace, biển cả.

- Thử phát biểu lời "di chúc" của Hêminguê qua đoạn văn này.

BÀI 6

SÔLÔKHÔP

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

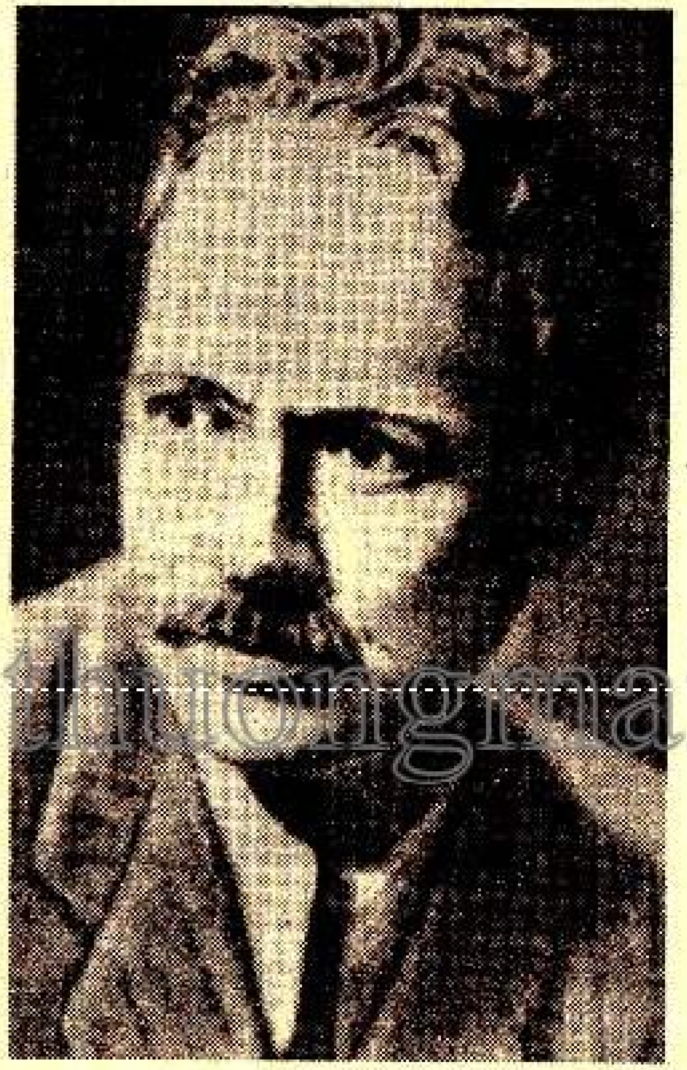

Mikhain Sôlôkhôp (1905 - 1984) sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở trấn Vioxenxkaia, một địa phương ở vùng thảo nguyên sông Đông, thuộc tỉnh Rôxtôp của Liên Xô.

Sôlôkhôp học tiểu học ở trường làng, có lên Matxcơva học vài ba năm rồi lại trở về quê. Nội chiến bùng nổ, nghỉ học, sớm tham gia công tác cách mạng : thanh toán nạn mù chữ, thư kí ủy ban xã, đấu tranh vũ trang, trưng thu lương thực của bọn "culăc" (tức là phú nông phản động), tham gia tiễu phỉ... "Tôi đã làm công tác lương thực trong một thời gian dài. Chúng tôi - Sôlôkhôp viết trong *Tự truyện* - rượt đuổi những toán phỉ hoành hành ở vùng sông Đông cho tới 1922, các toán phỉ ấy cũng rượt đuổi chúng tôi...". Thời gian này Sôlôkhôp đã ham mê làm "văn nghệ" : tham gia đội kịch nghiệp dư của xã, viết truyện và kí... Một số tác phẩm được gửi đăng các báo văn học ở Matxcơva nhưng không thấy trả lời. Năm 1923, Sôlôkhôp quyết tâm lên thủ đô để "bắt liên lạc". Ở đây ông đã làm đủ mọi nghề : lao công, khuân vác, kế toán, thợ xây... để sinh sống và để thực hiện "giấc mơ viết văn". Ngoài giờ làm việc ông đến tòa soạn báo *Thanh niên*, tham gia sinh hoạt nhóm văn học *Đội cận vệ*

trẻ và say mê sáng tác. Ở Matxcơva, Sôlôkhôp đăng được dăm ba tác phẩm, nhưng chính ở đây, ông cảm thấy "thiếu quê hương".

Năm 1925, Sôlôkhôp lại trở về vùng sông Đông, bắt tay viết *Sông Đông êm đềm*. Năm 1926, tập truyện đầu tay *Những truyện ngắn sông Đông* được xuất bản ở Matxcơva. Ít lâu sau, lại một tập thơ nữa. Cuối năm 1927, quyển I *Sông Đông êm đềm* được viết xong và năm 1928 được công bố - toàn bộ tiểu thuyết thì đến năm 1940 mới hoàn thành với tập IV. Ngay từ quyển I, tầm vóc thiên tài của Sôlôkhôp - thời bấy giờ đang còn rất trẻ - đã làm cho công chúng và giới văn học sửng sốt. Nhà văn lão thành Alêcxanđrơ Sêraphimôvich chào mừng sự xuất hiện của tác giả trẻ lỗi lạc với một tấm lòng cảm phục : "Con đại bàng non mỏ vàng bất chợt vẫy lên đôi cánh mênh mang". Để viết tác phẩm này, Sôlôkhôp đã đến các viện bảo tàng, phòng lưu trữ đọc các loại báo và tư liệu cũ với tác phong nghiêm túc và cần mẫn của một nhà sử học. Bộ tiểu thuyết - sử thi thể hiện một trình độ kiến thức uyên thâm. Không phải ngẫu nhiên sau này tác giả được bầu làm viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Liên Xô (1939). Cũng như Gorki, học vấn của Sôlôkhôp được bồi bổ qua một quá trình tự học bền bỉ và lâu dài. "Trong mọi thời gian - Sôlôkhôp viết trong *Tự truyện* - tôi đều cố gắng tự học".

uongxua.vn

Sông Đông êm đềm là một bộ tiểu thuyết sử thi đồ sộ (có thể đem sánh với *Chiến tranh và hòa bình*), dựng được bức tranh sinh động về cuộc sống của những người nông dân Côdăc vùng sông Đông cùng những biến động xã hội và đấu tranh giai cấp quyết liệt diễn ra ở vùng này trong những năm nội chiến sau Cách mạng tháng Mười (tổ tiên của dân Côdăc là những nông nô Nga bỏ trốn đến lập nghiệp ở vùng này từ những thế kỉ trước, họ có những lối sống và tập quán rất riêng). Tác giả đưa vào bộ sử thi một số lượng đông đảo nhân vật từ những người nông dân nghèo một lòng gắn bó với chính quyền cách mạng đến bọn phú nông gian ác chống phá cách mạng, từ những người cộng sản kiên cường đến bọn sĩ quan Bạch vệ liều lĩnh, tàn bạo, từ những chàng trai Côdăc bộc trực, quả cảm đến những phụ nữ Côdăc gan dạ, yêu thương say đắm... Trong bộ sử thi, những xung đột cá nhân, gia đình gắn với những xung đột xã hội - lịch sử, những

bi kịch cá nhân diễn ra rùng rợn, đôi khi tàn nhẫn đến khốc liệt, đồng thời lực và thế của quần chúng cách mạng được thể hiện lớn lao, áp đảo, cuối cùng vẫn khẳng định tinh thần lạc quan, khẳng định niềm tin vào chiến thắng của sự sống và cái mới.

Năm 1965, tác giả *Sông Đông êm đềm* được tặng giải thưởng Nôben về văn học.

Tập I tiểu thuyết *Đất vỡ hoang* ra đời năm 1932, tập II mãi đến năm 1959 mới hoàn thành. Cơ sở của cốt truyện tác phẩm là những hoạt động của nhân vật trung tâm - Đavưđôp - một đảng viên cộng sản được cử về một địa phương vùng sông Đông để tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Với một bút pháp điêu luyện chuyển đổi nhiều giọng điệu : hóm hỉnh, thống thiết, vô tư, hào hùng... tác giả đã miêu tả tài tình những biến động hết sức phức tạp trong tâm lí cũng như trong sinh hoạt nông thôn thời kì này. *Đất vỡ hoang* cũng nói đến những sai lầm "tả khuynh" trong việc thực hiện chính sách tập thể hóa nông nghiệp.

thuongmait

Trong thời kì chiến tranh Vệ quốc (1941 - 1945), với tư cách phóng viên chiến tranh, Sôlôkhôp khoác áo lính xông pha trên nhiều mặt trận. Nhiều bài kí, chính luận, truyện ngắn nổi tiếng của ông được viết ngay trong hầm trú ẩn nơi tiền tuyến. Trong những năm 1943, 1944 một số chương của cuốn tiểu thuyết *Họ chiến đấu vì Tổ quốc* được đăng trên báo *Sự thật*. Sự hòa hợp tính cách anh hùng và tính cách hài hước là một nét đặc sắc của nghệ thuật xây dựng những nhân vật chiến sĩ Hồng quân trong tác phẩm này. *Họ chiến đấu vì Tổ quốc* là một tác phẩm không được hoàn thành.

Truyện *Số phận con người* (1956) là một trong những thành tựu sáng tác xuất sắc của Sôlôkhôp những năm sau chiến tranh.

Sôlôkhôp mất ngày 21-2-1984. Những tác phẩm và tên tuổi của ông làm rạng rỡ nền văn học Xô viết. Và ngày nay, nói đến những kiệt tác bất hủ của văn học thế giới, không thể không kể đến *Sông Đông êm đềm* của Sôlôkhôp.

SỐ PHẬN CON NGƯỜI

Truyện này gồm phần mở đầu, phần kết thúc và ba chương. Chương I là tiểu sử của Xôcôlôp từ những năm trai trẻ đến thời gian chiến tranh Vệ quốc bắt đầu. Những năm nội chiến, anh tham gia Hồng quân. Năm đói 1922, cả nhà chết đói, chỉ mình anh đi làm thuê cho culăc nên sống sót. Xôcôlôp làm nghề mộc, nghề nguội, rồi lấy vợ, dần dần xây dựng được một gia đình hạnh phúc, có nhà cửa, vợ hiền và ba con. Chương II : chiến tranh bùng nổ, Xôcôlôp từ giã vợ con ra mặt trận. Anh bị phát xít bắt làm tù binh, phải chịu đựng bao sự tra tấn, hành hạ dã man của kẻ thù. Cuối cùng, Xôcôlôp chạy trốn khỏi trại tù, trở về với Hồng quân. Về đơn vị được ít lâu thì anh nhận được tin đau đớn : một trái bom của máy bay phát xít đã chôn vùi ngôi nhà cùng với vợ và hai con gái của anh. Chương III : một hi vọng mới sưởi ấm tâm hồn giá lạnh của Xôcôlôp ; anh nhận được thư của người con trai lớn nay đã là một đại úy pháo binh. Khi chiến tranh sắp kết thúc, tiến quân gần đến Berlin, anh nhận được tin con trai báo cho biết cũng đang tiến về Berlin. Xôcôlôp chờ đợi giờ phút bố con gặp nhau. Và anh đã được gọi đến để nhìn mặt con lần cuối cùng, con trai anh bị tử trận đúng vào ngày mồng chín tháng năm, ngày chiến thắng. Trích đoạn sau đây là chương III và một phần kết của truyện.

tuongxua.vn

*

* *

... Tôi đã chôn trên đất người, đất Đức, niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng của tôi ; đại đội pháo đã nổ súng vĩnh biệt tiễn người chỉ huy của họ tới nơi an nghỉ cuối cùng ; trong người tôi như có cái gì đó vỡ tung ra... Tôi trở về đơn vị mình như người mất hồn. Nhưng chả mấy chốc tôi được giải ngũ. Về đâu bây giờ ? Chả nhẽ lại về Vôrônegiơ[1] ? Không được ! Tôi chợt nhớ tới Uriupinxcơ, ở đó tôi có một người bạn, giải ngũ hồi mùa đông vì bị thương, - có lần anh ấy mời tôi về nhà, tôi nhớ ra và tìm đến Uriupinxcơ.

Hai vợ chồng bạn tôi không có con, sống trong một ngôi nhà riêng nho nhỏ ở rìa thành phố. Mặc dù được hưởng phụ cấp thương binh, nhưng anh bạn tôi vẫn làm lái xe cho một đội vận tải, tôi cũng đến xin làm ở đó. Tôi ở nhà bạn, họ thu xếp cho tôi chốn nương thân.

Chúng tôi chở các thứ hàng hóa về các huyện, và mùa thu thì chuyển sang chở lúa mì. Chính vào hồi ấy tôi gặp chú con trai mới của tôi, đấy chú bé đang nghịch cát đấy.

Thường cứ chạy xe xong trở về thành phố, việc đầu tiên, cũng dễ hiểu thôi, là tôi lại vào hiệu giải khát, nhấm nháp chút gì đó và tất nhiên có uống một li rượu lử người. Phải nói rằng tôi đã quá say mê cái món nguy hại ấy... Thế rồi một hôm, tôi thấy chú bé ấy ở gần cửa hàng giải khát, hôm sau vẫn lại thấy - thằng bé rách bươm xơ mướp. Mặt mũi thì bê bết nước dưa hấu, lem luốc, bụi bặm, bẩn như ma lem, đầu tóc rối bù, nhưng cặp mắt - cứ như những ngôi sao sáng ngời sau trận mưa đêm. Tôi thích nó và lạ thật, thích đến nỗi bắt đầu thấy nhớ nó. Nó ăn ngay ở hiệu giải khát, ai cho gì ăn nấy.

Sang ngày thứ tư, tôi chở lúa mì từ nông trường, ghé lại hiệu giải khát. Chú bé của tôi ngồi ở bậc thềm, hai bàn chân nhỏ xíu đung đưa, và nom có vẻ như đang đói. Tôi thò đầu ra ngoài cửa buồng lái hét gọi : "Ê, Vania ! Lên ôtô đi, nhanh lên, chú đưa đến kho thóc rồi trở về đây ăn trưa". Nghe tiếng hét gọi của tôi, nó giật nảy mình, nhảy khỏi thềm, leo lên bậc xe hỏi nhỏ : "Sao chú lại biết tên cháu là Vania ?". Và đôi mắt nhỏ của nó mở to ra chờ tôi trả lời. Còn tôi thì bảo nó rằng tôi là người từng trải, cái gì cũng biết.

thuongmaitu

Nó bước sang bên phải xe, tôi mở cửa đặt nó ngồi bên cạnh mình và cho xe chạy. Thằng bé hoạt bát đến thế mà bỗng nhiên không biết vì sao lại lặng thinh, tư lự, chốc chốc nhìn tôi dưới đôi hàng mi dài cong vút, và lại thở dài. Đấy đâu phải việc của nó ? Tôi hỏi : "Bố cháu đâu, hả Vania ?". Nó rỉ tai "Chết ở mặt trận". – "Thế mẹ cháu ?" – "Mẹ bị bom chết trên tàu hỏa khi mẹ con cháu đang đi tàu". – "Thế cháu từ đâu đến ?" – "Cháu không biết, không nhớ..." – "Thế ở đây cháu không có ai là bà con thân thuộc à ?" – "Không có ai cả". – "Thế đêm cháu ngủ ở đâu ?" – "Bạ đâu ngủ đó".

Những giọt nước mắt nóng hổi sôi lên ở mắt tôi, và lập tức tôi quyết định : "Không thể để cho mình với nó chìm nghỉm riêng rẽ được ! Mình sẽ nhận nó làm con". Ngay lúc ấy tâm hồn tôi bỗng nhẹ nhõm và bừng sáng lên. Tôi cúi xuống bên nó khẽ hỏi : "Vaniuska[2], có biết ta là ai không nào ?". Nó hỏi lại nghẹn ngào : "Thế chú là ai ?". Tôi nói lại cũng khẽ như thế : "Là bố của con !".

Trời ơi, thật không thể tưởng tượng được. Nó nhảy chồm lên cổ tôi, hôn vào má, vào môi, vào trán và như con chim chích, nó ríu rít líu lo vang rộn cả buồng lái : "Bố yêu của con ơi ! Con biết mà ! Con biết thế nào bố cũng tìm thấy con mà ! Thế nào cũng tìm thấy mà ! Con chờ mãi mong được gặp bố !". Nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió. Còn mắt tôi thì mờ đi, cả người cũng run lên, hai bàn tay lẩy bẩy... Thế mà tôi vẫn không bị mất tay lái thì cũng kì lạ thật. Nhưng rồi xe cũng lảo đảo đâm xuống rãnh, tôi tắt máy. Giữa lúc mắt còn mờ đi như vậy, tôi không dám chạy tiếp, sợ đâm phải người. Tôi dừng xe chừng dăm phút, còn chú bé con trai của tôi cứ ghì chặt lấy tôi lặng im, run rẩy. Tay phải tôi quàng sang ôm lấy nó, khẽ áp nó vào người, còn tay trái tôi mở máy quay trở lại về nhà mình. Đến kho thóc làm gì nữa, khi mà tôi không còn bụng dạ nào để đi đến đó.

Tôi để xe ở cạnh cổng, bế con trai mới của tôi vào nhà. Còn nó thì hai tay bé bỏng cứ ôm chặt lấy cổ tôi, vào đến nơi cũng không chịu buông ra. Nó áp chặt má vào cái má lởm chởm chưa cạo của tôi, cứ như là dán vào đó. Tôi cứ thế bế vào. May quá, cả hai vợ chồng nhà chủ đều đang ở nhà. Tôi bước vào, nháy mắt ra hiệu cho cả hai người rồi nói một cách phấn khởi : "Đây tôi tìm được cháu Vaniuska của tôi rồi ! Hai bác là người tốt bụng cho chúng tôi ở nhờ nhé !". Cả hai, những người không có con, lập tức hiểu ngay câu chuyện, cứ lăng xăng tíu tít. Còn tôi thì không làm sao dứt khỏi chú con trai. Cuối cùng, rồi cũng dỗ được nó. Tôi lấy xà phòng rửa tay cho nó rồi đặt nó ngồi vào bàn ăn. Bà chủ múc xúp bắp cải vào đĩa cho nó, rồi đứng nhìn nó ăn ngấu nghiến mà nước mắt ròng ròng. Bà đứng cạnh lò sưởi lấy tạp dề che mặt khóc. Bé Vaniuska của tôi thấy bác ấy khóc bèn chạy lại níu lấy vạt áo và nói : "Cô ơi, sao cô lại khóc ? Bố cháu tìm thấy cháu ở gần hiệu giải khát, mọi người phải vui mừng chứ, sao cô lại khóc ?". Chao ơi, nghe nói thế, bác ta lại càng đầm đìa nước mắt, càng khóc sướt mướt.

Sau bữa ăn trưa, tôi đưa nó tới hiệu cắt tóc rồi về nhà đặt ngồi vào chậu giặt, tắm rửa xong rồi đặt nó vào tấm khăn trải giường sạch sẽ. Nó ôm lấy tôi và cứ thế ngủ thiếp đi. Tôi cẩn thận đặt nó lên

giường, rồi cho xe chạy tới kho thóc, dỡ lúa mì xuống, đem xe về trạm để đó - chạy ra cửa hàng tạp hóa. Tôi mua cho nó một cái quần dạ, một sơ mi, đôi dép và một cái mũ lưỡi trai bằng sợi. Tất nhiên là tất cả mọi thứ đều không vừa và chất lượng cũng kém. Về cái quần dạ thì bà chủ đã quở tôi : "Bác điên hay sao, trời nóng thế này mà mặc quần dạ cho con !". Và lập tức chiếc máy khâu được đặt lên bàn ; rương hòm được lục tung lên. Một giờ sau Vaniuska của tôi đã có một chiếc quần đùi sa tanh và một sơ mi trắng cộc tay. Tôi ngủ chung với nó, và lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm tôi được ngủ một giấc yên lành. Nhưng trong đêm cũng phải dậy đến vài bốn bận. Tôi thức giấc, thấy nó rúc vào nách tôi như con chim sẻ dưới mái rạ, ngáy khe khẽ, tôi thấy lòng vui không lời nào tả xiết ! Tôi không dám trở mình để nó khỏi thức giấc, nhưng rồi không nén được, tôi nhẹ nhàng ngồi dậy đánh diêm nhìn nó ngủ...

Tôi thức giấc trước khi trời sáng, không hiểu vì sao mà lại khó thở thế. Hóa ra chú con trai của tôi đã đạp tung khăn trải giường, bò lên nằm vắt ngang trên người tôi, xoạc chân ra, bàn chân bé nhỏ đè lên cổ họng tôi. Ngủ với nó thật không yên, nhưng quen hơi, không có nó thì buồn. Đêm đêm khi thì nhìn nó ngủ, khi thì thơm mớ tóc xù của nó, trái tim tôi đã suy kiệt, đã bị chai sạn vì đau khổ, nay trở nên êm dịu hơn...

Thời gian đầu, nó còn theo tôi trong các chuyến xe, nhưng rồi tôi hiểu ra rằng như thế không có lợi. Chỉ một mình tôi thì cần gì đâu ? Một mẩu bánh mì, một củ hành với tí muối, thế là đủ no cho một ngày của đời lính. Nhưng thêm nó thì khác : khi thì phải mua sữa cho nó, khi thì phải luộc quả trứng, không có thức ăn nóng cho nó là không xong. Nhưng công việc thì cần gấp, tôi kiên quyết để nó ở nhà cho bà chủ chăm nom, nhưng nó cứ khóc suốt từ sáng cho đến tối, chiều tối ra kho thóc tìm tôi. Nó thường đợi tôi ở đó đến khuya.

Ban đầu thì thật là vất vả với nó. Có hôm trời còn sáng, hai bố con đã đi nằm ngủ - ban ngày tôi làm việc mệt lử người - còn nó lúc thì cứ luôn luôn ríu rít như chim sẻ, có lúc không hiểu sao lại tự nhiên im lặng. Tôi hỏi : "Con trai bố nghĩ gì đấy ?". Nó hỏi lại, mắt nhìn lên trần : "Bố ơi, cái áo bành tô bằng da của bố đâu rồi ?". Cả

đời, có bao giờ tôi có áo bành tô da nào đâu ! Tôi đành phải nói quanh : "Bố để lại Vôrônegiơ rồi !" – tôi bảo nó. "Thế tại sao bố lại tìm con lâu thế ?". Tôi đáp : "Bố tìm con ở bên Đức, bên Ba Lan, và đi bộ, đi xe, tìm khắp cả Bêlôrutxia, mà con thì lại ở Uriupinxcơ" – "Thế Uriupinxcơ có gần nước Đức không hả bố ? Thế Ba Lan có cách xa nhà ta lắm không ?". Đấy, hai bố con cứ nói chuyện huyên thuyên như thế cho đến khi ngủ thiếp đi.

Anh bạn ạ, không phải là vô cớ mà nó dò hỏi về cái áo bành tô da đâu. Không, hoàn toàn không đơn giản. Tức là ông bố đẻ của nó đã có thời mặc áo bành tô da, và nó chợt nhớ lại. Đấy, trí nhớ trẻ con cứ như quầng sáng mùa hạ, soi sáng tất cả trong chốc lát rồi vụt tắt. Trí nhớ của chú bé ấy cũng vậy, như quầng sáng, cứ chợt lóe lên như thế.

Cũng có thể là tôi và cháu bé còn ở Uriupinxcơ chừng hơn một năm nữa, nếu như hồi tháng mười một không bị chuyện rủi ro. Hôm ấy tôi lái xe đường lầy, đến một thôn nọ thì xe bị trượt, vừa lúc đó có một con bò quay lại, xe tôi chạm phải chân nó. Thế là như ta biết đấy, các bà gào thét ầm lên, người ta xúm lại, anh kiểm soát xe hơi lập tức đến ngay. Anh ta thu hồi bằng lái xe của tôi mặc dù tôi đã hết sức van nài mong anh rộng lượng tha thứ. Con bò đứng dậy ve vẩy đuôi rồi chạy vào ngõ hẻm, còn tôi thì bị tước bằng lái. Mùa đông, tôi làm thợ mộc, rồi thư từ với một người bạn trước kia ở cùng đơn vị. Anh ta ở cùng một tỉnh với anh đấy, ở huyện Kasarư, làm nghề lái xe hơi - anh ấy mời tôi đến nhà anh ấy. Anh ấy viết thư bảo rằng đến đó tôi sẽ làm ở bộ phận thợ mộc chừng nửa năm, rồi ở tỉnh họ cấp bằng lái xe mới cho tôi. Thế là tôi và cháu bé cùng đi bộ tới Kasarư.

Mà nói thực với anh, nếu không xảy ra chuyện lôi thôi với con bò thì rồi tôi cũng vẫn rời Uriupinxcơ. Nỗi đau buồn không cho tôi ở lại lâu mãi một chỗ được. Có lẽ phải đến khi nào cháu Vaniuska lớn lên, buộc lòng phải gửi cháu vào một trường học ổn định thì may ra lúc ấy, nguôi bớt nỗi buồn, tôi mới có thể ở yên một chỗ. Còn bây giờ thì hai bố con cứ cuốc bộ khắp nước Nga.

– Cháu bé đi vất vả lắm nhỉ ? – Tôi hỏi.

– Cháu đi bộ ít thôi, phần lớn thời gian tôi cõng cháu. Tôi để nó ngồi lên vai và cứ thế đi, nếu muốn vận động cho dãn gân cốt thì nó lại tụt xuống chạy tung tăng bên đường như con dê con. Anh bạn ạ, tất cả những điều ấy cũng chẳng sao, miễn là bố con chúng tôi sống được : nhưng mà quả tim của tôi đã rệu rã lắm rồi, nó phải thay pít tông thôi... Có khi tự nhiên nó nhói lên, thắt lại, vào giữa ban ngày mà tối tăm mặt mũi. Tôi chỉ sợ lúc nào đó đang ngủ mà tôi chết luôn làm cho con trai tôi phải khiếp sợ. Lại còn thêm một nỗi khổ tâm này nữa : hầu như đêm nào tôi cũng chiêm bao thấy những người thân đã quá cố. Và lúc nào cũng thế, tôi ở bên này, sau hàng rào dây thép gai, còn vợ con thì tự do ở bên kia... Tôi nói đủ chuyện với Irina(3), với các con nhưng chỉ vừa mới toan lấy tay đẩy dây thép gai ra, thì vợ con lại rời bỏ tôi, cứ như là vụt tan biến mất... Và đây là một điều rất kì lạ : ban ngày bao giờ tôi cũng trấn tĩnh được, không hở ra một tiếng thở dài, một lời than vãn, nhưng ban đêm thức giấc thì gối đẫm nước mắt...

Trong rừng đã nghe tiếng đồng chí của tôi gọi, tiếng mái chèo vỗ nước.

thuongmaitr

Người khách lạ nhưng đã trở thành thân thiết đối với tôi đứng dậy, đưa bàn tay to bè, cứng rắn như là gỗ :

– Tạm biệt anh bạn, chúc anh may mắn.

– Chúc anh đến Kasarư may mắn.

– Cảm ơn anh. Này con, sang đò đi.

Chú bé chạy tới, đứng ở bên phải bố, túm lấy vạt áo bông của bố, chạy lon ton cho kịp bước sải dài của người lớn.

Hai con người côi cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng của bão tố chiến tranh thổi bạt tới những miền xa lạ... Cái gì đang chờ đón họ ở phía trước ? Thiết nghĩ rằng con người Nga đó - con người có ý chí kiên cường, sẽ đứng vững được và sống bên cạnh bố, chú bé kia một khi đã lớn lên sẽ có thể đương đầu với mọi thử thách, sẽ vượt qua mọi chướng ngại trên đường, nếu như Tổ quốc kêu gọi...

NGUYỄN DUY BÌNH dịch

(*Truyện sông Đông*. NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

Chú thích

(1) *Vôrônegiơ* : nguyên quán của Xôcôlôp. (2) *Vaniusca* : tên gọi thân mật của Vania. (3) *Irina* : vợ của Xôcôlôp.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trong đời sống đạo đức, có những quyết định là kết quả của sự tính toán, có những quyết định nảy sinh một cách bột phát, hồn nhiên. Ở nhân vật Xôcôlôp, quyết định nhận Vania làm con đã diễn ra như thế nào ?

2. Trước sự việc Xôcôlôp giới thiệu Vania như là đứa con mới tìm được, người vợ của bạn Xôcôlôp đã khóc. Em thử giải thích vì sao ?

3. So sánh tình cảm của Xôcôlôp với Vania và tình cảm của Vania với Xôcôlôp.

4. Việc Xôcôlôp tìm được đứa con nuôi có làm nguôi nỗi buồn ở anh không ?

truongxua.vn

ĐỌC THÊM

VÀO MÙA CẮT CỎ (1)

Tuyến cốt truyện chính của *Sông Đông êm đềm,* tuyến của nhân vật Grigôri Mêlêkhôp có thể tóm tắt như sau :

"... Grigôri Mêlêkhôp tiêu biểu cho tầng lớp trung nông trải qua nhiều lầm lạc, dao động về tư tưởng, chính trị trong những năm bão táp cách mạng. Tính cách của Mêlêkhôp phức tạp và mâu thuẫn. Đó là một người có nhiều đức tính tốt : ngay thẳng, quả cảm, tự trọng, nồng nhiệt yêu làng xóm, đồng đất quê hương. Là người lao động, anh ghét những kẻ thống trị, bóc lột. Nhưng trong con người đó cũng có những mặt xấu : thô bạo, tàn nhẫn, tư hữu. Với những định kiến đã hình thành từ lâu trong tâm trí người Côdăc, Mêlêkhôp cho rằng cách mạng đã tước đoạt hết những quyền lợi của người Côdăc, xâm phạm vào truyền thống, danh dự của người Côdăc. Anh ta muốn

rằng những người Côdăc độc lập, không theo phe "đỏ", cũng không thuộc phe "trắng". Nhưng rồi cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt diễn ra ngay trên quê hương anh, ngay trong những người Côdăc. Tất nhiên, không thể có "con đường thứ ba", chỗ đứng trung gian trong cuộc đấu tranh đó. Mêlêkhôp rơi vào lầm lạc nghiêm trọng : tách rời khỏi nhân dân, anh ta đi theo lũ Bạch vệ phản cách mạng, phạm tội ác chống lại nhân dân, chống lại Tổ quốc. Nhưng sống giữa bọn sĩ quan Bạch vệ, anh ta cảm thấy lạc lõng, xa lạ, dằn vặt, đau khổ về những lầm lạc của mình. Anh ta trốn khỏi lũ Bạch vệ, trở về nhà. Nhưng con người đó, trong thâm tâm vẫn chưa xác định được chỗ đứng đúng đắn của mình, chưa tìm được con đường đi đúng đắn trong thời đại mới. Những định kiến, tư tưởng cũ vẫn níu giữ Mêlêkhôp trong thế bấp bênh, lừng chừng. Có lúc anh ta đã vào Hồng quân nhưng rồi lại bị cuốn hút về phe phản cách mạng và tiếp tục lầm lạc, phạm tội ác chống nhân dân, chống phá những thành quả của cách mạng. Cái quá trình phức tạp đó cuối cùng dẫn đến tình cảnh bi thảm của Mêlêkhôp : anh ta hoàn toàn đơn độc, bất hạnh, trống rỗng, đau khổ...".

(*Từ điển văn học*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984)

Đoạn văn sau đây trích từ chương 9, tập I của bộ tiểu thuyết. Vào mùa cắt cỏ, gia đình Grigôri đi cắt cỏ. Cùng đi với Grigôri có bố là ông Panchêlây, chị dâu là Đaria, em gái là Đunhiaska đương ở tuổi thiếu nữ và Acxinhia. Giữa Grigôri và Acxinhia đã có tình ý với nhau từ trước, dịp này họ gặp nhau và dan díu với nhau.

thuongmaitr

*

* *

Lễ Lá[2] đã qua chỉ còn để lại cho các nhà trong thôn những nhánh bạc hà khô vương vãi trên mặt đất, những cái lá nát vụn ra thành bụi và những cây sồi hay tần bì[3] chặt xuống cắm bên cạnh cổng hay sân thềm đã quắt lại, không còn sức sống nữa.

Lễ Lá mở đầu cho mùa cắt cỏ. Từ sáng tinh mơ, bãi cỏ hoang ven sông đã như nở hoa : những chiếc váy mặc ngày hội của phụ nữ, những tấm tạp dề[4] thêu sặc sỡ, những chiếc khăn bịt đầu muôn màu. Toàn thôn đều ra cắt cỏ cùng một ngày. Đàn ông thì cắt, đàn bà thì cào, ai nấy quần lành áo tốt như thể ăn tết đầu năm. Tục lệ cổ xưa là như thế. Từ sông Đông cho tới những khu rừng xích dương xa tít, cả một bãi cỏ mênh mông, bị tàn phá run lên và thở dốc dưới những lưỡi hái.

Nhà Mêlêkhôp ra đồng khá muộn. Lúc họ bắt đầu đi cắt cỏ thì gần nửa thôn đã có mặt trên bãi cỏ rồi.

– Ông ngủ kĩ quá đấy, ông Panchêlây Prôcôphiêvich ! – Những người cắt cỏ mồ hôi đầm đìa nhao nhao chào hỏi.

– Không phải lỗi tại tôi đâu, tại bọn đàn bà đấy ! – Ông già cười mát và giơ cái roi bện bằng tơ sống quất cho đôi bò kéo nhanh hơn.

– Chúc ông mạnh khỏe, ông bạn đồng ngũ ! Trưa mất rồi, người anh em ạ, trưa mất rồi đấy... – Một người Côdăc cao lớn, đội mũ rơm đứng bên đường, vừa lắc đầu vừa gãi chấu[5] cho cái hái.

– Cỏ có khô mất đâu mà sợ ?

– Phải tế nước đại lên mới kịp, nếu không cỏ sẽ khô mất thật đấy. Phần của ông ở chỗ nào thế ?

– Ở chỗ bờ Đất đỏ ông ạ.

– Thôi ông thúc hai con bò hoa đi nhanh lên, kẻo hôm nay không tới nơi được đâu.

Acxinhia ngồi phía sau xe với chiếc khăn bịt đầu che kín mặt để tránh nắng. Qua cái kẽ hở rất hẹp dành cho hai con mắt, nàng nhìn Grigôri ngồi trước mặt mình với một vẻ vừa lãnh đạm vừa nghiêm khắc. Đaria ngồi thõng chân giữa hai thành xe, đầu cũng trùm kín, áo quần cũng chải chuốt như Acxinhia. Thằng bé nằm trong tay Đaria đã thiu thiu ngủ nhưng vẫn bú cái vú dài dài có những đường gân xanh. Đunhiaska nhún nhảy trên tấm ván đặt ngang xe, cặp mắt sung sướng của cô bé hết nhìn bãi cỏ lại nhìn những người gặp trên đường. Khuôn mặt vui tươi hơi rám nắng, có chút tàn hương quanh tinh mũi của Đunhiaska tựa như muốn nói : "Em cảm thấy vui vẻ và sảng khoái vì dưới bầu trời xanh không vẩn chút mây nào như thế này, ngày hôm nay thật là vui vẻ, sảng khoái, vì trong lòng em cũng tràn ngập một màu xanh thanh thản và tinh khiết y hệt như bầu trời. Em rất vui và không mong mỏi gì hơn nữa". Ông Panchêlây Prôcôphiêvich kéo tay chiếc áo vải thô xuống tới bàn tay để lau những giọt mồ hôi ròng ròng dưới mũ lưỡi trai, lưng ông còng xuống dính chặt vào cái áo sơ mi có những đám mồ hôi nâu sẫm. Mặt trời chiếu qua những đám mây trắng như lông cừu non. Qua một làn khói mung lung, những tia nắng chiếu chệch đi tỏa ra như nan quạt xuống những trái núi xa bàng bạc ven sông Đông, xuống đồng cỏ và bãi cỏ hoang ven sông, xuống thôn xóm.

tuongxua.vn

Trời mỗi lúc một thêm oi bức. Gió tải những đám mây trôi thẫn thờ, không nhanh gì hơn hai con bò của ông Panchêlây Prôcôphiêvich đang lê bước trên đường. Ông cũng đã nặng nề giơ cái roi lên, nhưng chỉ quay quay mấy cái trên đầu, tựa như còn trù trừ : hông bò đã giơ xương như thế kia rồi thì có nên đánh nữa hay không ? Hình như hai con bò cũng biết thế nên chúng chẳng buồn rảo bước, vẫn cứ ve vẩy cái đuôi, đi dẫn rượu, dờ dẫm, chân bước lòng khòng. Đàn muỗi nhắt lấm tấm như một làn bụi óng ánh da cam cứ lượn tròn trên hai con bò.

Gần mấy cái sân phơi trong thôn, những chỗ đã cắt xong trên bãi cỏ, cỏ sáng lên với những đám màu xanh nhạt. Ở những nơi còn chưa chở cỏ về, làn gió nhẹ xới gợn lớp cỏ xanh rờn, mịn như lụa, óng ánh những đốm đen.

– Phần nhà ta chỗ kia đấy, – ông Panchêlây Prôcôphiêvich vụng cái roi.

– Ta bắt đầu cắt từ ven rừng chứ ? – Grigôri hỏi.

– Cắt từ đầu này cũng được. Ta đã lấy xẻng đánh dấu chữ V vào đấy rồi.

Hai con bò đã mệt nhoài được Grigôri tháo ra khỏi càng xe. Ông già đi tìm cái dấu hình chữ V chặt bằng xẻng ở mép phần cỏ, cái vòng tai của ông nhấp nhoáng. Chẳng mấy chốc đã thấy ông vung tay kêu lên :

– Cầm lấy hái thôi !

Những bước chân của Grigôri giẫm nát cỏ. Từ chỗ để xe, chàng đi đến đâu đều để lại sau lưng những vết chân trên lớp cỏ rung rinh. Ông Panchêlây Prôcôphiêvich quay mặt về phía cái gác chuông trăng trắng hiện lên đằng xa như một cái vỏ đậu, làm dấu phép rồi cầm cái hái lên. Cái mũi khoằm của ông bóng nhoáng như mới sơn quang dầu, mồ hôi lóng lánh trên cặp má hõm đen sạm. Ông mỉm cười nhe hai hàm răng trắng lóa, sát sìn sít, cơ man nào là răng sau chòm râu đen láy. Rồi ông quay cái cổ nhăn nheo sang phải, vung cái hái lên. Cỏ bị phạt đứt ngả rạp dưới chân ông thành một hình bán nguyệt chừng một xagien[6].

Grigôri dim mắt vung cái hái, cắt cỏ sát gót cha chàng. Phía trước Grigôri, mấy chiếc tạp dề của phụ nữ như nở hoa, tản ra thành hình một cái cầu vồng. Nhưng Grigôri chỉ đưa mắt tìm một chiếc tạp dề trắng có cạp viền. Grigôri nhìn loáng qua Acxinhia một cái rồi lại vung lưỡi hái dóng bước theo bố.

Hình ảnh Acxinhia đã choán hết đầu óc Grigôri. Chàng dim mắt thầm nghĩ mình đang hôn nàng, nói với nàng những lời sôi nổi, nựng nịu, không hiểu sao cứ tự nhiên dồn lên miệng chàng. Rồi chàng lại cố rũ bỏ các ý nghĩ ấy và vừa đi vừa đếm : một, hai, ba... Song những mẩu sự việc cũ cứ lần lượt hiện lên trong trí nhớ của Grigôri : "Chúng mình ngồi dưới một đống cỏ ướt... có tiếng dế kêu dưới đám đất lở... ánh trăng trên bãi cỏ hoang... những giọt nước trên bụi cây cũng nhỏ xuống thưa thớt, đều đặn một, hai, ba... như thế này. Khoái thật, chà, thú vị thật !...".

Bỗng có tiếng cười bên chỗ xe đỗ. Grigôri ngoái nhìn lại : Acxinhia cúi xuống nói không biết những gì với Đaria nằm dưới gầm xe. Đaria xua tay rồi cả hai lại cười. Đunhiaska ngồi trên càng xe, hát giọng rất thanh.

"Mình cắt tới bụi cây nhỏ đằng kia thì phải gãi lại chấu cho cái hái mới được", – Grigôri đang nghĩ như thế thì cảm thấy lưỡi hái của chàng cắt qua một cái gì lầy nhầy, dinh dính. Chàng cúi xuống nhìn thì thấy dưới chân có một con vịt trời nhỏ xíu, líu ríu, khập khiễng chạy vào dưới cỏ. Một con khác bị lưỡi hái phạt làm đôi nằm lăn dưới cái hố trước đó còn là tổ vịt. Những con còn lại ríu rít chạy tán loạn trên cỏ. Grigôri đặt con vịt bị chém đứt đôi lên lòng bàn tay. Trong nắm lông vàng vàng nâu nâu mới nở được vài ngày vẫn còn lại chút hơi ấm của sự sống. Máu sùi lên thành một cái bong bóng hồng hồng ở mép cái mỏ dẹt mở to. Hai con mắt nom như hai hạt cườm nheo lại một cách tinh quái, cặp chân tí hon run run và vẫn còn ấm.

Grigôri nhìn con vật nhỏ nhoi đang chết nằm trong tay mình, bất giác thấy thương nhói trong tim.

– Anh nhặt được cái gì thế, anh Grisca[7] ?...

Đunhiaska nhảy cỡn theo hàng cỏ vừa cắt xong, chạy tới bên Grigôri, hai cái đuôi sam nhỏ xíu lăng đi lăng lại trước ngực. Grigôri cau mày, để con vịt con rơi xuống rồi lại bực bội vung cái hái cắt cỏ.

Mọi người ăn qua quýt bữa trưa. Cả bữa ăn chỉ có mỡ chài[8] và cái món quốc túy của người Côdăc là sữa chua, đựng trong túi dết đem từ nhà đi.

Trong bữa ăn, ông Panchêlây Prôcôphiêvich nói :

– Tôi chẳng về nhà làm gì nữa. Bò cứ thả cho ăn cỏ trong rừng. Đến mai, mặt trời mọc tan sương chúng ta sẽ cắt nốt.

Ăn xong, cánh đàn bà bắt đầu cào cỏ. Cỏ đã cắt, héo đi, bắt đầu khô, tỏa ra một mùi hương nặng nề, ngây ngất.

Mọi người nghỉ tay thì bóng chiều đã xuống. Acxinhia cào xong mấy hàng cỏ còn lại rồi đi tới chỗ xe đỗ để nấu cháo. Suốt ngày hôm ấy, nàng cứ nhìn Grigôri với ánh mắt đầy căm ghét và tìm hết lời cay độc để chế giễu Grigôri, tựa như muốn báo thù[9] vì một cái nhục lớn, không sao quên được. Grigôri đuổi bò ra sông Đông cho uống nước. Khuôn mặt nhăn nhăn như bị của chàng không hiểu sao nhợt nhạt ra. Ông bố thì chẳng lúc nào rời mắt ra khỏi Acxinhia và Grigôri. Ông nhìn Grigôri, con mắt đầy vẻ hằn học :

– Ăn tối xong thì đi mà coi bò. Chú ý đừng cho những con bò ra ăn cỏ đấy. Lấy cái áo choàng của tao mà khoác vào người.

Đaria đặt con nằm ở dưới gầm xe rồi cùng với Đunhiaska vào rừng kiếm củi.

Trên bãi cỏ hoang ven sông, một vành trăng non lừng lững trôi trên bầu trời tối đen tối mù. Những con bướm đêm bay tới tấp về phía đống lửa như một trận bão tuyết. Mọi người ngồi trên một tấm vải bạt trải bên đống lửa, sắp sửa ăn tối. Cháo sôi sùng sục trong một cái nồi đã chiến ám khói. Đaria kéo gấu váy lót lên lau những chiếc cùi dìa rồi gọi Grigôri :

– Lại ăn đi chú !

Grigôri bước từ trong bóng tối ra ngồi bên đống lửa với chiếc áo choàng khoác trên vai.

– Có gì mà chú cau cau có có như thế ? – Đaria mỉm cười hỏi.

– Có lẽ sắp mưa đến nơi rồi, lưng đau như dần ấy, – Grigôri thử pha trò.

– Anh ấy lại không muốn đi coi bò rồi, đúng như thế đấy. – Đunhiaska mỉm cười đến ngồi bên cạnh Grigôri. Cô bé chỉ muốn kiếm chuyện nói với anh, nhưng không sao bắt chuyện được.

Ông Panchêlây Prôcôphiêvich hào hứng đưa bát cháo lên húp sùm sụp, răng ông nhai ngau ngáu những hạt kê chưa nhừ. Acxinhia cúi gằm mặt xuống ăn. Nghe Đaria pha trò, nàng cũng chỉ có được một nụ cười gấng gượng. Má nàng đỏ ửng lên, cứ như đang có một cái gì rạo rực xao xuyến thiêu đốt trong lòng.

Grigôri đứng dậy trước tất cả mọi người, bỏ ra chỗ thả bò.

– Chú ý đấy, kẻo rồi lại cho bò giẫm nát cỏ nhà người ta ! – Ông bố nói to, dặn với theo. Nhưng ông bị nghẹn cháo, họ sặc sụa mãi không thôi.

Đunhiaska cười rũ rượi, hai má cô bé đỏ bừng lên. Lửa đã gần tàn. Củi cháy âm ỉ tỏa lên những người đang ngồi cái mùi ngọt ngọt của lá nướng.

Đến nửa đêm, Grigôri len lén mò đến chỗ để xe. Còn cách mươi bước nữa thì chàng dừng lại. Tiếng ngáy lúc trầm lúc bổng của ông Panchêlây Prôcôphiêvich vang cả xe. Đống lửa tối qua không tưới nước, bên dưới lớp than vẫn còn lấp lóc những hòn than còn cháy, vàng óng như mắt công.

Một hình người xam xám, quấn khăn choàng, rời khỏi chỗ chiếc xe, từ từ đi chữ chi về phía Grigôri. Còn cách hai ba bước thì người ấy dừng lại. Acxinhia. Nàng. Tim Grigôri đập thình thịch như muốn nứt đôi. Grigôri tiến thêm một bước rồi hơi khuyu chân xuống, mở xòa áo choàng, xiết chặt vào trong lòng mình một thân hình ngoan ngoãn, nóng ran. Acxinhia rủn đầu gối không đứng được nữa, toàn thân nàng run bắn lên, hai hàm răng đập vào nhau lập cập. Một con sói hất lên lưng nó một con cừu đã bị cắn cổ như thế nào thì có lẽ Grigôri cũng bế xốc Acxinhia trên tay chàng như thế. Chàng vướng chân trong tà áo choàng mở rộng, thở hổn hển, bế nàng đi.

uongxua.vn

– Trời ơi, Gri-isca... Anh Grisca yêu quý !... Cha mẹ ơi !...

– Có im đi không nào !

NGUYỄN THỤY ỨNG dịch
(*Sông Đông êm đềm*, Tập I.
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1983)

Chú thích

(1) Tên bài do người biên soạn đặt. (2) *Lễ Lá* : một lễ nông nghiệp của người Côdắc sông Đông vào dịp mùa thu lá rụng. (3) *Tần bì* : một loại cây gỗ tốt mọc ở miền ôn đới. (4) *Tạp dề* : một thứ yếm dài choàng bên ngoài trong thời gian lao động. (5) *Gãi lại chấu cho cái hái* : chấu là khía ở lưỡi liềm, lưỡi hái ; gãi chấu là mài lưỡi liềm, lưỡi hái cho sắc. (6) *Xagien* : bằng 2,134 m. (7) *Grisca* : tên gọi thân mật của Grigôri. (8) *Mỡ chài* : loại mỡ ở ruột non. (9) *Tựa như muốn báo thù về một cái nhục lớn, không sao quên được* : Acxinhia nhớ lại có lần Grigôri giở trò chòng ghẹo đã cho ngựa chồm lên làm bùn bắn tung tóe khắp người Acxinhia.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Đáng chú ý trong đoạn trích văn này là sự tinh tế trong việc cảm nhận những màu sắc và những cảm giác khác nhau, trong sự miêu tả sống động cỏ và bãi cỏ giàu màu sắc và hương vị, trong sự bộc lộ những nét tâm lí rất riêng ở những nhân vật khác nhau.

Trong đoạn mở đầu bằng câu : "Những bước chân của Grigôri giẫm nát cỏ", chỉ trong mươi dòng, màu sắc được miêu tả nhiều đến hoa cả mắt : "cái gác chuông trăng trắng", "cái mũi khoằm... bóng nhoáng như mới sơn quang dầu", "mồ hôi lóng lánh trên cặp má hõm đen sạm", "hai hàm răng trắng lóa", "chòm râu đen láy"... Điều lạ thường là tâm tưởng con người cũng có màu sắc : Đunhiaska cảm thấy trong lòng "tràn ngập một màu xanh thanh thản và tinh khiết". Ngoài cảm giác màu sắc còn có những cảm giác khác hết sức tinh tế, chẳng hạn Grigôri cảm thấy "lưỡi hái... cắt qua một cái gì lầy nhầy, dinh dính".

Cỏ và bãi cỏ được miêu tả vô cùng sinh động : "bãi cỏ mênh mông... run lên và thở dốc dưới những lưỡi hái", "bãi cỏ... như nở hoa", "cỏ sáng lên", "cỏ xanh rờn", cỏ "ngả rạp dưới chân", "cỏ tỏa một mùi hương nặng nề, ngây ngất"...

thuongmaitr

Trong buổi cắt cỏ, mỗi nhân vật được miêu tả với những nét tâm lí và tính cách rất riêng. Ông Panchêlây biểu lộ rõ tính cách gia trưởng, luôn luôn chỉ huy, phân công, sắp đặt công việc. Đunhiaska đúng là ở lứa tuổi thiếu nữ : vui tươi, sảng khoái, hồn nhiên... Tâm lí của Acxinhia hết sức phức tạp : vừa muốn trả thù, vừa chờ đợi ở Grigôri - đúng là sự vô cùng phức tạp ở tâm lí người đang yêu... Grigôri thì làm việc hăng say nhưng "tâm bất tại", nghĩ ngợi ý đồ gì đó... Trong đoạn trích có những chi tiết rất "đắt". Chẳng hạn, "nhìn con vật nhỏ nhoi đang chết nằm trong tay mình" Grigôri "bất giác thấy thương nhói trong tim" - chi tiết này giúp ta hiểu sâu sắc hơn chất con người của nhân vật Grigôri.

PHẦN ĐỌC THÊM

KAOABATA

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Kaoabata Yasunari (Kawabata Yasunari, 1899 - 1972) nổi tiếng trên văn đàn thế giới sau khi ông đoạt giải Nôben văn chương năm 1968, đúng một trăm năm Nhật Bản tiến hành công cuộc Duy tân và thành công rực rỡ kể từ năm Thiên hoàng Minh Trị (Mêidi) lên ngôi (1868).

truongxua.vn

Kaoabata thường được xem là nhà văn tiêu biểu của tâm hồn Nhật Bản. Tác phẩm của ông kết tinh những tố chất đẹp nhất của truyền thống văn chương Nhật mà người ta thường tìm thấy trong các kiệt tác tiểu thuyết và tùy bút thời *Hêian* (794 - 1185), trong sân khấu *Nô*, trong thơ *haiku*[1]...

Tuy nhiên, Kaoabata vẫn là nhà văn rất hiện đại. Vận dụng những kĩ thuật văn chương và thể tài hiện đại, ngòi bút tài hoa của ông đã phục sinh văn xuôi Nhật Bản bằng cách đan dệt những yếu tố có vẻ tương phản như cũ và mới, sống và chết, thực và ảo, con người và ngoại vật...

MỘT TUỔI TRẺ CÔ ĐƠN

Kaoabata sinh ở Ôxaka, mồ côi cả cha lẫn mẹ ngay lúc tuổi còn thơ. Sau đấy là những cái tang dồn dập khác của bà ngoại, chị gái, rồi ông ngoại.

Đứa trẻ ốm yếu lại côi cút Kaoabata chỉ còn biết tựa mình vào năng lực sáng tạo, phong kín vết thương tâm hồn của mình bằng cuộc tìm kiếm mê mải cái đẹp trong cuộc đời.

Ở tuổi đôi mươi, Kaoabata lại đánh mất một người mà ông hết lòng yêu thương, một thiếu nữ ông gọi là Chiyô. Ông đã cùng nàng hứa hôn nhưng khi mọi việc chuẩn bị xong, nàng bất ngờ từ hôn, không một lời giải thích.

Cảm thức[2] cô đơn trong văn phẩm Kaoabata thường phản ánh từ chính cuộc sống thời thơ ấu và tuổi trẻ của ông.

Cái cô đơn ấy bắt đầu với tập *Nhật kí tuổi mười sáu.* Khi nó được xuất bản vào năm 1925, tác phẩm đầu tay này có lẽ đã được viết lại dù trong đó, ấn tượng của một thiếu niên trước cái chết của người thân (ông ngoại) vẫn còn rõ nét. Những ngày cuối cùng khốn khổ của một người già yếu mù lòa, cuộc sống cô độc của một thiếu niên nhỏ bé đối diện với sinh li tử biệt được thể hiện chân thực.

thuongmaitr

Hồi còn bé, Kaoabata vẫn mơ ước vẽ tranh. Nhưng đến tuổi mười lăm, ông cảm thấy mình có tài viết hơn là vẽ, nên quyết định chọn con đường văn chương. Do đó mà trong văn xuôi Kaoabata, những phong cảnh thiên nhiên và thế giới tâm hồn không ngớt mở ra trước mắt ta những màu sắc tinh tế.

Thơ ca và truyện ngắn của Kaoabata được ấn hành ngay từ lúc ông còn là học sinh trung học. Tình yêu thơ ca thấm đượm trong từng trang văn của ông, đặc biệt với loại truyện rất ngắn mà ông gọi là *truyện ngắn trong lòng bàn tay,* loại truyện mà ông luôn thích viết trong suốt cuộc đời mình, như ông từng tự bạch : "Tuổi trẻ trong đời nhiều nhà văn thường dành cho thơ ca ; còn tôi, thay vì thơ ca, tôi

viết những tác phẩm nhỏ gọi là *truyện ngắn trong lòng bàn tay*... Hồn thơ những ngày trẻ tuổi của tôi sống sót trong những câu chuyện ấy".

Vào Đại học Tôkyô, Kaoabata nghiên cứu cả văn học Anh lẫn văn học Nhật. Ông say mê thơ văn cổ điển dân tộc như *Truyện Gengi*, *Sách gối đầu*... lẫn các tác giả hiện đại Tây phương như Prutx, Gioix...[2]

Chọn con đường riêng cho mình, Kaoabata tự bạch : "Tôi đã tiếp nhận nồng nhiệt văn chương Tây phương hiện đại và tôi cũng đã thử bắt chước nó, nhưng chủ yếu tôi là một người Đông phương và suốt mười lăm năm qua tôi chưa từng đánh mất phong cách ấy của mình".

THẾ GIỚI CỦA CÁI ĐẸP

Thế giới của Kaoabata là thế giới của cái đẹp, là chiếc gương soi của cái đẹp. Đôi mắt ông không ngừng tìm kiếm, khám phá những vẻ đẹp trong thiên nhiên, trong sự vật, trong con người.

uongxua.vn

Thế giới của Kaoabata làm nên bằng những tác phẩm tinh tế sau đây, mỗi tác phẩm như một bài thơ văn xuôi : *Cô vũ nữ xứ Idu* (1926), *Truyện ngắn trong lòng bàn tay* (1926), *Xứ tuyết* (1948), *Ngàn cánh hạc* (1949), *Tiếng rền của núi* (1954), *Người đẹp say ngủ* (1961), *Cố đô* (1962), *Cánh tay* (1965), *Cái đẹp và nỗi buồn* (1965)...

Tác phẩm thực sự thành công đầu tiên của Kaoabata là tiểu thuyết ngắn *Cô vũ nữ xứ Idu* hoàn thành năm ông 27 tuổi. Dấu ấn phong cách đầy chất thơ cũng như chủ đề của nó về cái đẹp trinh bạch sẽ được hồi quang phản chiếu trong nhiều kiệt tác sau này của Kaoabata như *Xứ tuyết*, *Ngàn cánh hạc*...

Cô vũ nữ xứ Idu kể về một cô gái non trẻ thuộc một gánh múa lưu động mà nhân vật "tôi", một học sinh đi du ngoạn, gặp gỡ ở bán đảo Idư. Giữa hai người trẻ tuổi là một con suối tình cảm nồng ấm, nhẹ nhàng và hầu như trong suốt. Kết thúc là cuộc chia tay như giấc mộng tàn. Tác phẩm mang một vẻ đẹp tươi mát, trong ngần như "con

suối đầy tràn nước sau trận mưa, óng ánh dưới mặt trời vào ngày mùa thu trong veo của xứ Idư, khi tiết trời vẫn còn ấm áp như mùa xuân".

Từ mùa xuân năm 1935, Kaoabata viết những trang đầu của một tác phẩm rồi ra sẽ trở thành quốc bảo của văn học Nhật Bản hiện đại mang tên là *Xứ tuyết*. Mất mười hai năm, tác phẩm mới hoàn tất, sau cuộc Thế chiến thứ hai hai năm. Trong tiểu thuyết này, nhân vật Shimamura từ Tôkyô đáp tàu lên phương bắc xứ tuyết vì tình yêu đối với thiên nhiên mê hồn và con người trong sáng ở đấy. Chàng đến ba lần, qua các mùa khác nhau : xuân, đông và thu. Cái đẹp của tuyết, của các mùa và phụ nữ luôn luôn lấp lánh qua từng trang văn đẹp như thơ.

Sau Thế chiến thứ hai, đứng trước cảnh tang thương của đất nước, Kaoabata tuyên hứa rằng ông sẽ sống như hồn thiêng sông núi và từ nay ông sẽ chỉ viết ra những tác phẩm bi ca mà thôi.

Lần lượt, những khúc bi ca trong dạng tiểu thuyết ra đời : *Danh thủ cờ gô, Tiếng rền của núi, Hồ, Cố đô, Cánh tay, Cái đẹp và nỗi buồn, Tóc dài...*

thuongmaitr

Với các tác phẩm phảng phất một niềm bi cảm đẹp đẽ, Kaoabata dường như thắp sáng lại ngọn đèn huyền ảo nghìn xưa bằng ánh lửa mới. Ánh lửa ấy dung hợp trong nó tính hiện đại sắc sảo với phong thái cô đọng của thơ *haiku*, dòng ý thức đầy phức tạp của con người thế kỉ XX với tinh thần trầm mặc của Thiền tông...

Tác phẩm của Kaoabata tạo nên một nguồn cảm hứng lớn lao, thúc đẩy mọi người khám phá cái đẹp trong thế giới quanh mình như chính ông đã sáng tạo không ngừng để cứu vớt cái đẹp ra khỏi sự trầm luân dung tục.

Cái chết của ông vào ngày 16-4-1972 ở thành phố Kamakưra[4] kết thúc cuộc đời của một lữ khách tận hiến tâm hồn cho cuộc tìm kiếm cái đẹp. Nhưng cái đẹp mà ông đã sáng tạo vẫn còn đó, và còn vươn tới ngày mai.

Chú thích

(1) *Thời Hêian* : thời đại rực rỡ nhất của văn hóa quý tộc Nhật Bản, tôn thờ cái đẹp ; thời của văn chương cổ điển với các kiệt tác tiểu thuyết, tùy bút, nhật kí mà phần lớn do phụ nữ viết ra. *Sân khấu Nô* : loại hình sân khấu kết hợp thơ ca, vũ đạo và mặt nạ, nổi lên từ giữa thế kỉ XIV và hoàn chỉnh vào thế kỉ XVI. Kịch bản Nô thực sự là những tác phẩm văn chương cao nhã. Hiện còn 240 vở kịch Nô cổ điển được lưu hành, biểu diễn. *Thơ haiku* : loại thơ ngắn nhất của Nhật Bản, cả bài chỉ bao gồm 17 âm tiết chia thành ba câu (5, 7, 5), trở nên hoàn thiện nhờ thiên tài Matsuo Bashô (1644 - 1694). (2) *Cảm thức* : cảm xúc một cách sâu xa có ý thức. (3) *Truyện Gengi* : tiểu thuyết trường thiên của nữ văn hào Murasaki thời Hêian. Được xem là tiểu thuyết tâm lí đầu tiên của thế giới, một kiệt tác vô song của văn học Nhật. *Sách gối đầu* : tùy bút của nữ sĩ Sei Shonagon, người thường được đặt cạnh Murasaki trong hàng ngũ thiên tài văn chương thời Hêian. *Prutx* (Marcel Proust, 1871 - 1922) : văn hào Pháp, tác giả bộ tiểu thuyết trường thiên bảy tập *Đi tìm thời gian đã mất* (1913 - 1927) có nhiều ảnh hưởng đối với tiểu thuyết phương Tây. *Gioix* (James Joyce, 1882 - 1941) : văn hào Ailen, tác giả cuốn *Ulysses* (1922), nổi tiếng với kĩ thuật kể truyện theo lối "dòng ý thức" nghĩa là theo dòng chảy tự nhiên của ý tưởng. (4) Kaoabata tự sát bằng cách mở hơi đốt trong căn phòng riêng đóng kín của mình. Người ta cũng đã đặt ra nhiều câu hỏi về cái chết này : tai nạn ? tuyệt vọng ? cô đơn ?...

tuongxua.vn

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. "Kaoabata thường được xem là nhà văn tiêu biểu của tâm hồn Nhật Bản", "Tuy nhiên, Kaoabata vẫn là nhà văn rất hiện đại". Hai điều ấy có mâu thuẫn gì không ? Anh (chị) nghĩ gì về nghệ thuật viết dung hợp được những yếu tố truyền thống và hiện đại ?

2. "Thế giới của Kaoabata là thế giới của cái đẹp, là chiếc gương soi của cái đẹp". Thử dùng nhận xét này để nêu bật "cái đẹp" mà anh (chị) tìm thấy trong một tác phẩm hoặc một trích đoạn của Kaoabata.

THỦY NGUYỆT

Thủy nguyệt (trong tiếng Nhật là *Suigetsu*) là một trong những truyện ngắn đặc sắc nhất của Kaoabata Yasunari, xuất bản lần đầu tiên năm 1953, lúc tác giả đã 54 tuổi, kết tinh đầy đủ phong cách đậm màu sắc phương Đông và Nhật Bản của ông : cô đọng, đầy chất thơ và chất họa, dư tình (để lại nhiều ý tình không nói hết), có nhiều khoảng trống, chân không (dành cho người đọc suy tưởng).

Đặc biệt, hình ảnh xuyên suốt trong *Thủy nguyệt* là chiếc gương soi. Đây là hình tượng quen thuộc chứa chất nhiều ý nghĩa thẩm mĩ và triết lí mà người ta thường bắt gặp trong các văn phẩm của ông, một cái nhìn thẩm mĩ được gọi là "thẩm mĩ của chiếc gương soi" : tìm kiếm cái đẹp và ý nghĩa của sự vật theo nhiều chiều hướng, dõi theo những cái bóng của sự vật.

*

*   *

Một hôm, Kyôkô bỗng nảy ra ý nghĩ : sao mình không dùng một chiếc gương tay nhỏ để giúp người chồng đau yếu đang nằm liệt giường trên gác nhìn bóng phản chiếu của mảnh vườn rau bé nhỏ trước nhà ? Việc ấy chắc hẳn sẽ mở ra trước mắt chồng cả một quãng đời mới lạ. Nhưng rồi bao chuyện khác nữa cũng đã xảy đến với chiếc gương tay bé nhỏ kia.

Chiếc gương ấy là gương nào ? Hóa ra đó chính là cái gương tay bé nhỏ vẫn nằm trong chiếc ngăn kéo bàn trang điểm mà nàng mang theo khi về nhà chồng. Một món hồi môn của nàng. Cả chiếc bàn trang điểm ấy lẫn cái vành gương đều được làm bằng gỗ dâu. Hồi mới cưới nhau Kyôkô thường dùng chiếc gương con ấy mỗi lần nàng muốn ngắm cái lọn tóc sau gáy đã vấn gọn ghẽ chưa. Ống tay áo kimônô vẫn hay trượt lên cao, để lộ ra cánh tay đến tận khuỷu, và Kyôkô còn nhớ nàng đã đỏ mặt ngượng nghịu ra sao mỗi lần nàng soi gương để sửa lại mái tóc trên đầu. Chiếc gương mà Kyôkô trao cho chồng để anh được ngắm mảnh vườn nhà chính là chiếc gương tay nhỏ bé này...

Hồi trước, mỗi lần Kyôkô soi gương trang điểm sau lúc tắm, chồng nàng thường bảo : "Em vụng quá, nào đưa gương đây, anh giữ giúp cho". Anh giật lấy chiếc gương trên tay, rồi rọi giúp từ nhiều hướng khác nhau, để

nàng nhìn rõ hơn lọn tóc ở sau gáy phản chiếu vào chiếc gương to gắn trên bàn trang điểm kia ; còn chính anh thì ngây người sung sướng đứng ở sau lưng nàng. Thực ra không phải Kyôkô vụng về gì. Chẳng qua nàng chỉ hơi lóng ngóng, vì thấy chồng cứ đứng ở sau lưng mà chăm chú nhìn mình.

Từ đó đến nay, thời gian tuy chưa xa cách là bao, cái khung bằng gỗ dâu vẫn chưa kịp long ra, nhưng chiến tranh, rồi tản cư, và căn bệnh hiểm nghèo của chồng đã dồn dập ập đến, nên khi Kyôkô lần đầu tiên nghĩ đến việc giúp chồng ngắm mảnh vườn rau nhỏ, thì mặt gương đã mờ, còn chung quanh vành gương thì đã ố đen vì bụi bặm và loang lổ đầy bụi phấn mịn. Chuyện đó chẳng làm nàng lo lắng mấy, thậm chí nàng cũng chẳng để ý đến nữa, bởi lẽ hình ảnh mảnh vườn trong gương trông vẫn rõ như thường. Nhưng chồng nàng, kể từ ngày cầm được chiếc gương trong tay thì anh không lúc nào rời nó ra, mà cứ giữ khư khư bên gối, và chắc vì bất đắc dĩ phải lâm vào cảnh ở không hoặc vì cái thói dễ cáu bẳn vốn có của người đau ốm, nên anh đã lau sạch bụi bặm bám trên khung và đánh cho mặt gương bóng lộn lên. Nhưng ít lâu sau, Kyôkô thường thấy chồng hay hà hơi lên mặt gương và cẩn thận lau chùi. Nàng thường bắt gặp mình có ý nghĩ : nếu anh ấy hà hơi thế, thì những thớ gỗ trên đó chắc phải dính đầy những vi trùng lao phổi vô hình... Lần nào chải tóc cho chồng, Kyôkô cũng bôi lên ít dầu hải đường rất thơm. Nhưng khi Kyôkô chưa kịp chải xong, anh đã miết tay lên tóc, rồi bôi ngay lên chiếc khung gỗ, nên chiếc khung mỗi ngày một bóng hơn lên như thể đánh vecni ; trong khi đó thì gỗ chiếc bàn phấn nằm bên xó cửa vẫn xỉn màu như cũ.

Khi Kyôkô đi bước nữa, nàng cũng đã mang chiếc bàn trang điểm ấy theo, như một món hồi môn.

Nhưng chiếc gương nhỏ cầm tay thì nàng đã cho hỏa thiêu cùng với thi thể của người chồng cũ. Nàng không kể lại chuyện ấy với người chồng sau này. Nên bây giờ trên bàn trang điểm nàng lại có một chiếc gương tay khác, lồng trong chiếc khung gỗ bóng, chạm trổ theo lối trang trí Kamakura[1].

Thi hài người chồng quá cố, lúc khâm liệm, được đặt vào áo quan với hai bàn tay buộc chặt vào nhau theo phong tục xưa nay, nằm bắt chéo ở trước ngực. Bởi thế, không thể nghĩ đến chuyện trao chiếc gương con ấy vào tay chồng ; thế là Kyôkô đành đặt nhẹ nó lên ngực, cạnh tim chồng.

tuongxua.vn

Lát sau, nàng chuyển nó xuống thấp hơn, miệng thì thầm khe khẽ :

– Ngực anh đã đau đớn mãi, đặt chiếc gương lên chắc càng nặng thêm ra.

Lúc đầu sở dĩ Kyôkô đặt nó lên ngực, bên cạnh tim chồng vì chiếc gương đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống chung giữa hai người. Nàng không muốn họ hàng bên chồng nhận thấy chiếc gương, nên đã đặt một bó hoa cúc trắng đè lên trên. Ngọn lửa hỏa thiêu đã làm thủy tinh chảy ra, đông cứng lại thành một khúc ống sần sùi, chỗ vàng, chỗ sạm đen, vì dính phải than tro trong lúc thiêu xác.

Một người bà con bên chồng ngạc nhiên cất tiếng hỏi :

– Gì mà trông như thủy tinh thế này ? Gì thế nhỉ ?

Thực ra, bên trên cái gương tay ấy, Kyôkô còn để thêm một chiếc nữa - cái gương bé tí, gắn trên nắp chiếc xắc nhỏ xách tay. Đó là chiếc gương soi được cả hai mặt, hình tandaku[2]. Kyôkô ước ao sẽ được dùng nó trong chuyến đi du lịch tân hôn, nhưng chiến tranh ập đến, và hai vợ chồng đành phải gác lại mọi dự định. Hồi người chồng trước còn sống, nàng chưa hề đem chiếc gương con ấy ra dùng.

Đến khi tái giá, Kyôkô mới được hưởng chuyến đi du lịch tân hôn. Cái xắc của nàng đã sờn cả da, thậm chí lắm chỗ bắt đầu lên mốc ; vì thế, nàng phải sắm một cái mới. Cái xắc ấy, dĩ nhiên, cũng có gắn một chiếc gương con trang điểm ở bên trong.

Trong ngày đầu chuyến đi, người chồng mới vừa ôm Kyôkô vào lòng, vừa thủ thỉ với nàng :

– Trông em vẫn hệt như một thiếu nữ. Rõ thật tội nghiệp thân em !

Giọng anh không pha vẻ châm chọc, thậm chí còn phảng phất một niềm sung sướng bất ngờ. Có lẽ trong thâm tâm, anh cảm thấy sung sướng thực tình, bởi lẽ Kyôkô trông như thể chưa bao giờ lấy chồng. Nhưng câu nói ấy lại khiến nàng buồn vô hạn. Nàng khóc nấc lên, co rúm người vào. Nhưng người chồng mới cưới thì coi cử chỉ đó chỉ là vẻ e lệ trinh nữ của nàng.

Nàng không hiểu mình bật khóc là vì tủi thân hay vì thương người chồng cũ ngày nào. Nàng không thể tách bạch hai thứ ấy. Nhưng ngay lúc đó nàng bỗng cảm thấy thế là quá bất công với người chồng mới và phải tỏ ra âu yếm với anh hơn, nên nàng đã nói, vẻ bông đùa :

– Thật ư ? Anh thấy em thế thật sao ? – Nhưng chưa dứt lời Kyôkô đã hiểu ngay là mình ăn nói vụng quá, nên nàng ngượng chín mặt. Anh chồng mới, trái lại, lại rạng rỡ vì vui thích.

– Chắc chỉ vì em chưa có con, – anh nói tiếp, và câu nói đó lại khiến lòng Kyôkô tan nát.

Hễ gặp phải một sức mạnh đàn ông, khác với sức mạnh của người chồng cũ, Kyôkô bao giờ cũng thấy mình bị hạ nhục tuồng như họ chỉ coi nàng như một món đồ chơi để giải khuây trong chốc lát cho vui.

– Nhưng em đã bận bịu khác nào như nuôi con mọn – Kyôkô cãi lại, rồi im bặt.

Ngay cả sau khi chôn cất chồng cũ, nàng vẫn coi người chồng ốm nặng như là một đứa bé mà nàng phải cưu mang trong bụng.

"Sao mình lại tránh gần gũi, vì lo cho sức khỏe anh ấy, nếu như mình thừa biết sớm muộn gì rồi anh ấy cũng sẽ qua đời ?" – Kyôkô nghĩ bụng.

– Mori[3] thì anh chỉ được nhìn thấy loáng thoáng qua cửa toa, – ôm chặt Kyôkô trong lòng, người chồng mới nhắc đến quê nàng. – Đó chắc hẳn là một thành phố đáng yêu lắm và có rừng cây bao bọc xung quanh. Chẳng phải vô cớ mà người ta lại gọi nó bằng cái tên ấy. Em sống ở đó đến năm lên mấy ?

uongxua.vn

– Đến khi tốt nghiệp trung học. Còn nghĩa vụ lao động thời chiến thì em hoàn thành tại nhà máy quân khí Sandyo.

– Nghĩa là em sinh trưởng ở gần Sandyo ? Ồ, thảo nào em đẹp như tiên. Chẳng phải vô cớ mà thiên hạ vẫn thường bảo : muốn kén gái đẹp thì tìm đến Sandyo thuộc tỉnh Etigo.

– Xinh đẹp gì cái thứ em, – Kyôkô đưa tay lên che ngực.

– Tay em đẹp, chân em đẹp. Thế thì những thứ khác của em làm thế nào xấu xí được !

– Không, chẳng phải vậy đâu ! – Kyôkô cảm thấy cánh tay làm nàng vướng, nên nàng bỏ tay xuống.

– Dù em có con chăng nữa, anh cũng nhất quyết lấy em, – anh thì thầm vào tai nàng, – và nhận đứa bé ấy làm con, yêu thương nó như con đẻ. Nếu được là con gái, thì cố nhiên tốt nhất.

Chắc vì anh ấy đã có một đứa con trai. Kyôkô nghĩ bụng. Nhưng thậm chí dù đó là những lời yêu đương chăng nữa nàng vẫn cảm thấy bây giờ chưa phải là lúc nên nói ra. Rất có thể anh đã tổ chức chuyến đi du lịch tân hôn những ngày hôm nay là để cố trì hoãn cuộc gặp mặt giữa nàng và đứa con trai.

Người chồng mới hiện đang dùng một cái xắc du lịch hảo hạng bằng da thật. Cái xắc của Kyôkô rõ ràng là thua kém đủ đường. Nó vừa to, lại vừa bền, tuy rằng chẳng còn mới mẻ gì. Chồng nàng thường phải đi đây đi đó luôn, nhưng rõ ràng là anh hết sức giữ gìn cái xắc kia nên lớp da bọc ngoài mới lên nước, trông thích mắt đến thế, - mà chỉ những đồ vật hảo hạng dùng lâu mới có thể có được. Kyôkô vụt nhớ tới cái xắc cũ của nàng mốc meo lỗ chỗ, mặc dù nàng chưa dùng đến bao giờ. Chỉ có chiếc gương con gắn trong ấy là nàng đã gỡ ra, trao cho chồng và gửi nó sang thế giới bên kia cùng với người chồng xấu số. Chiếc gương ấy chính là chiếc nàng đã đặt vào quan tài, bên trên chiếc gương tay... Cả hai đã chảy ra, quyện vào nhau trong ngọn lửa hỏa thiêu ; không ai đoán được trong cái ống xù xì ấy có đến hai chiếc gương nhỏ. Cũng chẳng ai nảy ra ý nghĩ cái khối thủy tinh kết đọng dị hợm ấy trước vốn là gương soi. Về phần mình, Kyôkô không hề hé răng với ai chuyện này.

Nàng có cảm giác như thể nhiều thế giới khác nhau từng in bóng trong hai chiếc gương con ấy cũng đã bị ngọn lửa phũ phàng thiêu cháy mất đi. Nàng không thấy có gì khác nhau giữa sự mất mát ấy với việc thi thể chồng nàng đã biến mất thành một dúm tro. Hồi đầu, khi muốn giúp chồng mình thấy mảnh vườn, nàng chỉ trao cho anh có chiếc gương nhỏ cầm tay, và chồng nàng đã không rời nó ra nữa ; nhưng rồi ít lâu sau, chiếc gương tay ấy nếu cầm lâu đã trở nên quá nặng đối với đôi tay yếu ớt của người đau ốm dài ngày, nên đã bao lần Kyôkô cứ phải xoa bóp mãi hai cánh tay và đôi vai cho chồng. Bởi thế, nàng đã quyết định đưa thêm cho anh một chiếc gương con nữa - bé hơn và nhẹ hơn.

Hồi còn sức, nhờ hai cái gương con ấy, chồng nàng đã không chỉ nhìn thấy mảnh vườn rau bé bỏng trước nhà. Trong gương, anh còn được ngắm cả bầu trời cùng những áng mây, cả cảnh tuyết rơi, cả những rặng núi xa xa cùng dải rừng thưa gần đó. Được nhìn thấy cả vầng trăng, những đóa hoa đồng và những đàn chim di trú bay ngang trời. Trong gương còn phản chiếu cả khách bộ hành đi lại trên đường, cùng bầy trẻ nô đùa trước sân.

Chính Kyôkô cũng đâm ra sửng sốt với cái thế giới bao la và trù phú mà chiếc gương con ấy đã mở ra. Gương soi - đó chẳng qua chỉ là thứ đồ vật giúp người ta chăm sóc nhan sắc ; hơn nữa, đấy chẳng phải là gương lớn, mà chỉ là một chiếc gương tay nhỏ, chuyên dùng để phản chiếu lên tấm gương sau gáy của chính mình... Nhưng với một người đang ốm thì chiếc gương kia lại mở ra trước mắt anh ta một cách mới mẻ cả thiên nhiên lẫn con người ! Nhiều hôm, Kyôkô đã ngồi xuống bên đầu giường, cùng chồng nhìn vào gương và ngẫm nghĩ về những hình ảnh họ cùng trông thấy trong gương. Dần dần nàng không còn phân biệt được thế giới phản chiếu trong gương. Đối với nàng, cả hai đều trở thành những thế giới tồn tại độc lập ; hơn nữa, cái thế giới mới, thế giới nhìn thấy trong gương, thậm chí nàng cảm thấy còn thực hơn cái thế giới thực.

– Trong gương, bầu trời ánh lên sắc bạc, – nàng nói, rồi ngước nhìn qua cửa sổ và thêm : – Còn bầu trời ngoài cửa sổ thì xám ngoét như chì.

Bầu trời trong gương không gợi lên cảm giác nặng nề. Bầu trời ấy quả thực rất sáng sủa.

uongxua.vn

– Hay là vì anh thường chịu khó đánh bóng mặt gương ?

Chồng nàng khẽ quay đầu lại để ngước nhìn bầu trời qua khung cửa sổ cạnh giường nằm.

– Đúng, bầu trời đang xám xịt. Vả lại, hình ảnh bầu trời chắc gì đã như nhau trong mắt người và mắt muông thú, như chó hoặc chim sẻ, chẳng hạn ? Cho nên, đã ai dám nói chắc, màu sắc thật của bầu trời là màu gì ?

– Thế sắc trời trong gương là màu sắc mà đôi mắt của gương nhìn thấy hay sao ? – Kyôkô muốn nói : "là màu sắc mà đôi mắt của hai người yêu nhau thắm thiết nhìn thấy hay sao". Sắc cây in bóng trong gương cũng xanh tươi hơn ; còn màu trắng của hoa huệ - cũng rực rỡ hơn, so với màu thực có.

– Đây là dấu ngón tay cái em đấy. Ngón cái của bàn tay mặt, – chồng nàng chỉ vào mép gương. Tim Kyôkô chẳng hiểu vì sao bỗng thắt lại. Nàng hà hơi vào chỗ ấy và vội vã chùi đi cái dấu tay.

– Đừng chùi ! Em không biết, chứ hôm đầu tiên em giúp anh nhìn thấy mảnh vườn, trên mép gương cũng có một dấu tay em.

– Thế mà em chẳng để ý.

– Em thì dĩ nhiên em không để ý rồi, nhưng bây giờ thậm chí anh còn biết đích xác dấu tay của ngón cái với ngón trỏ của em khác nhau ra sao.

Có lẽ chỉ những ai ốm liệt giường dài ngày mới có thể ghi nhớ được từng dấu tay của vợ.

Chồng nàng gần như đã ốm suốt từ dạo họ mới cưới nhau. Thậm chí anh đã vắng mặt trong suốt cuộc chiến tranh.

Nhà họ đã bị bom thiêu trụi, nên hai vợ chồng đã phải thuê tạm một căn phòng của một đôi vợ chồng mà Kyôkô quen. Hồi ấy, người chồng còn đang ở trong quân ngũ. Già một tháng sống dưới mái nhà của chính mình và hai tháng ngụ trong căn phòng thuê tạm - đó là toàn bộ thời gian mà chồng nàng còn khỏe mạnh bên nàng.

Khi chiến tranh sắp chấm dứt, anh mới bị gọi vào quân đội. Nhưng anh chỉ phải đào hầm đào hố đâu một vài hôm trong một phi trường ; rồi ngã ốm ngay và trở về nhà. Đúng hôm đó thì chiến tranh cũng chấm dứt luôn. Anh không tự đi lại được, nên Kyôkô phải đưa anh ngay về nếp làng mà cha mẹ nàng đã tản cư lên. Nàng đã chuyển hầu hết đồ đạc, cả của mình lẫn của chồng, về trên ấy từ trước.

thuongmaitr

Chồng nàng thuê một ngôi nhà nhỏ nằm trên một vùng đồi núi để chữa bệnh. Ngoài hai vợ chồng, trong nhà còn có một gia đình tản cư, nhưng chiến tranh vừa chấm dứt, thì họ đã đưa nhau về lại dưới Tôkyô. Họ để lại cho Kyôkô một vườn rau nhỏ, vuông mỗi bề chừng sáu mét, đã lên luống sẵn.

Sống ở đây, giữa chốn thôn quê, hai vợ chồng có thể thừa sức mua đủ rau ăn của bà con dân quê quanh đây ; nhưng thời buổi này mà bỏ hoang một mảnh vườn như thế thì phí phạm quá, nên Kyôkô giờ đây ngày ngày vẫn cuốc xới dưới vườn và thích thú đứng ngắm những rau ráng nàng trồng nảy nở tươi tốt, đơm hoa, kết trái. Nàng mê mải với mảnh vườn chẳng phải vì muốn thỉnh thoảng được thoát khỏi cái giường mà người chồng ốm đang nằm, mà chỉ vì khâu vá và đan lát dễ khiến nàng buồn. Hơn nữa, việc chăm sóc mảnh vườn còn gieo vào lòng nàng những niềm hi vọng trong trẻo vào khả năng chồng nàng sẽ bình phục. Đó cũng là một cách kín đáo biểu lộ tình yêu của nàng đối với người chồng phận hẩm. Ngoài ra, nàng đã phải quanh quẩn bên chồng quá nhiều thì giờ rồi - những lúc ngồi đọc sách cho anh nghe. Thêm một lẽ nữa chắc hẳn vì quá mệt mỏi với việc chăm sóc

người ốm, nên Kyôkô bắt đầu có cảm giác là mọi thứ tuồng như đều đang ra đi mà chẳng bao giờ trở lại ; bởi vậy, nàng hi vọng rằng việc chăm sóc mảnh vườn sẽ trả lại cho lòng nàng sự thư thái.

Họ đưa nhau về đây hồi tháng Chín. Khi những người dân thủ đô trốn lên đây tránh nắng rời bỏ vùng này để về lại dưới đồng bằng, thì những trận mưa dầm lạnh lẽo thường có vào buổi đầu thu bắt đầu dồn dập kéo về. Nhưng một hôm, trước lúc hoàng hôn, chim chóc bỗng vui vẻ hót vang và bầu trời cao không gợn một bóng mây, Kyôkô bèn xuống thăm mảnh vườn rực sáng ánh nắng chiều và ngắm những luống rau mướt xanh như ngọc. Rồi nàng ngước mắt lên, nhìn theo những đám mây hồng đang thong thả trôi xuôi trên những đỉnh núi xa xa. Mải ngắm những bóng mây trôi, nàng không nghe thấy những tiếng gọi gắt gỏng của chồng từ trên lầu vọng xuống. Đến khi nghe thấy, nàng vội chạy lên, thậm chí còn chưa kịp phủi sạch đất cát bám trên tay.

– Tôi gào đến khản cả tiếng. Thế mà cô không nghe thấy à ?

– Anh thứ lỗi, em đang mải nghĩ.

– Vứt quách cái mảnh vườn ấy đi ! Kẻo không e có ngày tôi phải đến tắt thở vì gọi cô. Rồi mai mốt tôi không còn biết là cô đang ở đâu và đang làm gì nữa.

uongxua.vn

– Em chỉ quanh quẩn dưới vườn chứ có đi đâu đâu. Nhưng nếu anh muốn, em sẽ không xuống dưới ấy nữa.

Chồng nàng đã bình tâm lại.

– Em có nghe thấy tiếng chim sơn tước vừa hót không ?

Anh gọi nàng chẳng qua chỉ là để hỏi chuyện đó. Giữa lúc vợ chồng đang trò chuyện thì trong cánh rừng thưa cạnh nhà, chú sơn tước nọ lại cất tiếng hót lanh lảnh. Dải rừng lúc này đang cắt hình rõ nét trên nền trời chiều trong vắt, Kyôkô vẫn còn nhớ như in tiếng hót của chú chim sơn tước này.

– Ta sẽ sắm một cái chuông con - để anh gọi em dễ hơn. Tạm thời, em sẽ để bên đầu giường anh một món đồ gì đó. Khi nào cần đến em, anh cứ ném nó qua cửa sổ.

– Em định bảo anh vứt hết cốc chén từ trên gác này xuống chứ gì ? Nói dễ nghe nhỉ ?

Chồng nàng dẫu sao cũng không cấm nàng chăm bón mảnh vườn nhà.

Mãi đến lúc mùa đông khắc nghiệt và dài lê thê của vùng rẻo cao qua đi và mùa xuân bắt đầu sang, Kyôkô mới nghĩ ra cách giúp chồng nhìn thấy mảnh vườn rau bằng chiếc gương tay nhỏ.

Chao ôi, nàng sung sướng biết bao khi chiếc gương con bình dị ấy đã làm sống lại trước mắt người chồng đau yếu cả một thế giới cây cối tươi non mơn mởn trong dịp đầu xuân ! Giờ đây, chồng nàng thậm chí còn nhìn thấy cả việc Kyôkô lần bắt từng con sâu hại lá cho mỗi cọng rau. Nhưng dáng dấp của những con sâu ấy ra sao thì anh không nhìn thấy được, nên Kyôkô thường phải mang lên tận trên gác để chỉ cho chồng. Về sau, anh còn có dịp ngắm vợ cuốc lật đất vườn.

– Trong gương, anh thấy rõ cả lũ giun, lúc em cuốc lật đất lên, – anh nói thế với Kyôkô khi nàng lên gác. Thường thường, khi bóng nắng đã đổ dài trên mặt đất, thình lình nàng bỗng cảm thấy có một luồng ánh sáng rực rỡ rọi thẳng vào mặt mình. Nàng ngước nhìn lên thì thấy anh đang nằm trên gác, đặt chếch mặt chiếc gương lên để phản chiếu vầng mặt trời ngả bóng, rồi rọi thẳng xuống chỗ nàng. Anh bắt nàng may một chiếc quần rộng ống bằng một mảnh vải thô, còn giữ lại được từ những năm theo học ở đại học. Anh rất thích thú được ngắm nàng diện chiếc quần rộng ống màu xanh lơ điểm lấm tấm những nốt tròn trắng muốt ấy, để cuốc đất dưới vườn.

Kyôkô biết anh đang ngắm nàng trong gương, nhưng vì mải làm, nên lắm lúc nàng đã quên bẵng đi. "Mình đã thay đổi quá nhiều kể từ độ mới cưới nhau, hồi ấy, thậm chí mình còn ngượng ngập mỗi lần phô ra hai cái cánh tay để trần đến tận khuỷu" – Kyôkô hồi tưởng lại và tim nàng ấm áp hẳn lên.

Kể từ khi nước Nhật bắt đầu nếm mùi chiến bại, nàng không còn ngó ngàng gì đến son phấn bao giờ. Tiếp đó, nàng đâm ngượng mỗi lần ngồi vào bàn trang điểm vì chồng đang ốm đau, nên mãi sau ngày đi bước nữa, nàng mới thực sự bắt đầu mó đến phấn sáp, lược gương. Nàng nhận thấy son phấn đã làm nhan sắc nàng hoàn toàn đổi khác. Nàng thực sự trở thành một giai nhân khi vừa điểm trang xong. Cho nên, nàng tin rằng người chồng mới đã thực lòng thán phục nhan sắc nàng vào ngày đầu tiên, khi chỉ còn lại một mình hai vợ chồng.

Giờ đây Kyôkô không còn e thẹn nữa mỗi lần ngồi ngắm gương mặt mình trong gương sau lúc tắm gội. Nàng thấy mình xinh đẹp. Nhưng người chồng xấu số đã dạy cho nàng một cách cảm nhận về nhan sắc được phản chiếu trong gương, vốn khác hẳn với cách cảm nhận thường có của nhiều người, và nàng vẫn giữ gìn nó cho đến tận bây giờ. Giờ đây, chẳng phải nàng ngờ vực gì vẻ đẹp mà mình nhìn thấy trong gương. Nhưng dẫu sao nàng vẫn tin chắc cái được phản chiếu trong gương kia là một thế giới hoàn toàn khác.

Tuy thế, khi nhìn mình, rồi sau đó ngắm kĩ bóng mình phản chiếu trong gương, dẫu sao nàng vẫn không nhận thấy có một sự khác biệt nào, tương tự như sự khác biệt giữa bầu trời xám ngoét bên kia cửa sổ với bầu trời lấp lánh sắc bạc trong gương. Có lẽ, không thể cắt nghĩa điều đó đơn thuần bằng sự khác nhau về khoảng cách. Mà còn phải lưu ý đến một nhân tố rất hệ trọng nữa : niềm ham mê cháy bỏng, và tâm trạng ngao ngán của chồng nàng vốn bị bệnh tật giữ chịt trên giường. Chắc hẳn anh đã cảm thấy nàng xinh đẹp biết dường nào khi ngắm nàng trong chiếc gương con, lúc nàng làm lụng dưới vườn ! Giờ đây, Kyôkô không còn cách nào để biết đích xác chuyện ấy nữa. Nhưng hồi chồng nàng sống, nàng vẫn chưa hiểu ra điều đó.

Cả hình ảnh của chính nàng mà người chồng đau ốm từng nhìn thấy trong gương, cả sắc xanh của những đóa thủy tiên, cả màu trắng mát của những bông huệ nước, và bầy trẻ thôn quê nô đùa bên rìa ruộng, cả vầng mặt trời buổi sáng nhô lên trên những rặng núi tuyết xa xa... Hết thảy những thứ ấy, Kyôkô không những cố làm sống lại trong kí ức, mà còn nhớ nhung tha thiết đến nó, một thế giới khác hẳn mà xưa kia vốn là của riêng nàng và người chồng xấu số của nàng. Nàng cố nén cái tình cảm ấy trong lòng, một tình cảm mà bất cứ lúc nào cũng được bùng lên thành một nỗi khát khao mãnh liệt, vì không muốn người chồng hiện nay lo lắng thêm cho nên nàng buộc mình thường phải nghĩ đến cái tình cảm ấy như một cái gì rất đỗi xa xăm và chỉ chuyên dành cho một thế giới khác, không phải là cái thế giới đang hiện hữu.

Vào một sáng tháng Năm, Kyôkô bỗng được nghe trên máy thu thanh những tiếng hót của chim chóc sống trong rừng. Đó là một buổi truyền thanh trực tiếp từ một vùng rẻo cao, kế bên ngôi làng trong đó người chồng trước của nàng giã từ cuộc đời. Tiễn chồng đi làm xong, nàng liền lôi ngay trong ngăn kéo chiếc bàn trang điểm ra cái gương tay và bắt đầu ngắm bầu trời quang đãng trong gương. Rồi nàng ngắm cả khuôn mặt mình in hình trong ấy. Và thình lình nàng bỗng phát hiện ra một điều kì lạ : thì ra ai cũng có thể nhìn thấy mặt mũi của chính mình bằng cách ngắm nó trong gương ; ngoài cách ấy ra, không còn cách nào khác nữa hết. Từ đó trở đi, ngày nào Kyôkô cũng phải ngắm nghía và sờ nắn khuôn mặt của chính mình, để biết đích xác gương mặt in trong gương kia cũng chính là khuôn mặt mà mắt nàng nhìn thấy ngày ngày, không cần đến một chiếc gương nào. Nhưng vì lẽ gì mà con người do trời sinh ra lại bị tước đoạt mất cái bẩm năng thiết cốt là tự nhìn thấy được gương mặt của chính mình ?

"Nếu có được bẩm năng ấy, con người chắc sẽ hoàn toàn bối rối hoặc hoàn toàn mất trí chăng ?" – Nàng tự hỏi.

thuongmaitr

Không, chắc hẳn ngay từ buổi sơ khai, con người đã không được trời đất ban cho cái diễm phúc được nhìn thấy gương mặt chính mình. Ấy thế nhưng cái diễm phúc ấy có lẽ chuồn chuồn và bọ vái(4) cũng lại có được.

Chẳng lẽ con người cần có gương mặt chỉ là để cho người khác ngắm nghía hay sao ? Rõ ràng ở đây có một cái gì na ná như là những nguồn khêu gợi yêu đương...

Nàng gạt chiếc gương tay nhỏ ấy ra xa và bỗng bất thần nhận thấy màu sắc của gỗ dâu của chiếc bàn trang điểm chẳng hòa hợp tí nào với những đường nét chạm trổ theo kiểu Kamakura của chiếc gương tay nhỏ. Chiếc gương ngày trước, chiếc đã bị thiêu cháy cùng với thi thể chồng nàng, và cái bàn trang điểm này như thể hóa thành một quả phụ. Khi trao chiếc gương tay ấy và chiếc gương con gắn trong cái xắc nhỏ cho chồng, nàng đã mang đến chẳng những điều lành, mà cả điều dữ nữa. Vì ngày ngày anh cũng nhìn thấy trong hai chiếc

gương ấy cả sắc mặt của chính mình, và nhận ra hết cái triệu chứng này đến triệu chứng khác của căn bệnh đang tiến triển hiện rõ trên khuôn mặt và những dấu hiệu của cái chết đang đến gần. Nếu có một kiểu mưu sát bằng tâm lí nhờ sử dụng gương soi, thì cái chết của anh ấy phải chăng là do chính nàng gây nên ? Trước đó khá lâu nàng đã nghĩ đến cái điều dữ ẩn giấu trong chiếc gương và thậm chí nàng đã mưu toan đem cất nó đi, nhưng chồng nàng cứ khăng khăng cự tuyệt.

– Em định tước đoạt của anh niềm vui được nhìn ngắm mọi thứ xung quanh, – chồng nàng bảo, – nhưng anh thì chừng nào còn sống, anh còn muốn được hưởng cái thú vui thưởng ngoạn hết thảy những gì mắt mình có quyền được nhìn thấy !

Anh đã hi sinh đời mình để đem lại sự sống cho cái thế giới hiện hữu trong gương. Anh đã mê mải ngắm trong gương bóng vầng trăng in hình trong vũng nước mưa đọng lại dưới sân. Và kỉ niệm về vầng trăng soi bóng dưới đáy nước ấy - phải chăng đó chỉ là hình bóng phản chiếu trong gương ? - Kyôkô vẫn còn giữ mãi trong lòng cho đến tận bây giờ.

– Chỉ những ai khỏe mạnh mới có được tình yêu lành mạnh, – người chồng sau của nàng thường bảo vậy, và lần nào nghe nói thế, Kyôkô cũng ngượng nghịu gật đầu, nhưng ở đâu đó trong đáy lòng mình, nàng hoàn toàn không chấp nhận điều này. Lúc đầu, nàng tự trách mình : sao lại dại dột đi chối bỏ những dịp gần gũi với người chồng đau yếu ? Vì dẫu có làm thế chăng nữa cũng đâu cứu sống được anh ấy ! Nhưng những ý nghĩ ấy dần dà đã biến thành những hoài niệm về một mối tình sầu muộn, nên về sau nàng mới nghĩ rằng : Khi mà nó đã trở thành hoài niệm, thì trong lòng nàng vẫn dào dạt yêu đương như xưa và nàng không còn tự quở trách mình.

Còn về người chồng mới ?... Có phải vì quá nông nổi, nên anh khó lòng thấu hiểu tình cảm yêu đương của người phụ nữ chăng ?!

– Tại sao một người đầy nhân đức như anh mà lại nỡ bỏ rơi người vợ cũ ? – Có lần Kyôkô ướm hỏi anh ta vậy. Anh ta nín thinh. Kyôkô sở dĩ chịu lấy anh ta chẳng qua chỉ vì nàng đã nghe theo lời khuyên ân cần của

anh trai người chồng cũ. Trước ngày cưới, nàng và người anh trai ấy đã thường xuyên gặp gỡ nhau trong suốt bốn tháng ròng. Chồng mới của nàng hơn nàng những mười lăm tuổi.

Khi Kyôkô bắt đầu biết mình sắp có con, nàng đã hết sức hoảng sợ. "Em sợ lắm, em sợ lắm", – nàng vừa nhắc đi nhắc lại câu ấy, vừa ôm ghì lấy cổ chồng. Khổ sở cho những cơn buồn nôn của thời kì thai nghén hành hạ, đầu óc nàng như mụ hẳn đi. Nàng thường chạy chân trần ra sân, vơ lấy một nắm lá thông, rồi cho vào miệng ngấu nghiến nhai. Khi sắp xếp đồ lề cho cậu con chồng đi học, nhiều hôm, nàng đã cho vào cặp nó những hai hộp đồ ăn điểm tâm, mà chẳng hiểu sao trong cả hai hộp chỉ thấy toàn cơm... Có lúc nàng bỗng nhìn chằm chằm vào cái ngăn kéo của chiếc bàn trang điểm, và nàng bất thần có cảm giác mặt bàn trở nên trong suốt, đến nỗi nàng có thể nhìn rõ được cả chiếc gương tay với cái khung chạm trổ theo lối Kamakura, nằm bên trong. Có lần, đang nửa đêm nàng bỗng thức giấc và ngồi dậy nhìn chòng chọc hồi lâu vào khuôn mặt người chồng đang ngủ cạnh nàng. Kinh hoàng với cái kiếp phù sinh của con người, nàng cởi dải thắt lưng chiếc kimônô mặc ngủ ra : có lẽ nàng định thít chặt lấy cổ người chồng đang ngủ. Và bất thần nàng bỗng trào nước mắt. Người chồng tỉnh giấc, âu yếm dỗ dành nàng, rồi buộc giúp lại dải thắt lưng. Kyôkô run bắn người lên vì cảm thấy lạnh, tuy rằng đang là giữa hè và đêm đêm thậm chí trời vẫn còn oi bức như đang lúc giữa trưa.

– Phải nghĩ đến đứa con trong bụng chứ, Kyôkô – người chồng vừa lay vai nàng, vừa dỗ dành âu yếm.

Thầy thuốc khuyên nên đưa ngay nàng vào bệnh viện. Kyôkô từ chối nhưng rồi cuối cùng người ta đã thuyết phục được nàng.

– Được, em sẽ vào, nhưng trước lúc vào, hãy để cho em về thăm lại thầy mẹ vài hôm, – nàng bảo chồng.

Người chồng đích thân đưa nàng đi.

Hôm sau, nàng đã một mình lên ngay cái nơi mà nàng và người chồng cũ đã từng chung sống trước đây. Đang là đầu tháng Chín - hồi vợ chồng đưa nhau lên đây họ cũng bị trễ mất khoảng mươi hôm. Lúc ngồi trên tàu, nàng lại bị những cơn buồn nôn tai ác và những cơn nhức đầu như búa bổ làm tình làm tội. Thậm chí nàng lo sợ sẽ phải bỏ dở giữa chừng cuộc hành

thuongmaitr

trình nàng từng ao ước này. Nhưng rốt cục nàng cũng đã đến nơi, và khi bước xuống sân ga, hít thở một hơi dài đầy lồng ngực làn không khí tươi mát ở đây, nàng vụt cảm thấy dễ chịu. Nàng bừng tỉnh lại - như thể cái bóng ma vẫn ám ảnh nàng lâu nay phút chốc đã tan biến hoàn toàn. Kyôkô dừng lại và ngước nhìn những ngọn núi chung quanh, lòng dào dạt một cảm xúc khác lạ. Những rặng núi xanh thẫm cất hình rõ rệt trên nền trời. Kyôkô cảm thấy như được sống lại giữa một thế giới sinh động. Lau khô những giọt nước mắt nóng bỏng ràn rụa trên đôi mắt mình, nàng thong thả tiến về phía ngôi nhà hai vợ chồng nàng từng chung sống bên nhau. Từng dải rừng thưa đã thẫm bóng trong bầu trời đỏ rực buổi chiều hôm, tiếng chim sơn tước rít rít lại vọng đến tai nàng y như ngày chồng nàng còn sống.

Ngôi nhà đã có người khác ở : trong khung cửa sổ trên gác đang bay phất phơ một tấm rèm bằng đăngten trắng. Không dám đến gần, Kyôkô chỉ ngước nhìn lên và bất thần buột ra một câu nói khẽ, mà hẳn chồng nàng cũng phải ngạc nhiên :

– Ta sẽ làm gì hả anh, nếu đứa bé em đang mang trong bụng nó giống anh ?

Và lòng thanh thản, Kyôkô quay gót trở lại nhà ga.

uongxua.vn

NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG dịch
(*Đốm lửa lạc loài*. NXB Văn nghệ
TP. Hồ Chí Minh, 1988)

Chú thích

(1) *Kamakura* : một kiểu chạm trổ kết hợp với lối đánh bóng bằng sơn đen. (2) *Tandaku* : thứ giấy dài, khổ hẹp, dùng để chép những bài thơ tiểu tanka. (3) *Mori* : tiếng Nhật có nghĩa là rừng thưa. (4) *Bọ vải* : tên một ngành sâu bọ sống ở các vùng phía nam, thường hay đứng ở tư thế gục đầu, hai chân trước khoanh lại, như người đang quỳ lạy trong lúc cầu nguyện.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Chiếc gương tay ban đầu Kyôkô dùng để soi ngắm lọn tóc sau gáy nàng. Nhưng sau đó nàng đã trao nó cho người chồng bệnh tật.

Và anh đã dùng chiếc gương tay ấy để soi ngắm thế giới. Anh đã nhìn thấy những gì ? Và Kyôkô nghĩ gì về tác dụng của gương soi trước và sau cái chết của người chồng bệnh tật ?

2. Thời gian trong truyện đã không được kể ra theo trình tự thông thường. Vậy hãy thử sắp xếp lại diễn biến sự việc theo trình tự trước - sau để thấy tác giả đã tạo ra thời gian nghệ thuật bằng cách nào ?

AMAĐÔ

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Gioocgi Amađô (Jorge Amado), sinh năm 1912, người Braxin, là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của văn học Mĩ Latinh thế kỉ XX. Để có thêm điều kiện tìm hiểu về nhà văn này, trước hết cần giới thiệu đôi nét về văn học Mĩ Latinh - một nền văn học còn mới đối với nước ta.

MẤY NÉT VỀ VĂN HỌC MĨ LATINH

Văn học Mĩ Latinh bao gồm văn học của những nước nói thứ tiếng thuộc dòng ngôn ngữ Latinh trên lục địa châu Mĩ. Nền văn học này có nhiều thành tựu lớn, rất độc đáo, nhiều hương sắc, nở rộ trên cả một lục địa bao la. Nó bao gồm chủ yếu văn học của 19 nước nói tiếng Tây Ban Nha là Achentina, Paraguay, Uruguay, Chilê, Pêru, Bôlivia, En Xanvađo,

Vênêduêla, Côlômbia, Goatêmala, Ônđurat, Côsta Rica, Panama, Đôminicana, Puectô Ricô, Cuba, Nicaragoa, Mêhicô, Êcuađo, một nước nói tiếng Bồ Đào Nha là Braxin và một nước nói tiếng Pháp là Haiti.

Văn học Mĩ Latinh rất trẻ, đang ở thời kì sung sức. Văn học viết của khu vực này chỉ mới ra đời vào thế kỉ XVI và mãi đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX mới trở nên phát đạt. Hình thành và phát triển trong những hoàn cảnh tương tự nhau, gần như chung một thứ tiếng, văn học các nước ở khu vực này nhận ảnh hưởng qua lại lẫn nhau rất rõ rệt.

Uống chung nguồn sữa mẹ là nền văn học Tây Ban Nha, văn học Bồ Đào Nha, đến cuối thế kỉ XIX đầu XX, văn học Mĩ Latinh tìm được đường đi riêng cho mình, không lặp lại bất cứ một ai. Có thể ví nó như một thanh niên cường tráng giơ tay vẫy chào từ biệt quá khứ để đi nhập vào với văn hóa thế giới văn minh, hiện đại.

tuongxua.vn

Thành tựu nổi bật của văn học Mĩ Latinh thế kỉ XX được ghi nhận ở hai thể loại : tiểu thuyết và thơ.

Tiểu thuyết Mĩ Latinh tự khẳng định mình, chiếm lĩnh tình cảm của người đọc trên khắp hành tinh từ những năm 50 - 60 thế kỉ này bằng một loạt tác phẩm thuộc trường phái hiện thực huyền ảo. Nó tạo nên sự chú ý rộng rãi do những đổi mới trong nghệ thuật tiểu thuyết, khai thác những đặc điểm của một vùng nhiều dân tộc, khác màu da, có các nền văn hóa dị biệt.

Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo là một trào lưu trong tiểu thuyết Mĩ Latinh hiện đại từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trường phái này nhìn nhận thực tại không chỉ có các hoạt động của con người tác động vào thế giới xung quanh mà còn bao gồm cả ý niệm tinh thần, tiềm thức, ảo giác, huyền thoại, truyền thuyết, thần thoại. Cốt lõi trong thi pháp là việc vận dụng khái niệm thời gian đa chiều, nhiều tuyến. Cái quá khứ sống với quy luật của hiện tại và ngược lại, cái hiện tại phải tuân theo quy luật của quá khứ.

Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo là một bước phát triển mới của chủ nghĩa hiện thực, một bằng chứng thuyết phục để nói lên tiểu thuyết hiện đại không đi vào ngõ cụt mà vẫn tiếp tục phát triển. Cùng với Amađô có thể kể thêm một số gương mặt nhà văn khác mà tên tuổi của họ được cả thế giới biết tới như Axturiat (Goatêmala), Macket (Côlômbia), Cacpênhtiê (Cuba)... Tác phẩm tiêu biểu vào bậc nhất cho khuynh hướng này là tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* của Macket. Tác phẩm được tặng giải thưởng Nôben về văn học năm 1982.

Về thơ, phải kể đến những tên tuổi như nữ thi sĩ Gabriela Mixtơran, Pablô Nêruđa (Chilê), Ôctavio Pat (Mêhicô). Cả ba người đều đã được trao giải thưởng Nôben về văn học. Bên cạnh họ còn có các nhà thơ lớn khác, những người đã in đậm dấu ấn riêng vào cả nền thơ ca bằng tiếng Tây Ban Nha như Ruben Đariô (Nicaragoa), Nicôlat Ghiden (Cuba), Sêsa Vagiêhô (Pêru)... Những vấn đề mà văn học tiến bộ Mĩ Latinh đặt ra là những vấn đề nóng bỏng, có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của cả một châu lục đã và đang có nhiều bão táp, nơi đầy ắp sự dồn nén. Cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân - đế quốc hôm nay, được đặt ra trong văn học Mĩ Latinh trên một bình diện rộng lớn và sâu sắc. Phong trào giải phóng dân tộc chống độc tài, giải phóng người da màu, chống đói nghèo, đòi xóa những món nợ khổng lồ của nước ngoài, đòi độc lập - tự do - dân chủ, đòi quyền con người... đã được miêu tả khá toàn diện, sắc sảo và độc đáo.

NHÀ VĂN LỚN CỦA BRAXIN

Amađô sinh trưởng trong một gia đình điền chủ ở Baia, một thành phố xinh đẹp thuộc tỉnh Xăng Xanvađo, miền bắc nước Braxin. Là một người da trắng vốn thuộc dòng dõi thượng lưu giàu có (về sau gia đình sa sút), Amađô còn là một đảng viên cộng sản, có mối liên hệ gần gũi với người lao động da đen, da màu bình dị, năng động tham gia các hoạt động chính trị, xã hội. Trước khi thành nhà văn nổi tiếng, ông đã trải qua một số nghề như thợ in, viết báo và là sinh viên đại học.

Ở thời kì sáng tác đầu tiên, thái độ dấn thân vào các hoạt động chính trị, xã hội của nhà văn bộc lộ rõ trong các tác phẩm chính như *Ca cao* (1932), *Mồ hôi* (1934), *Biển chết* (1936)... Ở đây, tác giả khai thác những mâu thuẫn gay gắt của xã hội nhằm phanh phui hiện thực khắc nghiệt của đời sống.

Sau thời gian bị cầm tù do tham gia Mặt trận giải phóng (1937 - 1938), Amađô ra sống ở nước ngoài. Vào những năm 40 - 50 của thế kỉ XX, ở Mĩ Latinh, trào lưu văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa có ảnh hưởng sâu rộng. Tích cực tham gia trào lưu này, Amađô hướng ngòi bút vào miêu tả cuộc đấu tranh đòi quyền sống của nhân dân bị áp bức dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản. Những tác phẩm chính là : *Kị sĩ của những niềm hi vọng, Cuộc đời của Luy Caclôx Prextex* (1942), *Đất dữ* (1943), *Tấc đất tấc vàng* (1944).

Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, ông trở về nước tham gia vào cuộc đấu tranh mới, có lúc ở cương vị nghị sĩ cộng sản trong quốc hội Braxin. Hai tác phẩm đáng lưu ý nhất của ông trong thời gian này là : *Những con đường đói khát* (1946), *Tự do trong bí mật* (1954).

uongxua.vn

Từ cuối những năm 50 trở đi có thể coi là thời kì mới của sáng tác Amađô. Sau một thời gian hoài nghi sự đúng đắn của quan điểm tư tưởng chính trị và nghệ thuật của mình, nhà văn trở lại sáng tác về đời sống quê hương Baia. Ông đi vào phân tích, phê phán những mặt trái của nền đạo đức tư sản, đả kích hiện tượng lưu manh hóa của tầng lớp thị dân, châm biếm các khuyết tật của giới tiểu tư sản thành thị. Những tác phẩm chính về đề tài này là : *Gabrien* (1958), *Những thủy thủ già* (1959 - 1961), *Đôna Phlo và hai người chồng* (1966), *Xưởng phép lạ* (1969).

Tác phẩm *Têrêda* (1972) lên tiếng bênh vực một nhân cách phụ nữ dũng cảm, ca ngợi tình yêu chân chính.

Tiểu thuyết của Amađô là cuốn bách khoa phản ánh sinh động nhiều mặt đời sống xã hội Braxin. Hình tượng người lao động da đen,

da màu vươn lên đấu tranh chống bất công được trân trọng đưa vào văn học. Ý nghĩa lớn toát lên từ tác phẩm của ông là tinh thần nhân đạo sâu sắc, đặc biệt là khi nhà văn đề cập đến những vấn đề dân tộc, màu da, giai cấp theo quan điểm tiến bộ. Những năm gần đây, Amađô càng khẩn thiết kêu gọi xóa bỏ tận gốc tệ phân biệt chủng tộc, thói kì thị dân tộc và tuyên bố tự nguyện cả đời phấn đấu cho lí tưởng đó.

Nét nổi bật trong thi pháp tiểu thuyết Amađô là sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa tính hiện thực với các yếu tố văn hóa dân gian đầy chất thơ của miền nam châu Mĩ.

Ở Việt Nam, tác phẩm của Amađô đã khá quen thuộc với bạn đọc. Cho đến nay, nhiều cuốn tiểu thuyết của ông đã được dịch và xuất bản với số lượng lớn : *Ca cao, Biển cả và ái tình* (nguyên bản là *Biển chết*), *Đất dữ, Những con đường đói khát, Têrêda*...

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

thuongmaitr

1. Hãy nêu một vài nét về văn học Mĩ Latinh.

2. Nêu những giai đoạn sáng tác chính của Amađô.

3. Thử phân tích một tác phẩm của Amađô mà anh (chị) đã đọc.

TÊRÊDA(1)

TÓM TẮT TIỂU THUYẾT

Do hoàn cảnh gia đình éo le, Têrêda (nhân vật chính của tác phẩm, gọi thân mật là Têta) ngay từ nhỏ đã bị gán làm nô tì, rồi bị làm nhục. Một lần, phải lựa chọn giữa sự sống và cái chết, cô đã vùng dậy giết tên đại úy chủ đồn điền. Sau đó là cả một chuỗi ngày long đong, chìm nổi. Têrêda dũng cảm, nhiệt thành tham gia vào cuộc chiến đấu chống dịch đậu mùa đen, căn bệnh hiểm nghèo đã cướp đi nhiều sinh mạng ở một vùng nông thôn xa thành phố.

Hiện thực phũ phàng đã hơn một lần đẩy Têrêda vào nhà chứa, nếm đủ bao nỗi đắng cay. Một trong những ân nhân đã cứu cô ra khỏi nhà chứa là bác sĩ Êmilianô - một người vô cùng kính trọng và yêu Têrêda tha thiết. Nhưng rồi Êmilianô không qua được một căn bệnh hiểm nghèo.

Têrêda có một tình yêu trong sáng, nồng cháy với chàng thủy thủ da màu tên là Gianuariô (gọi thân mật là Gianu). Trớ trêu thay, chàng đã có vợ và người vợ ấy đang ốm liệt giường bởi một căn bệnh không thể nào chữa được. Gianuariô đã xử sự như một người đàn ông chân chính, đích thực. Sau khi người vợ qua đời, anh lại long đong trên biển cả để kiếm sống, đi qua không biết bao nhiêu hải cảng. Têrêda đợi chờ, mong ngóng tin anh. Tin lành chẳng thấy, chỉ có tin dữ gắn với các tai họa bay về. Cuối cùng chàng thủy thủ với con tàu đã cập bến trong niềm xúc động lớn lao của hai người yêu nhau.

Trong thư gửi cho nhà xuất bản Braxin, chính tác giả giới thiệu về Têrêda như sau :

"Cô ấy đã nếm trải vô vàn những điều tồi tệ nhất trong cuộc đời, nhưng cô ấy không thất vọng. Mệt mỏi vì tranh đấu quá nhiều, một lần cô ấy đã định chấm dứt mọi chuyện, hạ vũ khí xuống và chôn vùi mình trong những công việc gia đình. Nhưng chỉ vừa mới có một lần gió từ ngoài vịnh thổi vào, chỉ vừa mới nghe thấy tiếng còi của con tàu - tiếng gọi của người thủy thủ, là cô liền như tỉnh ra, sẵn sàng ra khơi dưới cánh buồm tự do".

Và mở đầu cuốn sách, Amađô còn viết : "Đói khát và dịch bệnh, chết chóc và đấu tranh, nhưng trước hết là tình yêu, đó là cuộc đời của Têrêda Batixta trong câu chuyện đơn giản này".

Chú thích

(1) *Têrêda* : tiểu thuyết 2 tập của Amađô. NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987. Vũ Đình Bình dịch theo bản tiếng Nga trong tạp chí *Văn học nước ngoài*. Matxcơva, số 11 - 12 năm 1975. Nguyên bản : *Tereza Batista cansada de guerra (Têrêda Batixta mệt mỏi vì tranh đấu)*.

Hai đoạn trích dưới đây nằm ở phần đầu tập I, được đánh số 7 và 11. Đầu đề của cả hai đoạn là do người biên soạn đặt.

tuongxua.vn

TÌNH YÊU NƠI BIỂN CẢ

7

Chà ! Têrêda thốt lên trong một hơi thở dài. Họ ngồi xuống cát và lặng đi trong vòng ôm nồng nàn, các đợt sóng mơn trớn chân họ, còn phía trên họ đang hửng lên ánh bình minh có màu sắc giống như màu da của Gianuariô. Cuối cùng thì Têrêda đã hiểu được rằng mùi tỏa ra từ ngực anh cabôclô[1] cao lớn là hương thơm đậm đà của biển, hương thơm và phong vị của biển cả.

– Tại sao anh không ham muốn em ? – Têrêda hỏi khi họ nắm tay nhau chạy trên bãi cát để tới một chỗ nào xa chiếc ô tô trong đó có anh lái xe đang ngáy khò khò.

– Tại vì anh yêu em và anh khao khát em ngay từ khoảnh khắc đầu tiên khi anh trông thấy em giữa lúc cuộc ẩu đả đang diễn ra dữ dội. Ngay khi đó anh đã đầu hàng, anh đã bị tình yêu đánh quỵ. Chính vì vậy anh mới lẩn tránh em, sợ hai tay anh lại cứ mở máy, anh phải mắm chặt môi lại để bắt trái tim phải im đi. Anh muốn được yêu em suốt đời, chứ không phải chỉ trong giây lát - trời, giá anh có thể đem em theo về ngôi nhà của chúng ta, đeo chiếc nhẫn cưới vào ngón tay em, giá anh có thể đem em theo vĩnh viễn nhỉ ! Trời, điều đó lại không thể được.

– Nhưng tại sao lại không được, anh thuyền trưởng Gianuariô ? Có nhẫn hay không có nhẫn - với em nào có ý nghĩa gì đâu. Ở trong ngôi nhà của chúng ta và vĩnh viễn, cái đó mới quan trọng. Còn về phần em, thì em hoàn toàn tự do, không một điều gì ngăn giữ em được, và em không muốn một điều gì khác.

– Anh không được tự do. Têta yêu quý. Anh đã có xích xiềng ở chân : đó là vợ anh, và anh không thể bỏ cô ấy, cô ấy đang bị bệnh nặng. Anh đã lấy cô ấy từ trong ngôi nhà của bố cô ấy, tại đó cô ấy có tất cả mọi thứ, có cả chồng chưa cưới là một thương gia. Cô ấy đối với anh bao giờ cũng tốt, cô ấy chịu đựng mọi khó khăn mà không kêu ca phàn nàn gì, lúc nào cô ấy cũng làm việc và mỉm cười, mỉm

cười ngay cả khi hai vợ chồng không có gì ăn. Nếu như anh có thể mua được một chiếc thuyền buồm, thì đó là nhờ cô ấy đã vay nợ, đã cặm cụi làm việc bên bàn máy khâu suốt ngày suốt đêm. Cả đời lúc nào cô ấy cũng gày gò ốm yếu. Cô ấy mắc bệnh lao, cô ấy muốn có con, nhưng không được. Không bao giờ cô ấy phàn nàn một lời nào. Tất cả số tiền anh kiếm được bằng cách chạy thuyền buồm đều đem mua thuốc thang và trả công bác sĩ để kéo dài bệnh thôi, chứ không đủ để chữa bệnh. Lúc nào hai vợ chồng anh cũng thiếu tiền em ạ. Khi anh đưa cô ấy ra khỏi nhà bố mẹ cô ấy, anh chỉ là một kẻ lang thang ở cảng, anh không có một tấc đất cắm dùi, anh không có cả trí khôn. Cô gái mà anh yêu và anh ham muốn ấy, cô gái anh đã cướp mất của gia đình, đã cuỗm trên tay gã chồng chưa cưới giàu có ấy xưa kia là một cô gái khỏe mạnh, vui tươi kháu khỉnh. Bây giờ cô ấy bệnh tật, buồn rầu và xấu xí nhưng tất cả những gì cô ấy có, - đó là anh, cô ấy không có gì nữa, không có ai nữa, cho nên sẽ không bao giờ anh quăng cô ấy ra đường, ra rãnh. Anh khao khát em không phải trong một ngày, cũng không phải trong một đêm - anh muốn có em mãi mãi mà không thể được. Anh không thể hứa hẹn điều gì, tay anh đã bị còng, chân anh đã bị xích. Bởi vậy anh mới không đụng chạm đến em, anh mới không nói với em rằng em là tình yêu của cả cuộc đời anh. Chỉ có điều anh không đủ can đảm để bỏ đi ngay lập tức, không quay trở lại với em nữa, anh muốn giữ mãi hình ảnh em, gương mặt đen giòn của em trong tâm hồn anh, anh muốn thầm cảm thấy sức nặng của bàn tay em, muốn nhớ lại thân hình thon thả của em, cặp đùi xinh đẹp của em. Để hồi ức về em an ủi anh trong những chuyến đi, để khi nhìn kĩ biển cả, anh có thể trông thấy em trong đó.

– Anh là một người trung thực. Gianu ạ, anh nói đúng như một người đàn ông thực sự. Gianu, anh Gianu bị xiềng của em, thật tiếc là chúng ta không thể ở hẳn, ở vĩnh viễn trong ngôi nhà của chúng ta cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay. Nhưng nếu chúng ta không thể lúc nào cũng sống cùng nhau, thì chúng ta sẽ sống cùng nhau một ngày, một giờ, một phút thôi vậy ! Một ngày, hai ngày, gần một tuần lễ ư, đối với em ngày đó, hai ngày đó, tuần lễ ngắn ngủi đó có nghĩa là cả cuộc đời đã được nhân lên với những giây, những giờ, những ngày yêu đương, dù cho sau này em có phải dằn vặt vì buồn rầu, ham

tuongxua.vn

muốn, cô đơn và có phải đau khổ mơ ước tới anh thâu đêm chăng nữa. Về sau em có bị trừng phạt cũng được, nhưng em muốn sống cùng anh ngay bây giờ, ngay phút này, lập tức, luôn khoảnh khắc này, không trì hoãn gì hết. Bây giờ và ngày mai, ngày chủ nhật, ngày thứ hai và ngày thứ ba, buổi tối và ban đêm, bất kì giờ nào, bất kì ở đâu em cũng chỉ muốn đắm mình quên lãng trong vòng tay anh. Cho dù sau này con bé khốn khổ là em đây có bị đau khổ, bây giờ em cũng vẫn muốn được sống cùng anh, Gianuariô Giôrêba, một thuyền trưởng, một chàng trai cao lớn, một con đại bàng của biển cả, số phận oan nghiệt của em...

Biển cả mênh mông vô tận - khi thì màu lục, khi thì màu lam, khi thì màu lục pha lam, khi thì màu sáng, khi thì màu sẫm, khi thì vừa sáng lại vừa sẫm, rồi nào màu xanh da trời, nào màu dầu ô liu, nào màu mưa rơi, và dường như biển vẫn còn ít, Gianuariô còn đặt làm thêm cả mặt trăng bằng vàng và bằng bạc nữa, giống hệt một chiếc đèn trời lơ lửng trên hai tấm thân quấn chặt lấy nhau trong tình yêu say đắm. Lúc đến đây họ là hai, nhưng bây giờ họ chỉ là một trên bãi cát bờ biển và được những làn sóng dịu dàng trìu mến che chở cho.

thuongmaitr

Têrêda có cặp môi đẫm nước, tóc được biển chải mượt, bộ ngực cao, cái rốn hình ngôi sao, khắp người đầy rong biển - ôi tình yêu của em, mong sao em được chết đi trên bờ biển, biển *xacgaxôp* của anh, biển cả của anh, nơi có thể chia lìa nhau và bị nạn đắm tàu, ai mà biết được, không chừng đến một lúc nào đó em sẽ bị trượt khỏi đuôi thuyền của anh, ngã xuống chết đuối trong biển Baia của anh thì sao ? Gianu, cặp môi mằn mặn của anh, bộ ngực nở nang của anh, trên cột buồm của anh là cánh buồm căng phồng, trên ngọn sóng em đã lại sinh ra lần nữa, em là cô gái trinh nữ của biển, là người yêu và vợ góa của chàng thủy thủ, là chuỗi dài những vệt nắng trên mặt nước, là đám bọt trắng xóa và là tấm khăn voan u sầu, ôi, tình yêu biển cả của em !

Chú thích

(1) *Cabôclô :* người lai da trắng và da đỏ.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Têrêda và Gianuariô rất yêu nhau, nhưng vì sao Gianuariô không được tự do đáp lại tình cảm nồng nàn của người yêu ?

2. Qua đoạn trích, thử phân tích diễn biến tình cảm của Têrêda và Gianuariô.

3. Anh (chị) hiểu như thế nào lời nhận xét của Têrêda về người yêu của mình : "Anh là một người trung thực. Gianu ạ, anh nói đúng như một người đàn ông thực sự" ?

TÊRÊDA – NGÔI SAO CỦA ĐIỆU NHẢY XAMBA

11

Chiếc răng vàng, trái tim băng giá, ngọn lửa capôâyra, Têrêda - Ngôi sao Xamba rạo rực, nữ hoàng lộng lẫy của điệu nhảy - cuối cùng đã biểu diễn buổi đầu tiên ở quán "Pari vui vẻ", dưới tầng một của tòa nhà "Vitican" trong thành phố Aracagiu, đối diện với bến cảng, nơi chiếc thuyền "Ventania" của Gunđa thả neo hôm nọ. Hãy còn vang lên tiếng vọng những âm thanh ồm ồm của chiếc loa mà thuyền trưởng Gianuariô hét vào đó lúc chia tay - anh đến đây là để kiếm thêm chút tiền và để dùng tình yêu chinh phục cô gái đang cố an ủi trái tim mình dần dần trở về với cuộc sống. Người đã dạy cô các nhịp Xamba Ănggôla là anh, sứ giả của những vũ hội trá hình aphôsê, nhân vật chiến thắng trong các cuộc nhảy múa.

tuongxua.vn

Kể từ ngày tưng bừng khánh thành quán rượu cách đây một năm, chưa bao giờ gian phòng của "Pari vui vẻ" lại đông khách đến thế, chưa bao giờ giới thanh niên tinh hoa của Aracagiu lại vui tươi nhộn nhịp hơn thế. Trong âm thanh chói tai của "Ban nhạc *Jazz* nửa đêm", các cặp trai gái chen chúc nhau trên sàn nhảy. Tất cả các bàn đều xếp đầy bia, rượu *cốc tay, cô nhắc* địa phương, *uytxki* giả, còn đối với những người chuộng mốt thì có rượu vang *Riô - Grandê*. Tất cả những người hâm mộ Têrêda đều đã tề tựu đông đủ : họa sĩ Giênne

Auguxtô với cặp mắt hõm xuống vì buồn rầu ; thi sĩ Giôđê Xaraiva với những vần thơ u hoài - bệnh lao và bông hoa trên tay ngắt được ; nha sĩ Giamin Nagia, pháp sư chuyên trồng răng giả ; ông luật sư với vẻ mặt hân hoan, bác sĩ Lulu Xantôt, cũng như ông chủ quán hạnh phúc, người tấp tểnh muốn được âu yếm vuốt ve Ngôi sao, ông Phlôrianô Pêrâyra, cũng tức là Phlôri Lêgiêbôca.

Ngoài bốn người được nêu đích danh, còn có vài chục trái tim rạo rực khác đang rực cháy niềm say mê đối với Nàng Mục đồng Xamba Thiên thần (Têrêda được gọi như vậy trên những tấm áp phích nhiều màu sắc), chưa kể một số người vì giữ kẽ, có khi là vì khiêm nhường, không thể trực tiếp đến quán để vỗ tay hoan hô buổi biểu diễn đầu tiên của Miss Xamba (các tấm áp phích của Phlôri còn gọi cô như thế nữa). Một người yêu cầu chỉ giới thiệu ông ta thôi : đó là ông thượng nghị sĩ kiêm nhà công nghiệp, theo ý kiến của nhà kinh tế và bà già Ađian... thì ông ta là người giàu có nhất ở bang Xecgipê. Vêrêranda ngự bên chiếc bàn ở cạnh sàn nhảy, kèm theo là một lũ gái nhí nhố của bà ta. Bà ta đến xem biểu diễn là để mang lại niềm vinh dự cho những người có mặt ở đây. Một nhân vật có thế lực đã nói miệng với bà ta, trao cho bà ta toàn quyền được bắt tay vào hành động, mất bao nhiêu cũng được ; miễn sao nàng mĩ nữ bằng lòng về nghỉ ở một chỗ kín đáo trong ngôi nhà của bà chủ. Nếu cô gái gây được một ấn tượng tốt đẹp, đáp ứng được tất cả mọi đòi hỏi khắt khe, mà chắc là sẽ như thế thôi, thì từ nay nhân vật quan trọng sẽ bao cô ta : cho cô ta nhà cửa, thức ăn thức uống, tài khoản ở các cửa hàng, quần áo sang trọng của một nàng hầu non, kẹo sôcôla, đồng hồ vàng, nhẫn có kim cương (tất nhiên là hạt kim cương không to lắm), thậm chí cho cô nuôi cả nhân tình riêng trong trường hợp cần thiết.

Ở một nơi nào đó trong vùng Manga Xêcô, con thuyền "Ventania" đang bơi trên biển, những lớp sóng vỗ vào mạn thuyền, ngọn gió nam xô thuyền bập bềnh. Ơi, Gianu yêu quý, lúc nước triều lên, con đường đầy rẫy chết chóc, đêm tối mịt mùng trống rỗng. Em không muốn nhận một lời đề nghị nào, không muốn nghe một tiếng vỗ tay nào, em không cần một đồng tiền, cũng không cần lão đại tá xin bao em, em căm ghét bọn nhân tình sống nhờ vả, em không muốn nghe thấy

những vần thơ của nhà thi sĩ, em yêu bộ ngực vạm vỡ thơm mùi biển của anh, cặp môi đượm vị muối và vị gừng của anh. Ôi, Gianu không thể nào quên được của em !

Kìa, đèn trong quán đã tắt hết, đồng hồ đã điểm mười một giờ tối. Dàn nhạc *Jazz* gầm lên, rồi kèn coonê báo hiệu lúc cô ra, báo hiệu sự xuất hiện của Ngôi sao Xamba rạo rực. Ánh sáng đỏ tía của gương phản xạ chiếu xuống sàn nhảy : Têrêda trong chiếc váy rộng và tấm áo thêu, cô gái Baia đi đôi găng đen, đeo chuỗi ngọc, vòng bạc của Giôga Pooctô và Anma Caxtrô trong "Đoàn tạp kĩ" để lại, trang tuyệt sắc theo đạo Hồi hoặc nàng thiếu nữ Digan, cô gái cabôvecđê[1], hoặc cô gái có nước da đen giòn, hoặc cô gái địa phương lai da đen và da trắng, dáng thẫn thờ và nũng nịu. Những tiếng vỗ tay và những tiếng huýt gió tán thưởng, những lời chào mừng ồn ĩ. Phlôri đem tới cả một ôm hoa - đó là tặng phẩm của ban quản trị quán "Pari vui vẻ", thi sĩ Giôđê Xaraiva mang lên một bông hồng héo và một bó thơ.

Tuy nhiên, buổi biểu diễn đầu tiên được quảng cáo rùm beng của Têrêda suýt nữa thì bị hỏng cũng lại vẫn do nguyên nhân như lần trước. Tiếng vỗ tay vừa dứt, thì có tiếng ồn ào ở một bàn bên cạnh sàn nhảy. Một cuộc cãi cọ ầm ĩ nổ ra giữa một gã vô công rồi nghề mới tập toạng những bước đầu tiên trên con đường làm nhân tình ăn bám với một gái điếm già, mệt mỏi.

Têrêda đang cúi chào để cám ơn vì những bông hoa, những vần thơ và những tiếng vỗ tay, thì cô nghe thấy giọng dọa dẫm của gã nhân tình ăn bám kia khiến cho người phụ nữ phải bật khóc :

– Tao tát cho mày một cái bây giờ !

Têrêda ưỡn ngực, hai tay chống nạnh, đôi mắt đột nhiên long lên, cô quát :

– Anh cứ thử đánh chị ấy đi xem nào, tôi muốn được xem lắm... Nếu anh dám, anh hãy đánh chị ấy trước mặt tôi đi xem nào.

Cả gian phòng lặng đi chờ đợi căng thẳng : Tên vô lại này liệu có gây gổ không, chẳng lẽ buổi biểu diễn đầu tiên lại phải hoãn lại

truongxua.vn

lần nữa ? Liệu có nổ ra một cuộc ẩu đả tương tự như cuộc ẩu đả không thể nào quên hôm nọ không ? Liệu nhà phẫu thuật nha khoa Nagia có phải trổ tài của mình một lần nữa không ? Không, gã nhân tình ăn bám đã rụt vòi, gã lùi lại, lúng ta lúng túng không biết giấu hai cái tay và cái mặt vào đâu. Mấy lời của Têrêda cũng đã đủ để ổn định lại trật tự.

Tiếng hoan hô như sấm át cả tiếng cô, và trong tiếng vỗ tay sôi động như biển cả, Têrêda bắt đầu nhảy điệu Xamba.

Thế là lại thêm một nghề nữa. Dù cô đã có bao nhiêu nghề và sẽ còn bao nhiêu nghề nữa, cô vẫn chỉ có một mục đích trong cuộc đời - đó là được sống hạnh phúc với anh thủy thủ yêu quý của cô.

Chiều hôm trước, theo đề nghị của ông luật sư Lulu, cô đã cùng ông đến tòa án và ở đó, cô được giới thiệu với ông thẩm phán Bênitô Cacđôdô, với các ông luật sư, các ông công tố viên, các ông chưởng khế và các nhân vật nổi tiếng khác : Têrêda, Ngôi sao *extrat*. Với tư cách một ngôi sao thì cô khiêm tốn quá - cô hơi ngượng nghịu, mỉm cười rụt rè, nhưng cô xiết bao xinh đẹp ! Mọi người nhất trí kết luận rằng cô là một thắng lợi mới nữa của ông thầy cãi thọt chân háo gái. Cái nhìn của ông thẩm phán thể hiện lòng cảm phục và ước muốn : Nếu ông là thẩm phán ở tòa án thượng thẩm của bang, thì ông sẽ đề nghị cô cho phép ông cấp cho cô nơi ở và che chở cô, nhưng... tiền lương của một thẩm phán bình thường phải giật gấu vá vai mới tạm đủ để nuôi gia đình hợp pháp, để giữ vững được tổ ấm gia đình chính thức, chứ lấy đâu mà nghĩ tới nhân tình, tới hầu non, tới một căn buồng cho cô ta ?

Trong tiếng vỗ tay sôi động như biển cả, Têrêda bắt đầu nhảy tung người lên rồi nhẹ nhàng buông xuống. Buổi biểu diễn đầu tiên thành công thật rực rỡ.

Trái tim cô lạnh giá, cô giống như con sò đã khép kín trong vỏ. Trời, giá như cô có thể khóc được nhỉ. Con trai thì có ai khóc, thủy thủ lại càng không bao giờ khóc ! Những làn nước của biển cả biệt li, tình yêu của những người bị nạn đắm tàu. Thuyền trưởng Gianuariô

đang lênh đênh ở đâu, trên đường tới cảng Baia, Gianu yêu quý ơi, anh đang ở đâu ?

Tất cả ở Têrêda đều chuyển động - đùi và bụng cô uyển chuyển như những làn sóng biển nhấp nhô trong bão tố, chẳng khác gì một cọng hoa mềm mại chao đảo trước gió.

Trái tim lạnh lẽo, băng giá và nơi xa xăm. Ôi Gianuariô, anh cabôclô cao lớn của biển cả, con chim báo bão, con chim hải âu trên sóng, bao giờ em mới lại gặp anh, mới lại được cảm thấy hương vị muối và biển trên ngực anh, được chết đi trong vòng ôm của anh, được nghẹt thở trong những cái hôn của anh. Ôi, Gianuariô Giôrêba, thuyền trưởng Gianu, anh yêu của em, bao giờ chúng ta mới lại được cùng nhau tận hưởng tình yêu ?

Chú thích

(1) *Cabôvecdê* : người lai da đen và da đỏ.

tuongxua.vn

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đêm biểu diễn của vũ nữ Têrêda được miêu tả như thế nào ?

2. Chi tiết nào thể hiện tính cách cương trực của Têrêda ?

*3. Anh (chị) có những nhận xét gì về cách xây dựng nhân vật của Amađô (qua 2 đoạn trích trong tiểu thuyết **Têrêda**) ?*

LÍ LUẬN VĂN HỌC

BÀI 1

SỰ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ CỦA VĂN HỌC

1. Vận động của xã hội và vận động của văn học

Văn học là một hình thức sinh hoạt văn hóa, một bộ phận trong đời sống tinh thần của xã hội. Sinh hoạt văn học (sáng tác, xuất bản, tiếp nhận văn học) gắn chặt với các sinh hoạt khác, đặc biệt là với đời sống chính trị. Những thay đổi, biến động trong đời sống xã hội thường tác động mạnh mẽ đến người viết và người đọc, kéo theo những biến đổi trong ý thức của nhà văn và công chúng. Điều đó dẫn đến chỗ mỗi biến động lịch sử của xã hội thường tạo nên những chuyển động trong sự phát triển của văn học. Chẳng hạn sự ra đời của chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Pháp thế kỉ XIX với các nhà thơ, nhà văn tiêu biểu như Ph. Satôbriăng, V. Huygô, A. Lamactin gắn bó chặt chẽ với toàn bộ sự thay đổi của xã hội nước Pháp sau cuộc cách mạng 1789, cũng như sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Nga là kết quả của sự vận động lịch sử của nước Nga từ Cách mạng tháng Mười. Ở Việt Nam, Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra một trang sử mới của dân tộc đồng thời cũng đánh dấu một thời kì mới trong sự vận động của văn học.

Điều này giải thích vì sao để hiểu đầy đủ một hiện tượng văn học - một tác phẩm, một nhà văn, một trào lưu văn học - người ta thường tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của nó, phân tích bối cảnh lịch sử - xã hội trong đó nó sinh ra. Đồng thời điều này cũng cắt nghĩa vì sao lịch sử văn học, tuy không trùng khít với lịch sử xã hội, nhưng liên quan

thuongmaitr

mật thiết với nó và tương tự như lịch sử phát triển của xã hội, lịch sử văn học cũng có những giai đoạn phát triển của mình.

Lịch sử phát triển của văn học có thể được khảo sát thông qua nhiều khái niệm như : thời kì văn học, trào lưu văn học, các trường phái văn học, thể loại, phong cách... Dưới đây, chúng ta tìm hiểu một vài khái niệm chính.

2. Thời kì văn học

Thời kì văn học là một trong những khái niệm về sự vận động lịch sử của văn học.

Trong sự phát triển của mình, nền văn học nước nào cũng có những cái mốc lịch sử nhất định. Những điểm mốc này *có thể trùng* với điểm mốc trong lịch sử xã hội nước đó nhưng *cũng có thể không*. Ví dụ khi chúng ta gọi văn học Việt Nam từ 1945 đến nay là một thời kì thì ở đây điểm bắt đầu của thời kì văn học này trùng với một thời điểm lịch sử của dân tộc là Cách mạng tháng Tám 1945. Nhưng khi các nhà nghiên cứu nói đến thời kì văn học từ đầu những năm 30 đến 1945 thì lại có những ý kiến khác nhau.

Mặt khác, tuy văn học của các dân tộc trên thế giới hầu như đều trải qua các thời kì ít nhiều giống nhau như thời kì văn học cổ đại, trung đại, thời kì văn học phục hưng, thời kì văn học cận, hiện đại... nhưng đối với tất cả các nước chúng có thể *khác nhau về thời điểm*. Chẳng hạn, nếu đa số các nước châu Âu đều có thời kì văn học phục hưng, thì hầu hết các nước Đông Nam Á lại không có hoặc không trải qua thời kì đó theo kiểu như ở phương Tây. Hoặc như ở Việt Nam, thời kì hiện đại trong văn học xảy ra chậm hơn ở các nước phương Tây khá nhiều. Tất cả điều đó nói lên rằng lịch sử văn học của mỗi dân tộc có quy luật vận động đặc thù của nó.

Sự biến đổi và phát triển của văn học không phải chỉ chịu tác động của các biến cố chính trị - xã hội từ bên ngoài mà còn do sự *vận động nội tại* của nó gây nên. Vì vậy, để xác định các thời kì phát triển của văn học, không thể chỉ căn cứ vào các thời điểm quan trọng trong lịch sử của dân tộc mà còn phải xét đến những cái mốc đánh

dấu sự chuyển biến của tư duy nghệ thuật, của sự phát triển ngôn ngữ, của sự hình thành thể loại, sự ra đời của các trào lưu văn học, sự xuất hiện của những hiện tượng nghệ thuật tầm cỡ (nhà văn lớn, tác phẩm lớn)..., nghĩa là phải xét cả đến sự vận động bên trong của bản thân văn học. Chính vì vậy khi phân chia các thời kì văn học, có thể căn cứ vào những tiêu chí khác nhau, miễn làm sao nêu bật được sự vận động của văn học và đặc điểm của từng thời kì.

3. Trào lưu văn học

Bên cạnh thời kì văn học, trào lưu văn học cũng là một khái niệm quan trọng diễn tả sự phát triển lịch sử của nghệ thuật ngôn từ. Khái niệm này chỉ một hiện tượng có tính chất lịch sử, ra đời và mất đi trong một khoảng thời gian lịch sử nhất định, chỉ mối liên hệ giữa những nhà văn, những tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, về nguyên tắc miêu tả hiện thực hoặc về tư tưởng và nổi lên tạo thành một dòng rộng lớn, có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc, hoặc của một thời đại.

thuongmaitı

Không phải hễ có sáng tác văn học là có trào lưu văn học. Trong mỗi nền văn học dân tộc, trước cũng như sau khi có các trào lưu, lịch sử văn học có thể được khảo sát căn cứ trên *sáng tác của các nhà văn lớn, các phong cách*. Song khi sáng tác đã trở thành một hoạt động chuyên nghiệp, phát triển phong phú, đội ngũ những người làm thơ, viết văn trở nên đông đảo, tức là khi có những điều kiện nào đó về xã hội và về văn học thì khi đó sẽ có khả năng xuất hiện các trào lưu văn học bao trùm lên sáng tác của các nhà văn riêng lẻ, chứa đựng nhiều phong cách, xu hướng văn học khác nhau. Sự ra đời của trào lưu văn học, một mặt bắt nguồn từ sự vận động bên trong của văn học, từ yêu cầu đổi mới cách viết hay cổ vũ cho một quan niệm thẩm mĩ nào đó, mặt khác, gắn liền với những hoàn cảnh lịch sử - xã hội nhất định tức là với những ảnh hưởng từ bên ngoài. Chẳng hạn, trào lưu lãng mạn trong văn học Việt Nam trước 1945 là kết quả của việc cách tân hình thức thơ ca nhằm diễn tả tâm trạng của một thế hệ thanh niên nước ta trong bối cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX và dưới những tác động của văn chương phương Tây, trước hết

là văn chương Pháp. Đồng thời, xét về phương diện xã hội, thơ văn lãng mạn thời kì này ra đời phần nào cũng phản ánh nguyện vọng đòi tự do, dân chủ và giải phóng cá nhân của con người.

Mỗi trào lưu văn học thường gắn liền với những *quan điểm tư tưởng* và *nguyên tắc sáng tác* nhất định, chi phối cảm hứng sáng tạo, thể loại, cách xây dựng nhân vật, cách miêu tả... Vì vậy, các tác phẩm văn học thuộc cùng một trào lưu có những đặc điểm chung, những nét gần gũi nhau và các nhà văn trong cùng một trào lưu, nếu thống nhất với nhau có thể tạo ra những trường phái văn học với cương lĩnh sáng tác chung.

Trong lịch sử văn học thế giới, trào lưu văn học hoàn chỉnh nhất đầu tiên là *chủ nghĩa cổ điển*, xuất hiện ở Pháp vào thế kỉ XVII và sau đó ở một số nước châu Âu khác. Nguyên tắc sáng tác cơ bản tạo thành cơ sở lí luận của trào lưu này được trình bày đầy đủ nhất trong công trình *Nghệ thuật thi ca* của N. Boalô. Đại diện tiêu biểu cho trào lưu này là các nhà viết kịch Pháp : P. Coocnây, Gi. Raxin, Môlie.

Tiếp sau chủ nghĩa cổ điển, trong nền văn học châu Âu xuất hiện *chủ nghĩa lãng mạn*, hình thành ở Anh, Pháp, Đức và Nga vào cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX. Trào lưu lãng mạn phát triển rực rỡ trong lĩnh vực văn học với các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như : G. Bairơn, P. Seli (Anh), Ph. Satôbriăng, V. Huygô, A. Lamactin (Pháp), Nôvalix, E. Hôpman (Đức) và V. Giucôpxki, A. Puskin, M. Lecmôntôp (Nga).

Sau trào lưu lãng mạn, từ những năm cuối nửa đầu thế kỉ XIX, ở châu Âu xuất hiện hàng loạt nhà văn với những sáng tác kiểu mới, tạo thành trào lưu *hiện thực*. Các tác giả tiêu biểu cho trào lưu này là S. Đicken (Anh), H. Bandăc và Xtăngđan (Pháp), H. Hainơ (Đức), A. Puskin, N. Gôgôn, L. Tônxtôi, Ph. Đôtxtôiepxki và A. Sêkhôp (Nga).

Từ đầu thế kỉ XX, trong văn học thế giới xuất hiện nhiều trào lưu văn học khác nhau, trong đó nổi bật lên các trào lưu hiện đại chủ nghĩa (*modernism*) lan rộng ở phương Tây và trào lưu *hiện thực xã hội chủ nghĩa*, phát triển mạnh mẽ nhất ở Nga sau Cách mạng tháng

Mười rồi từ đó lan rộng ra các nước khác ở Đông Âu và châu Á. Đại diện cho trào lưu hiện thực xã hội chủ nghĩa là M. Gorki, V. Maiacôpxki, M. Sôlôkhôp (Nga), Gi. Bêse (Đức), L. Aragông (Pháp).

Ở Việt Nam, các trào lưu văn học lần đầu tiên xuất hiện vào khoảng những năm 30. Trong thời kì từ đầu những năm 30 đến 1945 hai trào lưu công khai nổi bật nhất là *trào lưu lãng mạn* và *trào lưu hiện thực*. Văn học lãng mạn phát triển rực rỡ trong Thơ mới với các tác giả tiêu biểu như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử... Văn học hiện thực thành công trước hết trong lĩnh vực truyện ngắn và tiểu thuyết với các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, bộ phận văn học sáng tác theo tư tưởng cách mạng vô sản vốn đã tồn tại trong thơ ca bất hợp pháp trước đây có điều kiện phát triển công khai và đầy đủ nhất. Cùng với quá trình xây dựng một nhà nước công nông và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, ở Việt Nam đã hình thành một trào lưu văn học mới, chiếm ưu thế tuyệt đối ở miền Bắc và các vùng giải phóng ở miền Nam. Đó là *trào lưu văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa*. Tiêu biểu cho trào lưu này là các tác phẩm của Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Nguyên Ngọc, Nguyễn Khải, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Quang Sáng, Anh Đức v.v...

4. Tiến bộ trong văn học

Như đã phân tích ở trên, văn học là một hoạt động phát triển lịch sử, có đời sống lịch sử như bản thân đời sống xã hội. Trong quá trình phát triển của mình, văn học trải qua những giai đoạn khác nhau. Mỗi thời điểm lại xuất hiện những tác phẩm mới, những tác giả mới, những trào lưu mới nổi lên thay thế những cái đã có. Mỗi cái mới xuất hiện sẽ mang lại cho văn học những giá trị mới, những đóng góp mới về tinh thần, về cách thể hiện và cứ thế văn học của mỗi dân tộc hay của nhân loại mỗi ngày sẽ phong phú hơn lên, tiến bộ hơn.

Tuy nhiên, đối với văn học không phải cái có sau bao giờ cũng hơn cái có trước, và cái có trước một khi đã lùi vào quá khứ thì không còn giá trị gì nữa. Trong lĩnh vực nghệ thuật, sự tiến bộ được hiểu khác với trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Cái hay của nghệ thuật một phần là sự độc đáo, không lặp lại. Vì vậy, những tác phẩm xuất sắc của một thời, nếu chúng quả thật hoàn thiện và đặc sắc, mang trong mình những giá trị chung có tính chất toàn nhân loại, chứa đựng những nội dung nhiều lớp, nhiều tầng, thì chúng vẫn đem lại niềm say mê cho người đọc các thế hệ sau, vẫn có ý nghĩa đối với con người, vẫn còn lại như những giá trị tinh thần không bị vượt qua.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Vận động của văn học phụ thuộc vào những nhân tố nào ?

2. Muốn khảo sát lịch sử phát triển của một nền văn học người ta thường dùng những khái niệm nào ? Ngoài những khái niệm nêu lên trong sách giáo khoa, em thấy còn những khái niệm nào nữa ?

uongxua.vn

3. Tại sao nhiều tác phẩm văn học thời xưa bây giờ đọc vẫn thích ? Anh (chị) hãy lấy ví dụ và giải thích.

BÀI 2

CÁC GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

CÁC GIÁ TRỊ VĂN HỌC

Mỗi tác phẩm văn học khi ra đời thường được người đọc, dư luận xã hội khen chê, đề cao hoặc đánh giá thấp. Có tác phẩm sống từ thế kỉ này sang thế kỉ khác, đi vào lịch sử văn học dân tộc như *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, thơ Hồ Xuân Hương, *Truyện Kiều* của

Nguyễn Du, *Hamlet* của Sêcxpia, *Chiến tranh và hòa bình* của L. Tônxtôi v.v..., nhưng cũng có rất nhiều tác phẩm hoàn toàn bị quên lãng. Cái gì đã tạo nên tiếng vang, sức sống và sự trường tồn của tác phẩm văn chương ? Đó chính là giá trị của tác phẩm.

Tác phẩm văn học thường không phải chỉ có một giá trị mà có thể có nhiều giá trị khác nhau.

1. Giá trị về nhận thức

Thông thường nói đến giá trị về nhận thức người ta nghĩ ngay đến chỗ tác phẩm ấy mang lại những tri thức gì, những kiến thức gì về đời sống, giúp người đọc *biết* thêm điều gì mới mẻ. Quả thực, những hiểu biết mà mỗi truyện ngắn, mỗi cuốn tiểu thuyết miêu tả cách sinh hoạt hay phong cảnh của một vùng quê hoặc một thành phố xa lạ nào đó ở nước này, nước khác cũng rất hấp dẫn độc giả. Những bức tranh đời sống như vậy, nhất là lại được tường thuật theo kiểu mô tả chính xác hiện thực thường mang lại cho người đọc những hiểu biết về lịch sử, sinh hoạt, phong tục của một xã hội, một thời đại. Về phương diện này, bộ *Tấn trò đời* của Banđắc rất tiêu biểu.

Tuy nhiên, bên cạnh những chi tiết về đời sống như vậy, nhà văn phải giúp người đọc nhận thức được *những vấn đề* đang đặt ra trong xã hội mình đang sống hoặc những vấn đề liên quan đến vận mệnh của con người, của dân tộc từ xưa đến nay. Chẳng hạn, đọc *Truyện Kiều* chúng ta không phải chỉ biết ngày đó quan lại ăn hối lộ, ăn tiền, sai nha hống hách v.v... mà chúng ta còn thấy được thân phận của người phụ nữ trong thời ấy, hiểu được tính chất vô lí, bất công của xã hội phong kiến. Đọc *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc chúng ta không phải chỉ biết chuyện người Ba Na sinh hoạt trong gia đình, yêu nhau, uống rượu, đánh giặc như thế nào mà chúng ta còn hiểu được vì sao đồng bào các dân tộc ít người đứng lên chống Pháp, hiểu được tính chất của cuộc chiến tranh nhân dân của dân tộc. Từ *biết* cho đến *hiểu* là một yêu cầu của nhận thức văn học. Tác phẩm nào mà chỉ giúp cho bạn đọc biết nhiều mà không dắt dẫn, đưa người đọc đến chỗ hiểu ra những vấn đề của xã hội, của đời sống con người thì giá trị nhận thức của tác phẩm ấy cũng bị hạn chế.

Nhưng đồng thời nói đến hiểu cũng không nên chỉ giới hạn ở việc hiểu các sự kiện, các vấn đề của xã hội, của thế giới bên ngoài. Trong văn học, việc *hiểu ngay chính con người* là một yêu cầu vô cùng quan trọng. Viết văn phần nào đó cũng là để tìm hiểu con người, hiểu tâm lí, tính cách, những bí ẩn trong thế giới tinh thần của con người. Mỗi người sinh ra không ai giống ai, mặt mũi khác nhau đã đành mà cách nghĩ, tính tình cũng khác, có người tốt, có người xấu, phần tốt và phần xấu trong mỗi người cũng pha trộn, xen kẽ nhau. Tác phẩm văn học có giá trị là tác phẩm giúp độc giả *hiểu người, hiểu đời* thêm, do đó mà làm cho kinh nghiệm sống của mình phong phú hơn. Đặc biệt, khi đọc sách, nhờ hiểu về người khác mà dần dần mình cũng hiểu mình hơn. Xem truyện, soi vào nhân vật giống như tự soi gương, tự mỗi người đối chiếu mình với nhân vật, với những điều người ta nói với nhau trong sách, dần dần vỡ ra nhiều điều mà bản thân mình trước đây có khi nghe rồi mà chưa hiểu ra, chưa thấy thấm thía. Đó cũng là giá trị nhận thức của văn học.

uongxua.vn

Cần lưu ý đến ba khái niệm chính liên quan đến việc xác định giá trị của tác phẩm về phương diện nhận thức :

– *Tính chân thực* : những điều tác giả kể, nói ra có thực không, có đúng không.

– *Sự sâu sắc* : những hiểu biết của nhà văn về con người, về cuộc sống có phải xuất phát từ vốn sống, vốn tri thức được tích lũy, được nghiền ngẫm, được trải qua, có thực sự là suy nghĩ nhiều năm, là tâm huyết hay không.

– *Tầm khái quát* : những điều nghĩ, điều hiểu của nhà văn có thực sự liên quan đến những vấn đề cơ bản của xã hội, của thời đại, của vận mệnh con người, có tính chất khái quát triết học, có phù hợp với lợi ích của dân tộc hay quy luật phát triển của xã hội hay không.

Không phải tác phẩm văn học nào cũng đạt được đầy đủ ba tiêu chuẩn trên. Có tác phẩm mạnh mặt này, yếu mặt kia. Nhưng đó là những yêu cầu chung nhất về giá trị nhận thức của tác phẩm văn học.

2. Giá trị về tư tưởng - tình cảm

Đây cũng là một giá trị khá đặc biệt của văn học vì xét về một phương diện nào đó, văn học là tiếng nói tình cảm, là nơi bộc lộ tình cảm của con người. Nhờ có văn học mà *đời sống tình cảm của con người ngày càng phong phú hơn, tinh tế hơn*. Tiếp xúc với tác phẩm văn học, người ta trở nên dễ xúc động hơn, đa cảm hơn. Nhờ đó mà lòng người cũng bớt chai đi, đỡ khô cạn, đỡ thờ ơ, bàng quan với những số phận, những cảnh đời diễn ra xung quanh mình hàng ngày. Đọc *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, ai cũng xúc động trước cảnh chị Dậu phải mang con bán cho nhà Nghị Quế để lấy tiền chuộc mạng sống cho chồng. Nhiều người đọc truyện thường khóc vì thương cho nhân vật. Những giọt nước mắt ấy là dấu hiệu của một tấm lòng nhân ái, giàu lòng trắc ẩn. Cũng có trường hợp khi đọc một bài thơ, một câu thơ, người ta không khóc, không buồn, nhưng lại cảm thấy tâm hồn mình có cái gì xao động, có những rung cảm nhẹ nhàng, mới lạ và sau mỗi lần như vậy người đọc cảm thấy mình như giàu có hơn lên. Chẳng hạn, trong bài *Đêm Côn Sơn* của Trần Đăng Khoa có câu :

Ngoài thềm rơi cái lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng

thuongmaitr

Chuyện một chiếc lá rụng, một cánh hoa rơi, ít người để ý, đó cũng là việc thường tình. Nhưng nếu có ai tĩnh tâm một chút, quan sát, ngắm nhìn một chiếc lá rơi, rơi rất nhẹ, rất khẽ đến nỗi có cảm giác như cái gì mỏng lắm, mong manh lắm, phải lắng nghe mới cảm thấy được thì đó quả thực là người có tâm hồn phong phú, tâm hồn nghệ sĩ. Và một khi người ta dễ xúc động trước một ánh trăng, một chiếc lá, lẽ nào người ta lại có thể thờ ơ với nỗi bất hạnh của người khác, của đồng loại ?

Đặc biệt, giá trị tình cảm của tác phẩm văn học bộc lộ hết sức mạnh mẽ ở chỗ nó không chỉ làm cho con người giàu có, phong phú hơn nhờ những rung động sâu sắc hoặc có khi chỉ là vẩn vơ mà còn ở chỗ nó thường chứa đựng những *tư tưởng, thái độ,* những *nội dung xã hội và nhân văn* rất quan trọng. Trong tác phẩm văn học, tư tưởng và tình cảm thường hòa quyện với nhau. Đã nói đến tình cảm là nói

đến vấn đề yêu ghét, đề cao hay phê phán, đồng tình hay chê trách. Rõ ràng về phương diện này văn học là một công cụ có sức tác động vào lòng người, vào xã hội, có ý nghĩa giáo dục đạo đức to lớn.

Từ nhỏ, những câu ca dao dân ca đã gieo vào tình cảm mỗi người tình yêu làng quê, đất nước :

Làng ta phong cảnh hữu tình
Dân cư giang khúc như hình con long

Bắt đầu từ tình cảm thân thiết, gắn bó với cây đa, con đường, góc phố, văn học dần dần góp phần bồi đắp cho con người lòng tự hào về những gì mà các thế hệ ông cha đã để lại, từ những giá trị văn hóa, phong tục, từ nền văn hiến cho đến cả bờ cõi, biên cương của Tổ quốc. Đó chính là *lòng yêu nước* hay *tư tưởng yêu nước* mà ai cũng mang trong máu của mình và cũng là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ văn học Việt Nam từ bao đời nay, từ bài thơ *Nam quốc sơn hà...* tương truyền của Lí Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi cho đến thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu và biết bao nhà văn, nhà thơ khác.

Bên cạnh lòng yêu quê hương, đất nước, tác phẩm văn học còn có thể sống mãi với thời gian nhờ *chủ nghĩa nhân đạo* hay *tấm lòng nhân ái, thái độ trân trọng đối với con người* của nhà văn. Đó có thể là sự thông cảm và đau xót trước tình cảnh thương tâm của những người nông dân nghèo khổ như trong tác phẩm *Vỡ đê* của Vũ Trọng Phụng, *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, hay các truyện ngắn của Nam Cao. Đó có thể là nỗi đau trước những cảnh ngộ không may, những cảnh đời nghiệt ngã, những bất hạnh của những số phận tài hoa bạc mệnh như tiếng kêu của Hồ Xuân Hương, của Nguyễn Gia Thiều trong *Cung oán ngâm khúc,* của Nguyễn Du trong *Đoạn trường tân thanh (Truyện Kiều).* Và đó cũng có thể là niềm vui, niềm tự hào về những giá trị, tài năng, đức hạnh hay sức sáng tạo của con người như chúng ta đã cảm thấy mỗi lần đọc bút kí *Sông Đà* của Nguyễn Tuân hay truyện *Một con người ra đời* của M. Gorki.

Cuối cùng, nói đến giá trị tư tưởng - tình cảm của văn học, không thể bỏ qua thái độ của nhà văn đối với những vấn đề *đạo đức*. Văn học không phải là công cụ để răn dạy đạo đức nhưng những giá trị đạo đức mà tác phẩm văn học mang lại vô cùng to lớn. Trong văn chương, cái tốt, cái đẹp được tô đậm cho rực rỡ hơn, sáng chói hơn, còn cái xấu thì cũng được phóng to, trở nên đáng khinh ghét, ghê tởm hơn. Nhờ vậy, văn thơ giúp con người thêm yêu cái tốt, chuộng đạo lí và xa lánh, căm ghét cái ác, sự phản trắc, gian xảo. Truyện hay tiểu thuyết xưa nay thường có những nhân vật chính diện hay phản diện là vì vậy. Những nhân vật như vậy hiện ra đặc biệt trong các truyện cổ tích (*Thạch Sanh*), truyện Nôm khuyết danh (*Tống Trân - Cúc Hoa*, *Nhị độ mai*), *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu hay nhiều tác phẩm của văn học cách mạng sau 1945.

Khi xác định giá trị của tác phẩm về phương diện tư tưởng - tình cảm, cần lưu ý các khái niệm chính sau đây :

– *Sự chân thành* : dù là một nỗi niềm riêng tư hay tình yêu con người, yêu quê hương đất nước, dù căm phẫn trước cái ác, cái xấu hay ca ngợi những nét đạo lí tốt đẹp thì điều cần trước tiên là người viết phải hết sức thật lòng, phải nói đúng niềm vui hay nỗi đau của chính mình, đang làm mình trăn trở, xốn xang.

thuongmaitr

– *Lòng nhân ái hay chủ nghĩa nhân đạo* : đây là vấn đề liên quan đến thái độ và tình yêu, cách nhìn đối với con người, số phận con người được nói đến trong tác phẩm.

– *Lòng yêu nước hay tinh thần yêu nước* : khái niệm thể hiện thái độ, tình cảm đối với quê hương, đất nước, đặc biệt là với vận mệnh của dân tộc trong những hoàn cảnh chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

– *Tinh thần chuộng đạo lí* : tác phẩm có giá trị đạo đức hay đạo lí là tác phẩm bày tỏ thái độ yêu ghét rõ ràng đối với cái thiện hay cái ác, cái tốt hay cái xấu.

– *Sự nhạy cảm và tinh tế* : tiêu chuẩn này đặc biệt quan trọng đối với thơ vì nhiều bài thơ tuy không có nội dung gì đặc biệt nhưng

lại mang đến cho người đọc những rung động tinh tế, những cảm xúc sâu lắng, làm cho tâm hồn con người phong phú hơn.

3. Giá trị về thẩm mĩ

Thực chất nói đến các giá trị về thẩm mĩ là nói đến cái hay, cái đẹp của tác phẩm, đến chỗ một bài thơ, một cuốn truyện có mang lại cho người đọc sự thích thú, hấp dẫn hoặc cao hơn nữa là có kích thích cảm hứng sáng tạo của độc giả hay không.

Giá trị thẩm mĩ của tác phẩm văn học thể hiện trước hết ở tài năng của nhà văn, nhà thơ trong việc dùng chữ, dùng câu, trong việc tổ chức bố cục của bài thơ hay xây dựng cốt truyện, kết cấu truyện, trong việc sử dụng âm thanh, nhịp điệu đối với thơ trữ tình hay việc xây dựng nhân vật, lựa chọn các chi tiết đối với tác phẩm tự sự. Đặc biệt trong văn học, việc tạo ra được những hình ảnh và hình tượng mới mẻ, độc đáo, hấp dẫn trí tưởng tượng thường mang lại cho người đọc sự thích thú và ấn tượng rất lâu bền. Từ những câu ca dao như :

truongxua.vn

Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi

hay câu thơ của Nguyễn Du :

Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường

đến hình tượng Thúy Kiều, hình tượng Xuân Tóc đỏ, Chí Phèo hay AQ trong *AQ chính truyện* của Lỗ Tấn, Giăng Vangiăng trong *Những người khốn khổ* của V. Huygô v.v..., tất cả những hình ảnh và hình tượng ấy đều khiến người đọc ngạc nhiên vì trí tưởng tượng, cái nhìn và cách diễn tả của tác giả.

Đồng thời cần lưu ý thêm rằng một tác phẩm văn học có giá trị thẩm mĩ không phải chỉ ở chỗ nó mang lại cho người đọc sự thích thú, hấp dẫn nhờ nghệ thuật diễn đạt của tác giả mà còn ở chỗ chính cái hay, cái đẹp ấy đến lượt mình lại tạo ra trong lòng người đọc những rung động thẩm mĩ, tình yêu đối với cái đẹp, làm cho cảm

nhận thẩm mĩ của con người mỗi ngày một phong phú hơn, tinh tế hơn, giúp con người biết nhìn ra và cảm nhận được vẻ đẹp của bao nhiêu sự vật trong đời sống xung quanh mình, thậm chí còn khơi dậy, kích thích năng lực sáng tạo nghệ thuật tiềm ẩn ở mỗi người, bắt người ta cầm bút, làm thơ, viết văn. Và chính nhờ vậy mà đời sống tinh thần của mỗi cá nhân ngày càng phong phú hơn lên, năng lực thẩm mĩ của mỗi người được phát triển cao hơn. Từ chỗ cảm nhận được sắc đậm nhạt trong chữ nghĩa của Nguyễn Tuân, biết lắng nghe từng giọt mưa rơi như :

Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng nghe ta buồn buồn

(Huy Cận)

người ta sẽ dễ dàng nhận ra biết bao nhiêu vẻ đẹp mà thiên nhiên, nghệ thuật và con người mang đến và hiện ra trước mắt chúng ta.

Các khái niệm quan trọng nhất thường áp dụng để xác định giá trị của tác phẩm về phương diện thẩm mĩ là :

– *Sự phù hợp giữa hình thức và nội dung,* tức là làm sao những từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu của tác phẩm diễn tả cho trúng, cho được điều mà tác giả muốn nói và độc giả cũng cảm nhận như vậy.

– *Sự điêu luyện* bộc lộ trong nghệ thuật sử dụng từ ngữ, trong cách kết cấu, cách kể, cách tả, cách xây dựng nhân vật, trong chất lượng của hình tượng.

– *Tính chất mới mẻ* của các thủ pháp nghệ thuật, tránh được những cách diễn đạt đã sáo mòn, lặp lại của người khác hoặc của chính mình.

– *Tính độc đáo của bút pháp* thể hiện ở chỗ tác giả có cái gì đó riêng của mình, không hoàn toàn giống người khác, có một chất giọng lạ, thu hút và gây được sự chú ý của người đọc.

*
*   *

thuongmaitr

Tác phẩm văn học thường không phải chỉ có một giá trị mà có thể có nhiều giá trị. Tuy nhiên, mỗi tác phẩm cũng khó lòng đạt đến các giá trị với những mức độ như nhau. Mỗi loại giá trị nêu trên đều có một vị trí riêng không thể thay thế. Song ở đây phải thấy *tính chất đặc biệt của các giá trị về thẩm mĩ*. Đặc biệt không phải vì chúng quan trọng hơn mà là vì nó là cơ sở, gắn các giá trị khác lại để tạo thành tác phẩm văn học. Một truyện ngắn tuy có nhiều chi tiết giúp người ta hiểu nhiều về cuộc sống nhưng nếu nó không gây được hứng thú, không hấp dẫn thì cũng không được chú ý, thậm chí chưa được coi là tác phẩm văn học đích thực. Một bài thơ tuy có ý nghĩa giáo huấn sâu sắc nhưng nếu chưa đạt được trình độ nghệ thuật thì đó cũng chỉ là một bài văn vần, chưa thực sự trở thành tác phẩm văn chương. Còn một bài văn, bài thơ, câu chữ khéo léo, giàu chất thẩm mĩ nhưng không có giá trị nhận thức và không bổ ích gì về tư tưởng - tình cảm thì sao ? Nó có thể vẫn được coi là tác phẩm văn học nhưng chắc chắn nó sẽ không có sức sống, sẽ chỉ được xem như một thứ trò chơi chữ hấp dẫn mà thôi.

uongxua.vn

Những tác phẩm văn học vĩ đại bao giờ cũng đạt được sự thống nhất cao của các giá trị về nhận thức, tư tưởng - tình cảm và thẩm mĩ. Người ta hay gọi đó là sự thống nhất của *Chân, Thiện, Mĩ*.

TIẾP NHẬN VĂN HỌC

1. Tiếp nhận văn học là gì ?

Văn học là một quá trình sáng tạo bao gồm ba thành tố : nhà văn, tác phẩm và công chúng. Vai trò của công chúng rất quan trọng. Trước hết, không phải chỉ vì nếu không có người nghe, người đọc thì tác phẩm văn học không biết dùng để làm gì mà điều quan trọng còn là ở chỗ tác phẩm chính là cầu nối giữa nhà văn và công chúng, bao giờ tác giả cũng nghĩ mình viết cho ai, ai sẽ đọc, vì vậy có thể nói, sáng tác văn học gắn với công chúng. Không có công chúng sẽ khó mà hình dung ra văn học, bởi vì tác phẩm văn học không phải chỉ

là một cuốn sách hoặc một cuốn băng cát xét ghi lại nỗi lòng tác giả mà còn là những ý nghĩ, những hình ảnh hiện lên trong đầu người đọc, người nghe. Cái tác phẩm, cái thế giới tồn tại trong lòng người đọc, người nghe ấy vô cùng phong phú, đa dạng, thậm chí rất khác nhau.

Tiếp nhận văn học là gì ? Trước hết cần phân biệt *tiếp nhận* và *đọc*. Tiếp nhận rộng hơn đọc, vì trước khi có chữ viết và ngành in, tác phẩm văn học thường tồn tại dưới hình thức truyền miệng. Ngay cả bây giờ khi tác phẩm văn học chủ yếu được in ra, nhiều người vẫn tiếp nhận văn học không phải do đọc bằng mắt mà do nghe bằng tai, ví dụ như nghe chính tác giả đọc thơ, nghe ngâm thơ trên đài, nghe "buổi phát thanh đọc truyện đêm khuya" v.v... Thứ hai, tiếp nhận văn học khác tiếp nhận không văn học. Trường hợp sau dùng để chỉ việc tiếp nhận mọi sáng tác, mọi văn bản do con người tạo ra (ví dụ đọc sách khoa học, đọc sách chính trị v.v...) hay tiếp nhận tác phẩm văn học nhưng không phải để rung cảm thưởng thức mà để nghiên cứu, tìm tư liệu (ví dụ đọc để làm luận án, đối chiếu với lịch sử v.v...).

Tiếp nhận văn học hay cảm thụ văn học là sống với tác phẩm văn chương, rung động với nó, vừa đắm chìm trong thế giới nghệ thuật của nhà văn, vừa tỉnh táo lắng nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Tiếp nhận văn học là dùng tưởng tượng của mình, kinh nghiệm sống và tâm hồn mình đắp vào những hình ảnh về hiện thực và con người mới chỉ được tác giả phác họa trong vài ba nét, vài ba chữ, làm cho nó sống lại, biến thành những bức tranh sinh động, những hình tượng hoàn chỉnh và tự mình giao lưu với nó, đối thoại, tranh luận với nó, yêu thương hoặc căm ghét nó. Gấp trang sách lại, người đọc như được an ủi, chia sẻ, như hiểu biết và từng trải hơn.

2. Tác phẩm và công chúng

Đặc điểm nổi bật của tiếp nhận văn học là tính đa dạng và không thống nhất của nó. Tính chất này bộc lộ ở chỗ cùng một tác phẩm

nhưng cảm thụ và đánh giá của công chúng có thể rất khác nhau. *Truyện Kiều* chẳng hạn, trong khi đa số yêu thích và đề cao tác phẩm này của Nguyễn Du thì trước đây cũng có không ít người xuất phát từ quan niệm khắt khe của lễ giáo phong kiến, coi *Truyện Kiều* là "dâm thư", có hại cho đạo đức. Nội dung, ý nghĩa của tác phẩm cũng được lí giải khác nhau. Có người xem *Truyện Kiều* như triết lí về Tài - Mệnh, có người xem nó là tà dâm, có trường hợp tác phẩm lại được giải thích như câu chuyện về số phận con người, lại có trường hợp *Truyện Kiều* được coi như tiếng nói chống áp bức bất công, đòi quyền sống. Rồi đến lượt mình, bản thân từng nhân vật cũng được đánh giá khác nhau. Người thì nhìn thấy ở cô Kiều tấm gương hiếu nghĩa, bán mình chuộc cha, người thì xem Kiều chỉ như một gái lầu xanh, người thì thấy ở Kiều biểu tượng của tài và tình, người thì xem Kiều như hình ảnh người phụ nữ Việt Nam đau khổ ("Đau đớn thay phận đàn bà"). Có thể dẫn ra nhiều ví dụ khác nữa để thấy rằng từ hiểu một bộ tiểu thuyết cho đến một câu thơ, ý kiến của người đọc có thể rất khác nhau.

uongxua.vn

Sự khác nhau này có cơ sở khách quan chứ không chỉ đơn giản là do trình độ của người tiếp nhận. Trước hết sự khác nhau ấy bắt nguồn từ tính phong phú của nội dung tác phẩm cũng như tính đa nghĩa là một trong những đặc điểm vốn có của hình tượng nghệ thuật. Khi Tản Đà viết :

Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non

(Thề non nước)

thì hình tượng "nước" "non" ở đây có thể hiểu là hình tượng hai người yêu nhau, cũng có thể hiểu là tấm lòng của tác giả thương nhớ xứ sở, quê hương, cũng có thể xem như một bức tranh thiên nhiên có sông, có núi quấn quýt bên nhau. Nội dung tác phẩm càng phong phú, hình tượng nghệ thuật càng phức tạp, tiếp nhận của công chúng về tác phẩm càng nhiều vẻ, nhiều mặt.

Sự khác nhau còn phụ thuộc vào tuổi tác, kinh nghiệm sống, học vấn hay tâm trạng người đọc, người nghe lúc tiếp xúc với tác phẩm văn chương. Chẳng hạn cùng đọc *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài, một em bé và một người lớn tuy đều thích thú nhưng cách hiểu lại không giống nhau. Hoặc giả cùng bài *Thơ duyên* của Xuân Diệu, *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử nhưng khi vui đọc khác, khi buồn đọc khác, khi đang yêu đọc khác, khi trong lòng bình lặng, thản nhiên đọc cũng sẽ khác. "Người ta không thể tắm hai lần một dòng sông" (Hêraclit) là vì vậy.

Cuối cùng, việc tiếp nhận tác phẩm không chỉ phụ thuộc vào những yếu tố tâm lí và tính cách cá nhân mà còn phụ thuộc vào môi trường văn hóa - xã hội trong đó cá nhân đang sống. Trong nhiều trường hợp, ý kiến của cá nhân được quy định bởi quan niệm của môi trường văn hóa xung quanh hoặc bởi dư luận đang chiếm ưu thế trong đời sống chính trị xã hội. Chẳng hạn trong nhiều năm trước đây do hoàn cảnh chiến tranh cũng như do nhận thức chưa đầy đủ về văn học, ở nhiều nơi văn học lãng mạn thời kì 1930 – 1945 bị xem là văn học tư sản và tiểu tư sản, bi lụy, tiêu cực. Tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, thơ Thế Lữ, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính v.v... bị đánh giá không đúng và điều đó ảnh hưởng đến thị hiếu của độc giả, khiến nhiều người khi đọc thơ văn của các tác giả nói trên vẫn mang một ấn tượng sai lệch và có những đánh giá không chính xác. Từ những năm 80 tình hình trên đã thay đổi, quan niệm chung về văn học lãng mạn đã được sửa lại, nhiều người đọc không còn dị ứng với thơ văn lãng mạn nữa mà nhìn thấy ở đây khát vọng tình yêu và sự sống, ước mơ tự do và nguyện vọng giải phóng. Những câu thơ hay và điệu thơ lạ đã góp phần đưa văn học Việt Nam chuyển sang một bước phát triển mới.

3. Tác giả và người đọc

Mối quan hệ giữa tác giả với người tiếp nhận là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và

người chia sẻ, thông cảm. Bao giờ người viết cũng mong người đọc hiểu mình. Hiểu và cảm những điều mình gửi gắm, kí thác chính là tri âm, tri kỉ. Tri âm là sự trùng hợp, sự đồng điệu giữa nhà văn và độc giả. Tri âm ấy vừa dễ lại vừa khó. Cao Bá Quát từng nói : "Xưa nay nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ". Gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn quả thật là bao giờ cũng hết sức khó khăn, thậm chí chẳng bao giờ đạt được. Giai thoại về Bá Nha - Tử Kì nói lên điều đó. Thích hay không thích một tác phẩm, khen hay chê một cuốn sách nhiều khi phụ thuộc rất nhiều vào sự trùng hợp hay không trùng hợp giữa người đọc và người viết.

Song dẫu không có được sự gặp gỡ hoàn toàn, người viết và người đọc thường vẫn có được sự tri âm nhất định, tức là tri âm từng phần dựa trên sự thông cảm với nhau ở một số khía cạnh nào đó, một vài suy nghĩ nào đó. Người không tán thành quan niệm của Nguyễn Du về tài mệnh tương đố vẫn có thể chia sẻ với ông nỗi đau về số phận con người ; ai không tri âm với nhà thơ trong hình tượng Thúy Kiều có thể đồng cảm với ông trong hình tượng Thúy Vân ; ai không bằng lòng việc tác giả để cho Từ Hải ra hàng có thể tâm đắc với những trang ngợi ca chí chọc trời khuấy nước của người anh hùng áo vải.

truongxua.vn

Như vậy giữa điều tác giả nói ra và điều người đọc tiếp nhận không phải lúc nào cũng trùng hợp. Thông thường những ý, những cách hiểu, những kết luận mà người đọc rút ra rộng hơn cái tác giả định nói. Bài *Tống biệt hành* của Thâm Tâm có đoạn :

Người đi ? Ừ nhỉ, người đi thực !
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu say.

Tại sao "Mẹ thà coi như chiếc lá bay", "Chị thà coi như là hạt bụi" và "Em thà coi như hơi rượu say" ? Chỉ bốn câu thơ thôi nhưng

không biết có bao nhiêu cách hiểu. Không ai biết chính xác tác giả nghĩ như thế nào, nhưng chắc chắn là không phải tất cả mọi cách hiểu đều trùng với ý tác giả, mặc dù không phải chỉ cách hiểu nào trùng với ý tác giả mới là hay.

Đặc biệt, trong tiếp nhận văn học có khi người viết và người đọc không gặp nhau và cảm thụ của một số độc giả về tác phẩm khác hẳn ý đồ của tác giả cũng như khác cách nhìn nhận chung của công chúng về tác phẩm ấy. Những trường hợp như vậy đã từng xảy ra trong văn học nhiều nước trên thế giới, thậm chí đối với cả sáng tác của các nhà văn lỗi lạc.

4. Cách cảm thụ văn học

Đành rằng tiếp nhận văn học là một hành động tự do, mỗi người có thể đến với tác phẩm văn chương theo cách nào cũng được, tùy theo thói quen, sở thích của mình, song ở đây vẫn có vấn đề trình độ và văn hóa tiếp nhận. Thông thường có mấy cách cảm thụ sau đây :

Thứ nhất, là cách cảm thụ chỉ tập trung vào cốt truyện, tức là xem tác phẩm kể chuyện gì, các tình tiết diễn biến ra sao, các nhân vật yêu ghét nhau thế nào, chết sống ra sao. Đây là cách tiếp nhận văn học đơn giản nhất nhưng cũng khá phổ biến. Độc giả loại này thường thích những tác phẩm có các tình huống gay cấn, cảnh ngộ éo le, hồi hộp, bi lụy.

Thứ hai, là cách cảm thụ có chú ý đến nội dung tư tưởng của tác phẩm, muốn tìm hiểu xem qua toàn bộ câu chuyện kể ra, tác giả muốn nói gì. Rõ ràng cách đọc này sâu hơn cách đọc nói trên, đòi hỏi một trình độ cao hơn. Song ở đây cũng có một điều cần lưu ý, đó là nhiều người đọc theo lối này thường có khuynh hướng thu hẹp nội dung tư tưởng tác phẩm vào một số chủ đề nhất định nào đó, dẫn đến chỗ hiểu sai lệch hoặc làm nghèo nội dung của tác phẩm. Chẳng hạn đọc *Chí Phèo* chỉ thấy số phận của nông dân trước Cách mạng, đọc *Vợ nhặt* chỉ thấy tội ác của thực dân phong kiến đã gây nên cảnh

nghèo đói, chết chóc, đọc *Tràng giang* chỉ thấy nỗi buồn mất nước, đọc *Chiều tối* chỉ thấy tinh thần cách mạng của Hồ Chí Minh v.v... Cách đọc này dễ đưa đến quan niệm đơn giản về văn chương.

Thứ ba, là cách cảm thụ chú ý đầy đủ hơn đến nội dung của tác phẩm văn chương, đến cả mặt nhận thức và tư tưởng, tình cảm của nó, đồng thời biết đi tìm niềm vui trong việc thưởng thức cái hay, cái đẹp của câu chữ, kết cấu, hình tượng và các yếu tố nghệ thuật khác. Đây là cách đọc khó và sâu sắc, nó đòi hỏi người đọc không phải chỉ *hiểu* mà còn phải *cảm*, không chỉ biết mà còn phải có khả năng rung động với tác phẩm, với mỗi âm thanh, nhịp điệu, hình ảnh trong từng dòng thơ, từng câu văn. Đây là trình độ cảm thụ văn chương mà mỗi người có văn hóa cần phấn đấu để đạt tới, dù rằng với những mức độ khác nhau.

Cuối cùng, *thứ tư,* là cách cảm như một sự sáng tạo. Nói chung trong bất cứ hành động tiếp nhận văn học nào cũng có sáng tạo. Nhưng trong cách thứ tư này sáng tạo tập trung hơn, chủ động hơn, tích cực hơn bởi vì ở đây người đọc không lấy việc hiểu tác phẩm, thâm nhập vào tác phẩm làm chính mà chỉ xem việc đọc tác phẩm như phương tiện để nghĩ, để cảm, để tự đối thoại với mình và đối thoại với tác giả. Có thể gọi đây là cách đọc nghệ sĩ. Đọc văn theo kiểu này tự do hơn, phóng túng và hào hứng hơn. Nó không chỉ là đọc một cách sáng tạo mà còn kích thích sự sáng tạo. Kiểu cảm thụ này khó và cao, không phải dễ dàng đạt tới. Tuy nhiên, ở đây cũng cần phân biệt kiểu đọc sáng tạo với lối đọc hoàn toàn suy diễn tùy tiện.

Tác phẩm văn chương là một công trình sáng tạo kì diệu của con người, lấy ngôn ngữ làm chất liệu. Tuy nhiên hiểu và cảm văn chương không phải là chuyện dễ. Để đến được với văn chương phải có trực giác nhạy cảm, có tri thức về văn, có vốn sống và nhất là phải có tình yêu. Tình yêu đối với cái đẹp, sự say mê và rung cảm với văn chương sẽ đưa người ta đến với văn chương, dần dần biết nghe được tiếng nói của nhà văn, cảm được cái hồn của câu chữ, nhận ra giá trị

uongxua.vn

của tác phẩm. Có tình yêu, có hiểu biết, và cảm thụ được cái hay, cái đẹp của văn chương, mỗi người sẽ cảm thấy mình phong phú, sâu sắc và tinh tế hơn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Giá trị nhận thức của tác phẩm văn học thể hiện ở những mặt nào ?

2. Muốn đánh giá tác phẩm văn học về phương diện nhận thức cần căn cứ vào những tiêu chuẩn cơ bản nào ? Lấy ví dụ cụ thể.

3. Theo anh (chị), văn học bồi dưỡng cho tình cảm của con người như thế nào ?

4. Lấy ví dụ một câu thơ hoặc một bài thơ đã làm anh (chị) xúc động. Hãy giải thích vì sao anh (chị) xúc động và sự xúc động đó có tác dụng gì đối với anh (chị).

5. Hãy lấy các ví dụ để minh họa, giải thích cho các tiêu chuẩn xác định giá trị thẩm mĩ của tác phẩm văn học.

6. Trong các giá trị của tác phẩm văn học anh (chị) thường thích giá trị nào hơn ? Vì sao ?

7. Tại sao cần phải chú ý đến vấn đề tiếp nhận văn học ?

8. Kể lại giai thoại Bá Nha - Tử Kì. Anh (chị) có suy nghĩ gì khi nghe chuyện này ?

9. Phân biệt các cách cảm thụ văn học. Hàng ngày anh (chị) thường đọc sách văn học theo kiểu nào ?

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI NĂM

Tất cả các nhà văn mà chúng ta đã học qua trong sách này đều là những người cùng thời với chúng ta, các nhà văn hiện đại.

Hầu như các nhà văn lớn đều tìm đến với nhau. Năm 1906, khi sang Mĩ, Gorki đã có dịp gặp gỡ Mac Tuên tại câu lạc bộ nhà văn ở Niu Yooc. Gorki nghe Êxênin đọc thơ ở Berlin, đón tiếp Aragông sang dự Đại hội nhà văn Liên Xô lần thứ nhất vào năm 1934, trao đổi thư từ với Sôlôkhôp khi Sôlôkhôp mới bước vào văn học. Sôlôkhôp đánh giá cao và học tập nghệ thuật viết *Ông già và biển cả*. Đồng thời *Số phận con người* cũng là tác phẩm được Hêminguê trân trọng. Hêminguê từng nói : "Tôi rất thích văn học Nga... Trong các nhà văn hiện đại tôi thích Sôlôkhôp". Nhà văn Mĩ cho rằng "đã đến lúc các nhà văn hiểu nhau" (thư Hêminguê gửi nhà thơ Xô viết Ximônôp ngày 20 tháng 6 năm 1946).

Tất cả các nhà văn này đều trải qua trường đời khắc nghiệt, đi rất nhiều, vốn sống cực kì phong phú. Cả Aragông và Hêminguê đều tham gia chiến đấu trong hai cuộc đại chiến. Sôlôkhôp theo sát gót Hồng quân trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại chống phát xít. Có thể nói họ vừa chiến đấu bằng gươm vừa chiến đấu bằng ngòi bút vì sự nghiệp chính nghĩa, vì lí tưởng nhân văn cao cả.

uongxua.vn

Chân lí cuộc sống, các giá trị thẩm mĩ trong tác phẩm của các nhà văn này đều được nung nấu, rút ra từ gan ruột trong suốt cuộc đời phong phú, mãnh liệt, quả cảm của họ. Lòng trân trọng, sự tin tưởng mãnh liệt vào con người bừng sáng trong toàn bộ sáng tác Gorki : "Tôi không biết còn có gì tốt đẹp hơn, phức tạp hơn, thú vị hơn con người. Con người là tất cả. Nó đã sáng tạo ra cả Thượng đế". Không hề đơn giản hóa, các nhà văn phô bày số phận éo le, trắc trở của con người trong cuộc sống vô cùng phức tạp. Họ tin tưởng ở bản lĩnh, sức mạnh của con người chân chính. Lỗ Tấn muốn dùng văn chương chữa bệnh tinh thần cho quốc dân, phê phán "phép thắng lợi tinh thần" kiểu AQ. Ông cũng trân trọng đặt vòng hoa trên nấm mồ liệt sĩ

hi sinh thân mình để thức tỉnh nhân dân. Tác giả *Ông già và biển cả* khẳng định : "Con người được tạo ra không phải để chịu thất bại. Có thể hủy diệt con người, nhưng không thể chiến thắng được nó". Nhân vật chính trong truyện *Số phận con người* đã thể hiện bản lĩnh kiên cường, vượt lên mọi đau khổ quá sức tưởng tượng, với tâm niệm : "Không, anh là thằng đàn ông, anh là người lính, khi cần anh phải chịu đựng hết, gánh vác hết". Câu nói nổi tiếng của người chiến sĩ cộng sản trở thành điệp khúc trong bài thơ của Aragông :

Nếu phải đi trở lại
Tôi đi lại đường này

Văn thơ của các vị bồi đắp cho ta những tình cảm cao đẹp và là ví dụ sinh động chứng tỏ sự gắn bó hài hòa giữa tình cảm cá nhân và lí tưởng sống của mỗi con người. Đối với Êxênin, quê hương bắt đầu từ cha mẹ, làng xóm. Mỗi chúng ta hẳn sẽ mãi mãi tâm đắc với điều nhà thơ nói thay chúng ta :

Chỉ mẹ là nguồn vui, ánh sáng diệu kì
Chỉ mình mẹ giúp đời con vững bước

thuongmait

Trong thơ Aragông, hình ảnh Enxa không phải chỉ thể hiện tình yêu. Người yêu của nhà thơ cũng đồng thời là người bạn đời, bạn chiến đấu.

Tình yêu quê hương trong thơ văn của họ không ồn ào mà thầm lặng, nhuần thấm trong từng trang sách như nhựa tươi nuôi dưỡng cây xanh. Tình yêu ấy thể hiện trong "Mảnh vườn ta trắng cây cành nảy lộc" của Êxênin, trong từng ngọn cỏ lá cây, mảnh đất mà Aragông, Sôlôkhôp, Hêminguê đã từng bảo vệ bằng máu của chính mình.

Như bầu sữa mẹ, văn hóa dân gian đã nuôi dưỡng thơ văn của họ. Phong vị dân dã đậm nét trong tác phẩm của Gorki. Thơ Êxênin gần với bài hát dân ca. Sôlôkhôp đưa nhiều tục ngữ, dân ca vào tác phẩm. Nụ cười hóm hỉnh luôn thấp thoáng trên trang sách của Lỗ Tấn và Sôlôkhôp.

Gorki viết theo chủ nghĩa hiện thực đậm chất lãng mạn, nhằm dùng văn học cải tạo cuộc sống. Ngòi bút Lỗ Tấn rất lạnh lùng và tỉnh táo. Êxênin nói, nên chú ý tới điệu cảm xúc và tính hình tượng

khi đọc thơ ông. Theo nguyên lí "Tảng băng trôi" của Hêminguê, khi đọc tác phẩm của ông, bạn đọc phải chú ý tới bảy phần chìm, tức là chú ý tới tiềm văn, cách nói lửng. Sôlôkhôp trung thành với chủ nghĩa hiện thực nghiêm ngặt. Sự thật táo bạo bao trùm toàn bộ sáng tác của ông. Sự thật đó được tôn trọng trong từng câu văn, từng hình ảnh, từng chi tiết. Thơ Aragông giàu chất trí tuệ. Nhà thơ muốn vượt ra khỏi sự gò bó của dấu chấm câu để mở rộng sức chứa của thơ.

Ngoài sáu nhà văn kể trên, chúng ta còn đọc thêm tác phẩm của nhà văn Nhật Bản Kaoabata và nhà văn Braxin Amađô. Tác phẩm của cả hai ông đều mang đậm tính dân tộc. Qua cánh hoa anh đào, áo kimônô độc đáo, những mái chùa cổ kính, vườn kiểu Nhật và cách ứng xử nhân ái đối với con người, Kaoabata muốn trân trọng giữ gìn giá trị tinh thần truyền thống của người dân Nhật. *Têrêda* của Amađô mang nhiều đặc sắc Mĩ Latinh. Qua cuộc đời chìm nổi đầy tủi cực của cô gái, Amađô đã làm sống dậy sinh hoạt phức tạp, nhiều màu sắc của một miền đất dữ dội, lạ lùng như huyền thoại.

Phần lí luận văn học cung cấp cho chúng ta những hiểu biết cơ bản về các quy luật phát triển văn học, cách đánh giá và tiếp nhận văn học.

ruongxua.vn

Có thể tìm hiểu lịch sử phát triển văn học thông qua nhiều khái niệm công cụ như : thời kì văn học, trào lưu văn học, thể loại văn học, phong cách, trường phái văn học v.v... Sự phát triển văn học vừa chịu sự chi phối của lịch sử xã hội vừa tuân theo những quy luật nội tại. Mỗi trào lưu văn học thường gắn với những quan điểm tư tưởng và nguyên tắc sáng tác nhất định. Tuy sớm muộn khác nhau nhưng trong các nền văn học khác nhau đã xuất hiện nhiều trào lưu văn học giống nhau như trào lưu lãng mạn, trào lưu hiện thực... Khác với sự phát triển khoa học diễn ra theo tuyến tính, tiến bộ nghệ thuật và quá trình văn học không dựa trên sự phủ định triệt để các thời đại và trào lưu văn học có trước. Chính vì thế mà nhiều kiệt tác văn học thế giới cho đến hôm nay vẫn có tác động thẩm mĩ mạnh mẽ và vẫn là những chuẩn mực nghệ thuật khó vượt qua được.

Khi tìm hiểu tác phẩm văn học chúng ta cần phải cùng một lúc trả lời hai câu hỏi : nhà văn muốn nói điều gì và nhà văn nói điều đó như thế nào. Tức là tìm hiểu cả giá trị nhận thức và giá trị thẩm

mĩ - Lep Tônxtôi nói : "Tác phẩm nghệ thuật hay hoặc dở tùy thuộc vào *điều* nhà văn nói ra, *cách* anh ta nói và anh ta nói *có thật lòng* không". Phải thấy rõ *tính chất đặc biệt của giá trị thẩm mĩ*. Đặc biệt vì nó là cơ sở gắn kết các giá trị khác lại để tạo nên giá trị của tác phẩm văn học. Giá trị thẩm mĩ đích thực phải hàm chứa giá trị tư tưởng - đạo đức. Những tác phẩm văn học vĩ đại bao giờ cũng đạt được sự thống nhất cao của các giá trị nhận thức, giá trị thẩm mĩ. Giá trị thẩm mĩ của tác phẩm văn học luôn gắn với cá tính sáng tạo của nhà văn, giá trị thẩm mĩ có tác động lớn tới tư tưởng, tình cảm, làm phong phú tâm hồn con người.

Tác phẩm văn học luôn sống động nhờ sự tiếp nhận của bạn đọc. Và đồng thời nó cũng là thử thách đòi hỏi bạn đọc phải huy động hết năng lực tinh thần của mình để tiếp nhận. Tiếp nhận văn học lệ thuộc vào trình độ văn hóa, quan điểm giai cấp, tập đoàn, trường phái, đặc điểm dân tộc và khu vực, các sở thích của thời đại, thị hiếu cá nhân v.v... Do tính đặc thù của sự phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, do tính ẩn dụ và tượng trưng nên hình tượng nghệ thuật thường có tính đa nghĩa. Vì lẽ gì đó đôi khi người ta chỉ nhấn mạnh một khía cạnh của hình tượng nghệ thuật, nên dẫn tới tiếp nhận sai lạc hoặc phiến diện tác phẩm văn học. Tính đa nghĩa của tác phẩm văn học đòi hỏi một cách tiếp cận uyển chuyển, biện chứng, toàn diện, nhưng không chấp nhận thái độ tùy tiện. Đọc có sáng tạo là cách tiếp nhận văn học tốt nhất.

TRỌNG TÂM ÔN TẬP

1. Quan niệm nghệ thuật về con người của Gorki trong truyện ngắn *Một con người ra đời*.

2. Gorki nghĩ gì về vai trò của sách văn học trong cuộc đời mình và mọi người ?

3. Lỗ Tấn muốn dùng văn nghệ để chữa bệnh tinh thần cho nhân dân. Trong *AQ chính truyện* tác giả nói đến căn bệnh gì, trong *Thuốc* là căn bệnh gì ?

4. *AQ chính truyện* và *Thuốc* là hai truyện có hai giọng điệu khác nhau nhưng lại nhằm đạt đến một mục đích giống nhau. Anh (chị) nghĩ gì về hiện tượng này ?

5. Quê hương trong thơ Êxênin.

6. Tìm hiểu điệu cảm xúc và tính hình tượng trong một bài thơ của Êxênin.

7. Biện pháp tu từ lặp đi lặp lại các từ ngữ, các câu thơ có tác dụng nghệ thuật gì trong bài *Enxa ngồi trước gương* của Aragông ?

8. Việc Aragông không dùng dấu chấm câu có gây trở ngại gì trong việc đọc và hiểu thơ ông không ?

9. Vận dụng nguyên lí "Tảng băng trôi" để tìm hiểu các đoạn trích *Ông già và biển cả* của Hêminguê.

10. Tính đa nghĩa của truyện ngắn *Ông già và biển cả.*

11. Truyện ngắn *Số phận con người* của Sôlôkhôp đã khắc họa tính cách Nga như thế nào ? Tại sao ta gọi nó là tiểu anh hùng ca ?

12. Số phận con người trong truyện ngắn đã học của Hêminguê và Sôlôkhôp.

13. Tính đa nghĩa của hình tượng cái gương trong truyện ngắn *Thủy nguyệt* của Kaoabata.

uongxua.vn

14. Số phận và tính cách nữ nhân vật qua các đoạn trích tiểu thuyết *Têrêda* của Amađô.

15. Hãy nêu tác phẩm văn học trong chương trình học mà anh (chị) cho là dễ hoặc khó tiếp nhận.

16. Hãy nêu các tác phẩm, hình ảnh, chi tiết, câu thơ mà anh (chị) nhớ lâu, thích thú, rung cảm.

17. Những yếu tố nào thường thúc đẩy sự vận động, phát triển của văn học ?

18. Vì sao nhiều tác phẩm văn học của các thời đại trước bây giờ vẫn còn được đọc, được yêu thích mặc dù xã hội hiện đại đạt trình độ văn minh hơn trước ?

19. Thực chất của giá trị thẩm mĩ là gì ? Có thể căn cứ vào những tiêu chuẩn nào để xác định giá trị thẩm mĩ của tác phẩm ?

20. Một tác phẩm văn học có thể được tiếp nhận khác nhau hay không ? Vì sao ?

MỤC LỤC

Trang

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. MĂCXIM GORKI

(Nguyễn Hải Hà *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 3

– Giảng văn : *Một con người ra đời* 7

– Đọc thêm : *Tôi đã học tập như thế nào* 21

Bài 2. LỖ TẤN

(Lương Duy Thứ *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 28

– Giảng văn : *Thuốc* 30

– Đọc thêm : *AQ chính truyện* 42

Bài 3. ÊXÊNIN

(Hoàng Ngọc Hiến *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 51

– Giảng văn : *Thư gửi mẹ* 54

– Đọc thêm : *"Mái tóc xanh"...* 58

Bài 4. ARAGÔNG

(Phùng Văn Tửu *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 60

– Giảng văn : *Enxa ngồi trước gương* 64

– Đọc thêm : *Bài ca của người hát trong ngục tù tra tấn* 67

thuongmaitr

Bài 5. HÊMINGUÊ

(Đặng Anh Đào *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 70

– Giảng văn : *Đương đầu với đàn cá dữ* (trích *Ông già và biển cả*) 75

– Đọc thêm : *Ông lão và chú bé* (trích *Ông già và biển cả*) 78

Bài 6. SÔLÔKHÔP

(Hoàng Ngọc Hiến *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 82

– Giảng văn : *Số phận con người* 85

– Đọc thêm : *Vào mùa cắt cỏ* (trích *Sông Đông êm đềm*) 91

PHẦN ĐỌC THÊM

KAOABATA

(Phan Nhật Chiêu *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 99

– Thủy nguyệt 104

AMAĐÔ

(Huy Sơn *biên soạn*)

– Tác giả và tác phẩm 118

– Têrêda 122

LÍ LUẬN VĂN HỌC

(Lê Ngọc Trà *biên soạn*)

Bài 1. Sự phát triển lịch sử của văn học 132

Bài 2. Các giá trị văn học và tiếp nhận văn học 137

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI NĂM 153

(Nguyễn Hải Hà *biên soạn*)

uongxua.vn

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12

1.	Văn học 12, tập một	*Chỉnh lí hợp nhất*
2.	Văn học 12, tập hai	*Chỉnh lí hợp nhất*
3.	Làm văn 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
4.	Dàn bài Tập làm văn 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
5.	Giải tích 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
6.	Bài tập Giải tích 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
7.	Hình học 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
8.	Bài tập Hình học 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
9.	Lịch sử 12, tập một	*Tái bản*
10.	Lịch sử 12, tập hai	*Tái bản*
11.	Địa lí 12	*Tái bản*
12.	Tài liệu Giáo dục công dân 12	*Tái bản*
13.	Sinh học 12	*Tái bản*
14.	Vật lí 12	*Tái bản*
15.	Hóa học 12	*Tái bản*
16.	Kĩ thuật 12 (Kĩ thuật điện)	*Tái bản*
17.	Kĩ thuật 12 (Chăn nuôi)	*Tái bản*
18.	English 12	*Tái bản*
19.	Tiếng Anh 12 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
20.	Tiếng Pháp 12 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
21.	Tiếng Pháp 12 (Hệ 7 năm)	*Tái bản*
22.	Tiếng Nga 12 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
23.	Bài tập Vật lí 12	*Tái bản*
24.	Bài tập Hóa học 12	*Tái bản*
25.	Bài tập Sinh học 12	*Tái bản*
26.	Bài tập thực hành Kĩ thuật 12 (Kĩ thuật điện)	*Tái bản*
27.	Bài tập thực hành Kĩ thuật 12 (Chăn nuôi)	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

VĂN HỌC 12, *tập hai*

In 80.000 bản, khổ 14,3x20,3 cm, tại CTy XNK ngành In TP. HCM (Primexco)
754 Hàm Tử Q5 - Số in: 753. Số xuất bản: 831/233-99.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2000.
Mã số: 3H202m0.

Giá: 3.800đ